

Số: **994** /QĐ-MDC

Hà Nội, ngày **14** tháng **10** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MDC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế “Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-MDC ngày 28/03/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62; Cao đẳng - khóa 59, 60, 61 và Liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 60, 61, 62, 63 hệ chính quy và CTTT khóa 4, 5, 6;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học cho 1500 sinh viên cao đẳng - khóa 59, 60, 61; Đại học - khóa 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62 và Liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 60, 61, 62, 63 và CTTT khóa 4, 5, 6 các ngành đào tạo: CN kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, CN kỹ thuật địa chất, CN kỹ thuật trắc địa, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Điện, Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Dầu khí, Kỹ thuật Địa vật lý, CN kỹ thuật hóa học, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Tuyển khoáng, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Quản lý đất đai, Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động (Có danh sách kèm theo);

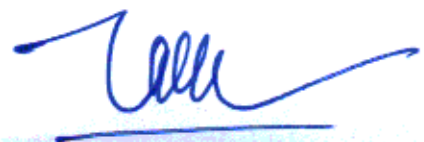
Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chi đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



Số: 994 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-MĐC ngày 28/03/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62; Cao đẳng - khóa 59, 60, 61 và Liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 60, 61, 62, 63 hệ chính quy và CTTT khóa 4, 5, 6;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học cho 1500 sinh viên cao đẳng - khóa 59, 60, 61; Đại học - khóa 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62 và Liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 60, 61, 62, 63 và CTTT khóa 4, 5, 6 các ngành đào tạo: CN kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, CN kỹ thuật địa chất, CN kỹ thuật trắc địa, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Điện, Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Dầu khí, Kỹ thuật Địa vật lý, CN kỹ thuật hóa học, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Tuyển khoáng, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Quản lý đất đai, Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎



GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - NĂM 2020 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số 994 /QĐ-MĐC ngày 44 tháng 10 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TB/TN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa học
1	1511060019	Cao Hoàng	Hà	12/05/1997	Nam	Lâm Đồng	2.13	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TDH	Tự động hóa	CCCDCD60
2	1511060006	Nguyễn Duy	Thiệu	06/03/1997	Nam	Thái Bình	2.06	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TDH	Tự động hóa	CCCDCD60
3	1511060021	Trần Văn	Vũ	19/07/1997	Nam	Quảng Ninh	2.12	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TDH	Tự động hóa	CCCDCD60
4	1611060012	Nguyễn Thị	Thao	12/04/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.54	Khá	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TDH	Tự động hóa	CCCDTD61
5	1611020002	Nguyễn Trường	Giang	06/08/1997	Nam	Hà Tây	2.18	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC61
6	1611020006	Trần Thị Thanh	Hà	31/08/1996	Nữ	Nam Hà	2.64	Khá	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC61
7	1411030079	Phạm Ngọc	Khang	29/07/1996	Nam	Nam Định	2.06	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDTD59
8	1411030070	Lê Anh	Tuấn	26/09/1995	Nam	Quảng Ninh	2.07	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDTD59
9	1511030001	Lê Đình Đỗ	Đạt	15/06/1997	Nam	Hà Nội	2.35	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDTD60
10	1511030008	Tạ Tuấn	Hung	11/12/1997	Nam	Hà Nội	2.27	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDTD60
11	1121060075	Nguyễn Văn	Hưng	22/07/92	Nam	Hung Yên	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK56B
12	1221060104	Lê Hồng	Quân	24/01/1993	Nam	Quảng Ninh	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK57
13	1421060137	Lê Thạc	Huỳnh	20/04/1996	Nam	Nghệ An	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK59_2

(Chữ ký)

14	1321060187	Nguyễn Văn	Minh	20/02/1995	Nam	Hải Hưng	2.12	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-điện tử	DCCDDT58_1
15	1421060118	Vũ Văn	Hội	18/04/1996	Nam	Nam Định	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-điện tử	DCCDDT59_1
16	1421060165	Dương Việt	Mạnh	15/06/1996	Nam	Nam Định	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-điện tử	DCCDDT59_1
17	1421060305	Trần Sơn	Tùng	08/09/1996	Nam	Quảng Ninh	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-điện tử	DCCDDT59_1
18	1421060341	Lương Quang	Chiến	19/01/1995	Nam	Thái Bình	2.05	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
19	1421060381	Phùng Tiến	Đạt	03/11/1996	Nam	Hà Nội	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
20	1421060194	Đỗ Thanh	Ngọc	03/06/1996	Nam	Hải Dương	2.05	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
21	1421060258	Tạ Văn	Thắng	19/11/1996	Nam	Quảng Ninh	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
22	1421060306	Hoàng Văn	Tuyên	09/12/1993	Nam	Thái Bình	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
23	1321060025	Đỗ Duy	Bình	02/02/1995	Nam	Bắc Ninh	2.52	Khả	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mô	DCCDMT58_1
24	1121060208	Phạm Hồng	Hải	05/04/93	Nam	Ninh Bình	2.05	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDDT56A
25	1221060182	Lê Quang	Vũ	19/07/1994	Nam	Hà Tây	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDDT57A
26	1221060127	Nguyễn Huy	Thế	30/03/1994	Nam	Quảng Ninh	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDDT57B
27	1321060453	Nguyễn Tiến	Đạt	11/11/1995	Nam	Thanh Hóa	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDDT58_1
28	1321060445	Phan Quốc	Dũng	10/10/1995	Nam	Nghệ An	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDDT58_1
29	1321060167	Lê Thạc	Linh	17/03/1995	Nam	Nghệ An	2.02	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDDT58_1

Handwritten signature

30	1321060213	Nguyễn Anh	Phong	22/10/1995	Nam	Hà Nội	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCTD58_1
31	1321060235	Nguyễn Văn	Quyet	20/11/1995	Nam	Nghe An	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD58_1
32	1421020470	Lê Trọng	Minh	18/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
33	1421011140	Lã Minh	Hồng	22/12/1994	Nam	Hà Nam	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59VT
34	1421060495	Trần Tuấn	Minh	30/12/1995	Nam	Nam Định	2.66	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TD thủy khí	DCCDTK59_1
35	1421050078	Nguyễn Ngọc	Hùng	01/11/1995	Nam	Thái Bình	2.46	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC59_1
36	1421050183	Trần Danh	Thanh	14/02/1996	Nam	Bắc Ninh	2.49	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC59_1
37	1421050290	Nguyễn Đình	Châu	30/01/1996	Nam	Hà Tây	2.37	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
38	1421050036	Mỹ Duy	Dũng	10/02/1996	Nam	Thanh Hóa	2.33	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
39	1421050083	Phạm Thị	Huyền	06/12/1995	Nữ	Thái Bình	2.33	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT59_1
40	1321050001	Bùi Đức	Anh	14/02/1995	Nam	Thái Bình	2.29	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
41	1321050024	Nguyễn Văn	Chiều	09/08/1994	Nam	Nam Định	2.16	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
42	1321050109	Nguyễn Ngọc	Kỳ	27/10/1995	Nam	Nam Định	2.26	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
43	1321050195	Phan Thị	Thu	27/03/1995	Nữ	Thái Bình	2.33	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
44	1421050073	Đinh Văn	Hoàng	08/04/1995	Nam	Nam Định	2.11	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
45	1421050166	Phạm Tấn	Sang	09/06/1996	Nam	Thái Bình	2.50	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2

Handwritten signature

46	1321050021	Nguyễn Thị	Chang	10/09/1995	Nữ	Nam Định	2.60	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học mô	DCCTMO58_1
47	1321050094	Nguyễn Thị	Huyền	02/09/1995	Nữ	Nghệ An	2.57	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học mô	DCCTMO58_1
48	1321050454	Trần Đức	Cường	15/08/1995	Nam	Nam Định	2.15	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
49	1321050496	Nguyễn Thế	Giang	01/11/1995	Nam	Bắc Ninh	2.40	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
50	1321050615	Nguyễn Đức	Linh	10/01/1995	Nam	Tuyên Quang	2.63	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
51	1321050716	Chu Đức	Thắng	25/04/1995	Nam	Hà Nam	2.43	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
52	1421050027	Lương Xuân	Cương	15/08/1996	Nam	Đắk Nông	2.51	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
53	1421050580	Nguyễn Minh	Son	21/03/1996	Nam	Thanh Hóa	2.25	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
54	1221020339	Nguyễn Văn	Huy	08/09/1994	Nam	Nghệ An	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT57A
55	1221020062	Vũ Đức	Hiếu	13/07/1994	Nam	Thái Bình	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT57B
56	1321020497	Nguyễn Đình	Đức	19/05/1994	Nam	Hà Tĩnh	2.93	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT58_1
57	1421050041	Nguyễn Văn	Đạt	28/08/1995	Nam	Ninh Bình	2.64	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT59_1
58	1421020416	Nguyễn Văn	Khiết	06/10/1995	Nam	Nam Định	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT59_1
59	1421020550	Mai Thế	Sỹ	07/01/1996	Nam	Thái Bình	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT59_1
60	1421020153	Dương Quang	Thắng	21/09/1996	Nam	Bắc Giang	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT59_1
61	1421020606	Đình Phúc	Thương	03/10/1996	Nam	Hà Tây	2.68	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT59_1

Handwritten signature

62	1421020611	Lê Minh	Tiến	09/11/1996	Nam	Thái Bình	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT59_1
63	1421020655	Hà Anh	Tuấn	02/09/1995	Nam	Nghệ An	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT59_1
64	1421020695	Vũ Thế	Việt	13/02/1995	Nam	Hà Nội	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT59_1
65	1421020233	Lê Văn	Bền	03/04/1995	Nam	Nam Định	2.11	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT59_2
66	1421020130	Trương Khắc	Quân	30/07/1995	Nam	Thanh Hóa	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT59_2
67	1421020001	Phạm Xuân	An	08/08/1996	Nam	Nam Định	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
68	1421020002	Bùi Quang	Anh	31/03/1996	Nam	Hà Nội	2.72	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
69	1421020030	Bùi Thị	Dung	30/10/1996	Nữ	Hải Dương	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
70	1421020353	Mai Đình	Hiếu	05/01/1996	Nam	Hà Nội	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
71	1421020128	Nguyễn Đức	Quản	07/11/1996	Nam	Hải Phòng	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
72	1421020176	Phạm Văn	Trương	03/06/1996	Nam	Hà Nam	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
73	1421020677	Trần Khắc	Tùng	13/08/1996	Nam	Hải Dương	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
74	1221020057	Thái Khắc	Hải	24/01/1993	Nam	Nghệ An	2.70	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57A
75	1221020080	Nguyễn Đức	Khang	19/06/1994	Nam	Hà Nội	3.06	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57B
76	1321020567	Nguyễn Quang	Huy	20/09/1994	Nam	Hà Tây	2.76	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
77	1421020249	Nguyễn Trọng	Công	12/08/1995	Nam	Nghệ An	2.84	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK59_2

W A

78	1221020332	Vũ Xong	Hỷ	22/04/1994	Nam	Nam Định	2.11	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-DCCCT	DCDCTV57B
79	1421020216	Nguyễn Quang	Anh	03/05/1996	Nam	Hà Nội	2.69	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-DCCCT	DCDCTV59_1
80	1421020113	Lê Kỳ	Nam	19/02/1996	Nam	Thanh Hóa	2.12	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-DCCCT	DCDCTV59_2
81	1421020623	Trần Thị Huyền	Trang	14/01/1996	Nữ	Hà Nam	2.81	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-DCCCT	DCDCTV59_2
82	1321010152	Nguyễn Quang	Hiếu	24/08/1995	Nam	Quảng Ninh	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
83	1421010328	Trần Văn	Thực	19/12/1995	Nam	Hà Tây	2.10	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_1
84	1421020117	Vũ Hồng	Ngọc	16/05/1996	Nữ	Hà Nội	2.10	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC59_2
85	1021010073	Nguyễn Tiến	Dũng	03/03/1992	Nam	Thái Bình	2.53	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK55
86	1221010257	Đặng Quý	Nhân	10/08/1994	Nam	Nam Định	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57B
87	1321011001	Nguyễn Duy	Anh	21/01/1995	Nam	Thanh Hóa	2.50	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
88	1421010144	Lê Văn	Huy	02/10/1996	Nam	Thanh Hóa	2.75	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59_1
89	1421010331	Đỗ Quyết	Tiến	08/10/1996	Nam	Thái Bình	2.88	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59_1
90	1421010100	Đặng Văn	Hào	05/10/1996	Nam	Thái Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59_2
91	1421011182	Trần Trịnh Quang	Khoa	21/09/1996	Nam	Phù Yên	2.67	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59VT
92	1421011185	Ngô Văn	Kiệt	19/01/1994	Nam	Thái Nguyên	2.95	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59VT
93	1421011241	Trần Mai	Nam	15/02/1996	Nam	Vũng Tàu	2.73	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59VT

Handwritten signature

94	1221020561	Trần Đoàn	Duy	25/08/1994	Nam	Nam Định	2.09	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD57A
95	1221010227	Đinh Quang	Mạnh	15/09/1994	Nam	Nam Định	2.09	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD57A
96	1221010041	Đặng Văn	Chung	15/02/1994	Nam	Thái Bình	2.57	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD57B
97	1421010201	Hoàng	Minh	28/02/1995	Nam	Thanh Hóa	2.05	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
98	1421011431	Nguyễn Lâm Triều	Vỹ	26/04/1996	Nam	Gia Lai	2.34	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
99	1321010242	Nguyễn Văn	Nam	04/08/1995	Nam	Nam Định	2.67	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
100	1421010095	Lê Văn	Hải	17/05/1995	Nam	Thanh Hóa	2.67	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
101	1421030194	Vũ Đình	Thom	29/10/1995	Nam	Hải Dương	2.52	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
102	1424010013	Vũ Việt	Anh	18/02/1996	Nam	Ninh Bình	2.07	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTKD59_3
103	1424010055	Nguyễn Thị	Hòa	08/01/1996	Nữ	Ninh Bình	2.27	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTKD59_3
104	1424010095	Phạm Thị	Liên	19/09/1996	Nữ	Hà Nội	2.35	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTKD59_3
105	1524010364	Phạm Đức	Anh	24/06/1997	Nam	Quảng Ninh	2.06	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTKD60_3
106	1524010574	Võ Xuân	Hiển	17/12/1997	Nam	Hà Nội	2.68	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTKD60_3
107	1524010435	Trịnh Việt	Hùng	05/06/1991	Nam	Quảng Ninh	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTKD60_3
108	1524010447	Phạm Quang	Huy	29/06/1997	Nam	Hải Phòng	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTKD60_3
109	1524010516	Trương Lập	Thu	15/09/1997	Nam	Quảng Ninh	2.07	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTKD60_3

110	1524010546	Nguyễn Quang	Trương	18/09/1995	Nam	Hòa Bình	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD60_3
111	1524010038	Nguyễn Tiến	Anh	28/04/1997	Nam	Hà Nội	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKDD60_2
112	1524010028	Nguyễn Xuân	Đạt	03/06/1997	Nam	Hà Nội	2.45	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKDD60_2
113	1524010554	Nguyễn Đăng	Tùng	23/03/1997	Nam	Hưng Yên	2.12	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKDD60_2
114	1524010113	Đinh Thị Kim	Anh	27/11/1997	Nữ	Nam Định	2.55	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh mỏ	DCKTKDM60_1
115	1524010091	Nguyễn Thị Diệu	Linh	10/12/1997	Nữ	Hà Nam	2.84	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh mỏ	DCKTKDM60_1
116	1524010007	Nguyễn Thị	Thu	10/04/1997	Nữ	Nam Định	2.28	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh mỏ	DCKTKDM60_1
117	1424010129	Nguyễn Thị	Nga	20/01/1996	Nữ	Nam Định	2.59	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_59_1
118	1424010530	Hoàng Thu	Thảo	27/11/1996	Nữ	Thái Nguyên	3.23	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_59_1
119	1524010186	Lê Đức	Chinh	06/12/1997	Nam	Quảng Ninh	2.50	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
120	1524010236	Nguyễn Hữu	Đạt	16/12/1997	Nam	Hà Tây	2.11	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
121	1524010197	Chu Thị Ngọc	Diệp	03/11/1997	Nữ	Thái Bình	2.24	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
122	1524010196	Đào Thị Vân	Diệp	05/12/1997	Nữ	Thái Bình	2.30	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
123	1524010216	Lục Thị Thu	Hương	26/05/1997	Nữ	Hải Dương	2.51	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
124	1524010240	Nguyễn Thị Thủy	Hường	03/09/1997	Nữ	Hà Nội	2.51	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1
125	1524010277	Hoàng Thị	Lan	02/09/1997	Nữ	Hải Dương	2.52	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_1

110 A

126	1524010260	Lê Thị	Nguyễn	20/10/1997	Nữ	Nam Định	2.30	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_1
127	1524010350	Phạm Thị Tuyết	Chinh	12/10/1997	Nữ	Ninh Bình	2.76	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_2
128	1524010123	Nguyễn Anh	Đức	23/09/1997	Nam	Hà Nội	2.23	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_2
129	1524010224	Đoàn Thị	Hiền	17/12/1997	Nữ	Thái Bình	2.95	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_2
130	1524010218	Trần Thị Tố	Huyền	23/12/1997	Nữ	Thái Nguyên	2.57	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_2
131	1524010281	Vũ Thị Thanh	Huyền	11/09/1997	Nữ	Thái Bình	2.48	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_2
132	1524010344	Lê Thu	Huyền	05/01/1997	Nữ	Hà Nội	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_2
133	1524010226	Đặng Thị	Kiều	11/08/1997	Nữ	Nam Định	2.44	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_2
134	1524010346	Lê Thị Ánh	Nguyễn	30/06/1997	Nữ	Nam Định	2.71	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_2
135	1524010286	Nguyễn Thị Mai	Phuong	07/09/1997	Nữ	Nam Định	2.22	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_2
136	1524010162	Nguyễn Thị	Thủy	20/12/1996	Nữ	Vĩnh Phúc	2.58	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_2
137	1524010142	Trần Thị	Yên	12/06/1997	Nữ	Bắc Ninh	2.10	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_2
138	1524010280	Đặng Văn	Hưng	02/10/1997	Nam	Quảng Ninh	2.53	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	ĐCKTTC60_2
139	1524010258	Mai Quang	Khải	29/10/1997	Nam	Hà Nội	2.37	Trung bình	Kế toán	Kế toán tài chính công	ĐCKTTC60_2
140	1524010268	Vũ Thị Mỹ	Linh	19/11/1997	Nữ	Thái Bình	2.51	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	ĐCKTTC60_2
141	1524010201	Đàm Gia	Linh	20/06/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.64	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	ĐCKTTC60_2

Handwritten signature

142	1524010192	Nguyễn Thủy	Ngọc	27/10/1996	Nữ	Bắc Ninh	2.67	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTTC60_2
143	1524010117	Đào Thị	Thành	16/11/1997	Nữ	Phú Thọ	2.61	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTTC60_2
144	1221040014	Trịnh Đức	Anh	06/07/1993	Nam	Hải Phòng	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
145	1321040016	Nguyễn Duy	Bảo	16/10/1995	Nam	Nam Định	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
146	1321040175	Mai Sỹ	Minh	06/11/1993	Nam	Thanh Hóa	2.50	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
147	1421040359	Nguyễn Hoàng	Anh	28/11/1996	Nam	Thanh Hóa	2.52	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
148	1421020089	Đào Trọng Ngọc	Long	17/12/1995	Nam	Hải Phòng	2.55	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
149	1421040214	Đặng Việt	Phuong	06/03/1995	Nam	Phú Thọ	2.52	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
150	1421040253	Nguyễn Doãn	Thành	10/11/1996	Nam	Thái Nguyên	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
151	1421040152	Nguyễn Nam	Khánh	30/07/1995	Nam	Quảng Ninh	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
152	1421040170	Phạm Đức	Long	12/06/1996	Nam	Thái Bình	2.71	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
153	1421040501	Nguyễn Văn	Son	13/07/1996	Nam	Hà Nội	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
154	1421040256	Nguyễn Trọng	Thành	31/03/1996	Nam	Hải Phòng	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
155	1421040286	Nguyễn Tân	Triển	16/01/1996	Nam	Hung Yên	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
156	1421040322	Nguyễn Ngọc	Tuấn	24/07/1996	Nam	Hà Nội	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2
157	1421011020	Nguyễn Vũ	Bảo	30/06/1996	Nam	Gia Lai	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT

Handwritten signature

158	1421040142	Nguyễn Lan	Hương	17/10/1996	Nữ	Hà Giang	2.61	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
159	1421040507	Hoàng Gia	Thái	19/08/1995	Nam	Hà Nội	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
160	1421040288	Hà Long	Tin	21/05/1996	Nam	Lào Cai	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
161	1421045009	Trần Bảo	Trung	20/12/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
162	1421040342	Lương Văn	Ước	24/10/1995	Nam	Lào Cai	2.77	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
163	1424010036	Phạm Thu	Hà	30/11/1996	Nữ	Quảng Ninh	3.00	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
164	1421040244	Nguyễn Công	Thanh	27/07/1996	Nam	Hải Dương	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
165	1421040208	Triệu Thị	Oanh	14/02/1996	Nữ	Bắc Kạn	2.63	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển luyện- Tuyển quặng	DCMOTL59_1
166	1421040136	Lù Mạnh	Hưng	20/09/1996	Nam	Lào Cai	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển luyện- Tuyển quặng	DCMOTL59_2
167	1421040282	Vũ Đình	Thuyết	07/10/1996	Nam	Lào Cai	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển luyện- Tuyển quặng	DCMOTL59_2
168	1421080230	Cao Thị	Huệ	08/03/1995	Nữ	Thanh Hóa	2.80	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
169	1421080290	Trần Đức	Minh	14/07/1994	Nam	Quảng Bình	2.61	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
170	1421080089	Bùi Nhật	Phong	05/01/1996	Nam	Hà Nội	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_1
171	1421080072	Trần Bình	Minh	07/11/1996	Nam	Hà Nội	2.53	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
172	1421080351	Nguyễn Đại	Thành	07/02/1996	Nam	Quảng Ninh	2.58	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS59_2
173	1321030786	Phạm Thị Thu	Phượng	05/01/1995	Nữ	Phú Thọ	2.51	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2

174	1321080080	Vũ Anh	Quản	09/08/1995	Nam	Hà Nội	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
175	1421080019	Hoàng Tuấn	Dương	04/06/1996	Nam	Lào Cai	2.51	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
176	1421080042	Đỗ Quốc	Huy	04/04/1996	Nam	Hà Tây	3.09	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
177	1421080095	Nông Quốc	Phuong	27/12/1996	Nam	Hung Yên	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
178	1421080331	Hoàng Thị Kim	Phượng	05/03/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.77	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_1
179	1421020092	Nguyễn Nhật	Long	08/08/1996	Nam	Quảng Ninh	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT59_2
180	1421030212	Nguyễn Ngô	Trung	22/09/1996	Nam	Nghệ An	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý	DCTDAV59_2
181	1421030135	Lê Văn	Nam	25/07/1996	Nam	Thái Bình	2.70	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD59_2
182	1221030176	Hoàng Xuân	Trường	29/05/1994	Nam	Thái Bình	2.10	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
183	1321030600	Bùi Mạnh	Hồng	23/03/1995	Nam	Tuyên Quang	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
184	1421030264	Trần Hoàng	Anh	07/10/1996	Nam	Nam Hà	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_1
185	1421030006	Nguyễn Việt	Anh	12/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.53	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC59_2
186	1521030056	Trương Thanh	Hung	14/02/1997	Nam	Hà Nội	2.50	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
187	1521030141	Nguyễn Gia	Long	13/03/1997	Nam	Hà Nội	2.69	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
188	1521030147	Cù Minh	Nam	06/08/1997	Nam	Hà Tây	2.63	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
189	1521030032	Chang A	Sa	29/08/1996	Nam	Lai Châu	2.29	Trung bình	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60

Handwritten signature

190	1521030443	Trịnh Hồng	Son	17/10/1997	Nam	Hà Tây	2.68	Khả	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
191	1521030459	Hà Quốc	Việt	08/05/1997	Nam	Hà Tây	2.40	Trung bình	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDD60
192	0921030141	Nguyễn Hữu	Tổ	15/04/1990	Nam	Nghệ An	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_54A
193	1321030553	Hoàng Thị	Hành	21/03/1995	Nữ	Nam Định	2.61	Khả	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
194	1321030455	Nguyễn Hữu	Công	19/05/1995	Nam	Hà Nội	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
195	1321030159	Trần Thanh	Nam	17/07/1995	Nam	Quảng Ninh	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
196	1321030166	Phạm Văn	Ngọc	12/06/1995	Nam	Nam Định	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
197	1321030780	Nguyễn Hồng	Phúc	03/03/1995	Nam	Hà Nội	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
198	1321030237	Lê Viết	Tòan	10/06/1994	Nam	Thanh Hóa	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
199	1321030613	Nguyễn Việt	Hùng	10/06/1994	Nam	Thanh Hóa	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô-Công trình	DCTDTM58_1
200	1421030361	Phạm Đức	Hòa	20/06/1996	Nam	Thái Bình	2.87	Khả	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô-Công trình	DCTDTM59_1
201	1421070013	Mai Ngọc	Chiến	04/05/1995	Nam	Thanh Hóa	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
202	1421070058	Chu Hải	Hưng	03/03/1996	Nam	Nam Định	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
203	1421070139	Đỗ Mạnh	Tùng	20/06/1996	Nam	Thanh Hóa	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_1
204	1421070095	Nguyễn Chương	Nguyễn	07/12/1994	Nam	Nghệ An	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2
205	1421070123	Hoàng Văn	Thống	17/05/1994	Nam	Bắc Kạn	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC59_2

206	1321070073	Lê Đức	Hòa	02/09/1994	Nam	Thanh Hóa	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDH158_2
207	1321070191	Vũ Nam	Tiến	13/10/1994	Nam	Thái Bình	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDH158_2
208	1421070066	Trần Đăng	Khoa	01/11/1996	Nam	Hà Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDH159_2
209	1221070160	Nông Việt	Trung	27/11/1994	Nam	Hà Nội	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXDNM57
210	1421070385	Bùi Huy	Minh	07/07/1996	Nam	Nam Định	2.54	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXDNM59_1
211	1221070089	Trần Thanh	Lịch	02/12/1993	Nam	Thái Bình	2.57	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN57
212	1321030437	Phạm Quang	Bình	28/02/1995	Nam	Hải Dương	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
213	1321070122	Nguyễn Tiến	Mạnh	29/07/1995	Nam	Vĩnh Phúc	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
214	1421070021	Lương Quốc	Cường	23/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
215	1421070201	Phùng Bá	Diện	26/02/1996	Nam	Bắc Ninh	2.69	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
216	1421070291	Nguyễn Cao	Hóa	28/01/1996	Nam	Thái Bình	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
217	1421030078	Bùi Việt	Hoàng	31/12/1996	Nam	Quảng Ninh	2.66	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
218	1421070052	Nguyễn Huy	Hùng	20/11/1996	Nam	Nam Định	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
219	1421070057	Vũ Quốc	Huy	11/09/1995	Nam	Thanh Hóa	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
220	1421070490	Nguyễn Thành	Tông	07/06/1996	Nam	Thái Bình	2.51	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
221	1421040306	Hoàng Văn	Trung	10/03/1996	Nam	Hải Dương	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2

222	1731060001	Ngô Văn	Lăng	19/09/1994	Nam	Nam Đình	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	LCTDTD62
223	1331050300	Nguyễn Xuân	Trường	14/01/1991	Nam	Hải Hưng	2.16	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	LCCTCT58_1
224	1731020031	Trần Văn	Luật	11/08/1993	Nam	Thái Bình	2.69	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC62
225	1731020003	Đỗ Huy	Mạnh	25/04/1996	Nam	Hà Tây	2.86	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC62_1
226	1531040033	Nguyễn Danh	Toàn	30/10/1994	Nam	Thái Bình	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO60
227	1531030069	Nguyễn Văn	Vũ	31/05/1992	Nam	Hải Hưng	3.01	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD60
228	1731030050	Hoàng Văn	Chiều	29/09/1996	Nam	Hung Yên	2.76	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
229	1731030051	Nguyễn Thế	Công	16/12/1989	Nam	Bắc Giang	2.90	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
230	1731030053	Hà Trung	Hiếu	12/06/1995	Nam	Thái Bình	2.91	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
231	1731030054	Lê Đức	Hùng	11/02/1990	Nam	Hung Yên	3.03	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
232	1731030058	Nguyễn Hữu	Trung	22/11/1996	Nam	Nam Đình	2.85	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
233	1731030059	Đặng Đình	Trường	15/05/1988	Nam	Nghe An	3.36	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
234	1531070408	Nguyễn Văn	Tuyến	16/12/1994	Nam	Nam Đình	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDXD60
235	1621080029	Nguyễn Thị Huyền	Trang	25/06/1998	Nữ	Hung Yên	2.83	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT61_2
236	1621010707	Trần Tùng	Lâm	31/07/1997	Nam	Thái Nguyên	2.90	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC61_2
237	1121010157	Hoàng Ngọc	Hùng	03/09/91	Nam	Thanh Hoá	2.08	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD56A

Handwritten signature/initials

238	1121040444	Vũ Minh	Tuấn	29/04/91	Nam	Hải Dương	2.10	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCCDKLD56B
239	1621040016	Phạm Văn	Khải	15/06/1998	Nam	Hải Phòng	3.11	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác mỏ	DCMOKT61_2
240	1021030036	Võ Hoàng	Đạo	27/05/92	Nam	Nghệ An	2.55	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_55B
241	1211070115	Phạm Anh	Toàn	21/04/1994	Nam	Nam Định	6.33	Trung bình khá	CN kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng	CCXDXD57A
242	1021030221	Vũ Xuân	Trường	28/11/91	Nam	Bắc Thái	2.39	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_55A
243	1621050457	Hoàng Anh	Tuấn	14/01/1998	Nam	Hải Phòng	2.88	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM61_2
244	1621050318	Giang Văn	Khánh	21/11/1996	Nam	Hưng Yên	2.41	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM61_2
245	1621060661	Nguyễn Đình	Văn	19/05/1998	Nam	Nam Định	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCDMT61
246	1521040192	Phạm Tuấn	Anh	23/10/1997	Nam	Ninh Bình	3.14	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
247	1521060078	Lưu Xuân	Bách	08/10/1997	Nam	Hà Nội	2.64	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
248	1521060048	Phạm Văn	Bình	03/10/1996	Nam	Hà Nội	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
249	1521060010	Phùng Văn	Cường	29/09/1997	Nam	Hà Nội	3.00	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
250	1521060097	Lê Hữu	Đạt	15/06/1997	Nam	Thanh Hóa	2.59	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
251	1521060313	Nguyễn Đình	Đuẩn	06/10/1997	Nam	Thái Bình	2.54	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
252	1521060244	Bùi Văn	Duy	12/04/1997	Nam	Nam Định	2.56	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
253	1521060132	Hoàng Thị Thu	Hà	07/09/1997	Nữ	Nam Định	2.91	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1

Handwritten signature

254	1521060251	Đinh Sơn	Hà	12/10/1997	Nam	Quảng Ninh	3.09	Khả	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
255	1521060037	Phạm Nguyễn Huy	Hoàng	29/04/1997	Nam	Quảng Ninh	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
256	1521060017	Nguyễn Văn	Hoạt	24/12/1997	Nam	Bắc Ninh	2.68	Khả	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
257	1521060117	Nguyễn Mạnh	Hùng	13/05/1997	Nam	Hải Dương	2.56	Khả	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
258	1521060282	Phạm Xuân	Hùng	10/10/1997	Nam	Hải Phòng	2.81	Khả	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
259	1521060262	Vũ Văn	Huỳnh	14/08/1997	Nam	Quảng Ninh	2.64	Khả	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
260	1521060193	Vũ Đình	Nam	03/10/1997	Nam	Quảng Ninh	2.94	Khả	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
261	1521060289	Nguyễn Ngọc	Son	06/10/1997	Nam	Quảng Ninh	2.55	Khả	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
262	1521060096	Vũ Đình	Tiến	08/12/1997	Nam	Thái Bình	2.65	Khả	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
263	1521060259	Nguyễn Minh	Tuấn	10/02/1997	Nam	Lào Cai	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
264	1521060316	Vũ Quốc	Việt	26/12/1997	Nam	Quảng Ninh	2.54	Khả	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
265	1521060118	Nguyễn Xuân Anh	Việt	19/04/1997	Nam	Bắc Ninh	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
266	1521040015	Nguyễn Hồng	Vinh	13/07/1997	Nam	Quảng Ninh	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	DCCDDK60_1
267	1521060228	Phương Tuấn	Anh	21/10/1995	Nam	Bắc Giang	2.62	Khả	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
268	1521060323	Phan Ngọc	Anh	10/12/1997	Nam	Hà Nội	2.71	Khả	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
269	1521060143	Nguyễn Văn	Bắc	04/12/1997	Nam	Quảng Ninh	2.54	Khả	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1

Handwritten signature

270	1521060129	Nguyễn Minh	Châu	26/02/1997	Nam	Hà Nội	2.50	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
271	1521060092	Nguyễn Quyết	Chiến	02/07/1995	Nam	Hà Nội	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
272	1521060059	Phùng Xuân	Đạt	24/01/1997	Nam	Quảng Ninh	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
273	1521060326	Trần Quốc	Dược	13/08/1997	Nam	Thanh Hóa	2.61	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
274	1521060094	Nguyễn Hoàng	Hà	20/12/1997	Nam	Hà Nội	2.64	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
275	1521060197	Phương Hoàng	Hải	29/06/1997	Nam	Hà Nội	2.82	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
276	1521060269	Nguyễn Đình	Hoàng	06/12/1997	Nam	Thanh Hóa	2.58	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
277	1521060176	Nguyễn Duy	Hưng	09/09/1997	Nam	Quảng Ninh	2.69	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
278	1521060280	Nguyễn Bá	Hùng	02/06/1996	Nam	Cao Bằng	2.58	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
279	1521060105	Nguyễn Quốc	Huy	22/05/1997	Nam	Hà Nội	2.54	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
280	1521060207	Nguyễn Văn	Huy	11/02/1996	Nam	Hà Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
281	1521060288	Nguyễn Văn	Huỳnh	09/03/1997	Nam	Thanh Hóa	2.54	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
282	1521060283	Trần Văn	Huỳnh	02/08/1997	Nam	Thái Bình	2.57	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
283	1521060040	Nguyễn Trung	Kiên	23/09/1997	Nam	Quảng Ninh	2.57	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
284	1521060071	Nguyễn Mạnh	Linh	23/06/1997	Nam	Quảng Ninh	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
285	1521060248	Nguyễn Tiến	Lực	12/09/1997	Nam	Quảng Ninh	2.72	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1

Handwritten signature

286	1521060204	Phạm Minh	Nhật	27/02/1997	Nam	Hải Phòng	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
287	1521060329	Nguyễn Đình	Ninh	19/01/1997	Nam	Nghệ An	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
288	1521060211	Kiều Đại	Phú	14/05/1996	Nam	Hà Nội	3.00	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
289	1521060198	Nguyễn Trọng	Quý	23/03/1997	Nam	Bắc Ninh	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
290	1521060330	Đặng Đình	Son	10/01/1997	Nam	Hà Tĩnh	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
291	1521060253	Nguyễn Việt	Sóng	25/02/1997	Nam	Thái Bình	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
292	1521060085	Nguyễn Văn	Tân	11/07/1997	Nam	Hà Nội	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
293	1521060001	Nguyễn Quang	Thắng	19/08/1997	Nam	Hà Nội	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
294	1521060125	Hoàng Hữu	Thắng	23/10/1997	Nam	Hà Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
295	1521060140	Phạm Hữu	Thắng	03/02/1997	Nam	Quảng Ninh	2.82	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
296	1521060278	Đậu Xuân	Thịnh	16/04/1997	Nam	Nghệ An	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
297	1521060050	Trần Văn	Thoàn	27/08/1997	Nam	Bắc Ninh	2.66	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
298	1521060111	Đinh Thị	Thúy	04/04/1997	Nữ	Nam Định	2.81	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
299	1521060023	Hoàng Hữu	Tiến	24/03/1997	Nam	Thanh Hóa	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
300	1521060225	Nguyễn Văn	Tiến	28/02/1997	Nam	Nam Định	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
301	1521060015	Công Ngọc	Tiến	07/01/1997	Nam	Hà Nội	2.68	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1

Handwritten signature

302	1521060277	Hoàng Đức	Tôn	15/01/1997	Nam	Lạng Sơn	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
303	1521060127	Phạm Kiên	Trung	08/12/1997	Nam	Hưng Yên	2.54	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
304	1521060217	Phạm Đình	Trung	21/05/1996	Nam	Thái Bình	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
305	1521060121	Nguyễn Văn	Tú	16/06/1997	Nam	Thanh Hóa	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
306	1521060057	Trần Anh	Tuân	17/09/1997	Nam	Thái Bình	2.56	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
307	1521060246	Nguyễn Thanh	Tùng	30/01/1997	Nam	Quảng Ninh	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
308	1521060314	Nguyễn Văn	Tuyền	18/08/1997	Nam	Thái Bình	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
309	1521060188	Nguyễn Văn	Tuyền	05/07/1997	Nam	Bắc Giang	2.55	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60_1
310	1521060451	Nguyễn Văn	Huy	05/05/1997	Nam	Nam Định	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện - Điện tử	DCCDDT60B
311	1521060114	Nguyễn Quang	Anh	17/05/1997	Nam	Phú Thọ	2.04	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDDT60_1
312	1521060004	Vũ Chí	Công	06/01/1997	Nam	Nam Định	2.63	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDDT60_1
313	1521060237	Lê Quý	Đại	14/04/1997	Nam	Quảng Ninh	2.52	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDDT60_1
314	1521060149	Hoàng Văn	Đại	16/08/1996	Nam	Hải Dương	2.62	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDDT60_1
315	1521060216	Lê Minh	Đức	19/03/1997	Nam	Hà Nam	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDDT60_1
316	1521060305	Nguyễn Kim	Dũng	20/08/1997	Nam	Bắc Ninh	2.59	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDDT60_1
317	1521060247	Nguyễn Xuân	Hải	09/08/1997	Nam	Hải Phòng	2.85	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDDT60_1

Handwritten signature

318	1521060309	Bùi Việt	Hải	11/11/1997	Nam	Quảng Ninh	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
319	1521060310	Nguyễn Đức	Hiệp	08/10/1997	Nam	Quảng Ninh	2.56	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
320	1521060185	Vì Mạnh	Hiếu	11/10/1997	Nam	Quảng Ninh	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
321	1521060261	Trần Ngọc	Hòa	23/02/1997	Nam	Nghệ An	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
322	1521060286	Hồ Trọng	Hoàng	10/01/1996	Nam	Nghệ An	2.56	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
323	1521060115	Nguyễn Tiến	Huân	20/11/1996	Nam	Hà Nội	2.57	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
324	1521060155	Bùi Đức	Nguyễn	06/08/1997	Nam	Thái Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
325	1521060008	Nguyễn Thanh Hải	Ninh	27/04/1997	Nam	Thái Nguyên	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
326	1521060273	Lê Minh	Phuong	27/09/1997	Nữ	Thái Bình	2.57	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
327	1521060166	Nguyễn Ngọc	Quang	05/12/1997	Nam	Hà Nội	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
328	1521060281	Phạm Thế	Quý	29/09/1997	Nam	Hải Dương	2.64	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
329	1521060279	Nguyễn Hữu	Tài	21/11/1997	Nam	Nghệ An	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
330	1521060351	Nguyễn Minh	Tân	02/10/1997	Nam	Vĩnh Phúc	2.56	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
331	1521060148	Nguyễn Trọng	Thúc	29/11/1997	Nam	Thái Bình	2.52	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
332	1521060296	Đỗ Minh	Tiến	19/11/1997	Nam	Hà Nội	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
333	1521060151	Trần Văn	Tổ	15/02/1997	Nam	Nghệ An	2.51	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1

334	1521060108	Trần Thị	Trang	21/11/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
335	1521060315	Bùi Doãn	Trương	03/12/1997	Nam	Hà Nội	2.10	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
336	1521060232	Nguyễn Minh	Tuấn	03/03/1997	Nam	Hà Nội	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
337	1521060041	Vũ Hữu	Tùng	26/08/1997	Nam	Quảng Ninh	2.53	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
338	1521060250	Hoàng Tuấn	Việt	07/12/1997	Nam	Quảng Ninh	2.70	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
339	1521060138	Đinh Quang	Vũ	22/10/1997	Nam	Hà Nội	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
340	1521060171	Phạm Quốc	Vương	27/09/1997	Nam	Quảng Ninh	2.62	Khá	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT60_1
341	1521060408	Nguyễn Việt	An	02/04/1997	Nam	Hà Nội	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	DCCDMT60
342	1521060433	Nguyễn Đức	Chinh	28/06/1997	Nam	Nam Định	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	DCCDMT60
343	1521060445	Đào Văn	Cương	27/06/1997	Nam	Bắc Giang	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	DCCDMT60
344	1521060436	Lê Hồng	Đăng	01/01/1996	Nam	Thanh Hóa	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	DCCDMT60
345	1521060346	Trần Văn	Diệp	28/02/1997	Nam	Quảng Ninh	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	DCCDMT60
346	1521060371	Nguyễn Văn	Đông	15/02/1997	Nam	Nam Định	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	DCCDMT60
347	1521060462	Đinh Khắc	Đức	14/09/1996	Nam	Hà Nội	2.56	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	DCCDMT60
348	1521060458	Trần Quang	Huy	07/06/1997	Nam	Quảng Ninh	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	DCCDMT60
349	1521060453	Hoàng Nhật	Long	20/09/1997	Nam	Quảng Ninh	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	DCCDMT60

Handwritten signature

350	1521060422	Nguyễn Anh	Nam	30/04/1996	Nam	Thanh Hóa	2.63	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	DCCDMT60
351	1521060457	Trịnh Công	Son	23/10/1997	Nam	Quảng Ninh	2.53	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	DCCDMT60
352	1521060461	Nguyễn Văn	Thắng	06/07/1995	Nam	Hà Nội	2.80	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	DCCDMT60
353	1521060345	Vũ Quang	Trường	11/11/1997	Nam	Quảng Ninh	2.65	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	DCCDMT60
354	1521060399	Nguyễn Văn	Tuấn	16/01/1997	Nam	Hải Dương	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	DCCDMT60
355	1521060136	Mai Đức	Anh	10/12/1997	Nam	Thanh Hóa	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD60_1
356	1521060049	Đỗ Lương	Chung	02/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD60_1
357	1521060184	Ngô Văn	Công	13/02/1997	Nam	Hà Nội	2.81	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD60_1
358	1521060052	Nguyễn Văn	Cường	23/05/1997	Nam	Hải Dương	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD60_1
359	1521060190	Nguyễn Việt	Cường	10/11/1997	Nam	Quảng Ninh	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD60_1
360	1521060147	Đỗ Duy	Đông	23/12/1997	Nam	Thanh Hóa	2.57	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD60_1
361	1521060213	Lê Đình	Đông	24/10/1997	Nam	Nghệ An	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD60_1
362	1521060126	Nguyễn Bá	Đức	14/08/1995	Nam	Thanh Hóa	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD60_1
363	1521060067	Nguyễn Quý	Đức	30/01/1996	Nam	Hải Dương	2.61	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD60_1
364	1521060093	Vũ Văn	Dũng	17/02/1997	Nam	Hải Phòng	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD60_1
365	1521060260	Nguyễn Duy	Dũng	06/02/1996	Nam	Nghệ An	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD60_1

Handwritten signature

366	1521060065	Đào Đức	Duy	06/01/1997	Nam	Quảng Ninh	2.55	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
367	1521060011	Ngô Sach	Hiệp	16/01/1997	Nam	Bắc Ninh	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
368	1521060172	Đinh Quý	Hiếu	28/11/1997	Nam	Nam Định	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
369	1521060226	Đỗ Trọng	Hiếu	03/08/1997	Nam	Hưng Yên	2.57	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
370	1521060186	Vũ Đình	Hiếu	18/01/1997	Nam	Thái Bình	2.60	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
371	1521060104	Trần Việt	Hùng	27/09/1997	Nam	Điện Biên	2.82	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
372	1521060013	Đặng Văn	Hùng	17/09/1997	Nam	Quảng Ninh	2.93	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
373	1521060135	Hà Văn	Hùng	28/08/1997	Nam	Nam Định	2.54	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
374	1521060141	Vũ Mạnh	Hùng	23/01/1997	Nam	Thái Bình	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
375	1521060311	Đổng Quang	Huỳnh	10/07/1997	Nam	Thái Nguyên	2.53	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
376	1521060200	Trần Văn	Khang	12/04/1997	Nam	Thanh Hóa	2.65	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
377	1521060019	Cao Thị Hồng	Khuyên	02/11/1997	Nữ	Nam Định	2.61	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
378	1521060021	Bùi Tuấn	Minh	10/12/1997	Nam	Hà Nội	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
379	1521060109	Lê Văn	Minh	27/06/1997	Nam	Thanh Hóa	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
380	1521060302	Lương Phương	Nam	19/06/1997	Nam	Quảng Ninh	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
381	1521060120	Nguyễn Văn	Nam	04/02/1997	Nam	Hà Tĩnh	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1

NA

382	1521060012	Lê Tiến	Nam	25/11/1997	Nam	Quảng Ninh	2.33	Trung binh	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
383	1521060031	Trần Thiện	Phước	28/12/1997	Nam	Hà Nội	2.58	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
384	1521060165	Bùi Đức	Phuong	23/06/1997	Nam	Quảng Ninh	2.36	Trung binh	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
385	1521060095	Bùi Xuân	Quảng	16/11/1997	Nam	Thái Bình	2.11	Trung binh	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
386	1521060075	Đỗ Thế	Tài	13/11/1997	Nam	Nam Định	2.34	Trung binh	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
387	1521060005	Nguyễn Văn	Thăng	15/11/1997	Nam	Hà Nội	2.58	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
388	1521060227	Nguyễn Vũ Đồng	Thanh	02/11/1995	Nam	Hải Phòng	2.08	Trung binh	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
389	1521060266	Nguyễn Anh	Thanh	09/06/1997	Nam	Quảng Ninh	2.13	Trung binh	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
390	1521060351	Trịnh Văn	Thông	11/01/1997	Nam	Thanh Hóa	2.29	Trung binh	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
391	1521060241	Dương Đức	Thông	19/03/1997	Nam	Vĩnh Phúc	2.50	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
392	1521060203	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28/05/1997	Nữ	Hà Nội	2.95	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
393	1521060068	Vũ Văn	Trung	01/08/1997	Nam	Hải Dương	2.56	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
394	1521060195	Lê Văn	Tuấn	25/09/1997	Nam	Thanh Hóa	2.51	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
395	1521060256	Nguyễn Mạnh	Tuấn	24/10/1997	Nam	Quảng Ninh	2.63	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
396	1521060181	Lê Thanh	Tùng	25/10/1997	Nam	Thanh Hóa	2.60	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
397	1521060051	Tô Thanh	Tùng	20/10/1997	Nam	Thái Bình	2.42	Trung binh	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1

398	1521060177	Nguyễn Văn	Vĩ	04/04/1997	Nam	Hà Nội	2.94	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1
399	1521011102	Từ Dương	Anh	25/01/1997	Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	2.53	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
400	1521011108	Nguyễn Thanh	Bình	04/01/1995	Nam	Vũng Tàu	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
401	1521011107	Nguyễn Thanh	Bình	22/04/1997	Nam	Bình Định	2.51	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
402	1521011110	Vũ Long	Bình	10/09/1997	Nam	Lâm Đồng	2.57	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
403	1521011122	Vũ Quốc	Đạt	05/09/1997	Nam	Thanh Hóa	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
404	1521011030	Nguyễn Quốc	Dương	08/02/1995	Nam	Vũng Tàu	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
405	1521011033	Huỳnh Văn	Dương	15/01/1997	Nam	Nghệ An	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
406	1521011095	Nguyễn Khương	Duy	13/10/1997	Nam	Đắk Lắk	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
407	1521011136	Phan Thái	Hà	27/06/1997	Nữ	Bà Rịa Vũng Tàu	3.54	Giỏi	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
408	1521011139	Đặng Anh	Hào	20/06/1996	Nam	Phú Yên	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
409	1521011260	Phạm Ngọc	Hòa	10/06/1997	Nam	Kon Tum	2.69	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
410	1521011153	Mai Văn	Hoàng	02/12/1997	Nam	Đắk Lắk	2.58	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
411	1521011074	Nguyễn Quí	Hùng	04/07/1997	Nam	Nghệ An	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
412	1521011004	Tạ Quốc	Huy	22/02/1997	Nam	Gia Lai	2.12	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
413	1521011020	Hoàng Đức	Lộc	13/05/1997	Nam	TP Hồ Chí Minh	2.67	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT

414	1521011090	Đinh Công	Nam	29/06/1997	Nam	Vũng Tàu	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
415	1521011190	Nguyễn Tài	Nhật	04/01/1997	Nam	Quảng Ngãi	2.63	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
416	1521011026	Trần Đăng	Quang	09/09/1996	Nam	Nghệ An	2.66	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
417	1521011066	Thái Việt	Quốc	16/01/1997	Nam	Đắk Lắk	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
418	1521011211	Hoàng Ngọc	Thắng	02/10/1997	Nam	Hà Tĩnh	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
419	1521011069	Nguyễn Thị	Thoi	30/04/1997	Nữ	Hải Phòng	2.72	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD60_1VT
420	1521060412	Nguyễn Văn	Cường	31/07/1997	Nam	Thanh Hóa	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và Tự động thủy khí	DCCD TK60_1
421	1521060418	Phạm Văn	Đặng	02/01/1997	Nam	Hà Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và Tự động thủy khí	DCCD TK60_1
422	1521060381	Đinh Hữu	Duy	21/03/1997	Nam	Quảng Ninh	2.55	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và Tự động thủy khí	DCCD TK60_1
423	1521060341	Nguyễn Việt	Hùng	24/11/1996	Nam	Hà Nội	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và Tự động thủy khí	DCCD TK60_1
424	1521060370	Lê Văn	Huỳnh	12/05/1997	Nam	Thanh Hóa	2.56	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và Tự động thủy khí	DCCD TK60_1
425	1521060372	Hồ Nam	Kiên	24/05/1997	Nam	Nghệ An	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và Tự động thủy khí	DCCD TK60_1
426	1521060421	Nguyễn Duy	Long	20/10/1997	Nam	Hà Nội	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và Tự động thủy khí	DCCD TK60_1
427	1521060402	Nguyễn Phú	Long	26/02/1997	Nam	Hải Phòng	2.53	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và Tự động thủy khí	DCCD TK60_1
428	1521060398	Nguyễn Tôn	Trọng	10/02/1996	Nam	Thanh Hóa	2.63	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và Tự động thủy khí	DCCD TK60_1
429	1521060430	Phạm Anh	Tuấn	13/12/1997	Nam	Quảng Bình	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và Tự động thủy khí	DCCD TK60_1

Ước

430	1521060369	Lê Đức	Anh	22/11/1997	Nam	Quảng Ninh	2.89	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
431	1521060448	Ngô Tuấn	Anh	22/11/1996	Nam	Thanh Hóa	2.75	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
432	1521060366	Hà Duy	Chính	09/01/1997	Nam	Thái Bình	2.79	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
433	1521060419	Nguyễn Văn	Đức	25/01/1997	Nam	Thái Bình	2.60	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
434	1521060411	Lại Duy	Dũng	21/06/1996	Nam	Hà Nội	2.58	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
435	1521060342	Nguyễn Tuấn	Hiệp	30/11/1997	Nam	Hải Phòng	2.57	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
436	1521060375	Phạm Thị Kim	Hòa	17/03/1997	Nữ	Nam Định	2.54	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
437	1521060358	Trần Văn	Hùng	24/02/1997	Nam	Nam Định	2.66	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
438	1521060429	Lê Văn	Hưng	29/10/1997	Nam	Thanh Hóa	2.56	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
439	1521060400	Nguyễn Đăng	Long	20/03/1997	Nam	Thái Bình	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
440	1521060413	Nguyễn Duy	Phúc	05/11/1997	Nam	Hà Nội	2.53	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
441	1521060350	Nguyễn Văn	Quang	04/11/1997	Nam	Nam Định	2.53	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
442	1521060401	Hoàng Văn	Quang	10/05/1997	Nam	Nghệ An	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
443	1521060367	Trần Văn	Sáng	01/05/1997	Nam	Thái Bình	2.66	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
444	1521060459	Vũ Tiến	Sinh	04/07/1997	Nam	Thái Bình	2.60	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
445	1521060376	Vũ Xuân	Thắng	02/08/1997	Nam	Nghệ An	2.87	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2

Handwritten signature

446	1521060423	Nguyễn Duy	Thanh	17/10/1997	Nam	Hung Yên	2.79	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
447	1521060352	Nguyễn Tiến	Thành	06/09/1997	Nam	Thái Nguyên	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
448	1521060397	Vũ Ngọc	Triệu	05/09/1997	Nam	Hải Dương	2.55	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
449	1521060438	Phạm Vũ	Trọng	06/10/1997	Nam	Nam Định	2.67	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
450	1521060420	Nguyễn Hà	Trung	16/01/1997	Nam	Hà Nội	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
451	1521060364	Phạm Ngọc	Tú	16/02/1997	Nam	Hà Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
452	1521060340	Đỗ Anh	Tuấn	18/04/1997	Nam	Quảng Ninh	2.57	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
453	1521060359	Trần Văn	Tuyền	11/06/1997	Nam	Hà Nội	2.50	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
454	1521060446	Đặng Quang	Vinh	06/06/1996	Nam	Quảng Ninh	2.82	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
455	1521060361	Nguyễn Việt	Xuân	22/04/1997	Nam	Ninh Bình	2.72	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM60_2
456	1521050313	Bùi Sĩ	Biên	18/03/1997	Nam	Hòa Bình	2.13	Trung bình	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60
457	1521050268	Trình	Bình	10/06/1997	Nam	Thanh Hóa	2.80	Khá	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60
458	1521050041	Nguyễn Mạnh	Cường	17/01/1997	Nam	Hà Nội	2.54	Khá	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60
459	1521050064	Đặng Minh	Đức	21/01/1997	Nam	Hà Nội	2.81	Khá	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60
460	1521050030	Phùng Thị Ngọc	Lan	11/02/1997	Nữ	Hà Nội	2.59	Khá	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60
461	1521050536	Đặng Thị Mai	Linh	29/08/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.73	Khá	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60

Handwritten signature

462	1521050108	Nguyễn Đức	Nam	19/10/1997	Nam	Hà Nội	2.71	Khá	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60
463	1521050274	Nguyễn Đức	Nhật	12/10/1997	Nam	Hà Nội	2.68	Khá	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60
464	1521050104	Phạm Thế	Phan	15/10/1996	Nam	Nam Định	2.58	Khá	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60
465	1521050025	Văn Tiến	Thắng	05/12/1997	Nam	Thanh Hóa	2.43	Trung bình	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60
466	1521050102	Nguyễn Văn	Thắng	14/09/1997	Nam	Hà Nội	2.88	Khá	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60
467	1521050311	Nguyễn Thị Thu	Thảo	04/09/1997	Nữ	Hà Nội	2.80	Khá	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60
468	1521050314	Đặng Đức	Tôn	03/07/1997	Nam	Lào Cai	2.59	Khá	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60
469	1521050113	Huỳnh Anh	Tuấn	19/12/1997	Nam	Quảng Bình	2.35	Trung bình	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60
470	1521050133	Đỗ Thành	Tuyên	17/05/1997	Nam	Quảng Ninh	2.51	Khá	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60
471	1521050116	Nguyễn Thị	Yến	19/07/1997	Nữ	Hà Nội	2.25	Trung bình	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	DCCTKH60
472	1521050086	Bùi Hồng	Đang	11/12/1997	Nam	Hà Nội	2.33	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
473	1521050350	Phạm Ngọc	Diệp	21/11/1997	Nữ	Nam Định	2.65	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
474	1521059001	Dương Tuấn	Duy	07/04/1996	Nam	Lạng Sơn	2.14	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
475	1521050364	Nguyễn Thị	Duyên	13/02/1997	Nữ	Hà Nội	2.53	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
476	1521050260	Doãn Thị	Hành	14/06/1997	Nữ	Nam Định	2.41	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
477	1521050307	Nguyễn Đức	Hiếu	19/11/1997	Nam	Hà Nội	2.55	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1



478	1521050414	Đinh Thị	Lan	25/12/1996	Nữ	Nam Định	2.76	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
479	1521050251	Vũ Thu	Ly	01/03/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.14	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
480	1521050239	Phạm Thị	Lý	17/04/1996	Nữ	Quảng Ninh	3.21	Giỏi	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
481	1521050433	Lê Hoàng	Nam	28/03/1996	Nam	Hà Nội	2.63	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
482	1521050101	Lê Thị	Nga	16/02/1997	Nữ	Bắc Ninh	2.25	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
483	1521050198	Phạm Anh	Ngữ	23/10/1997	Nam	Nam Định	2.29	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
484	1521050278	Hoàng Thu	Phuong	11/09/1997	Nữ	Thái Bình	2.95	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
485	1521050452	Ngô Thị	Phượng	20/03/1997	Nữ	Bắc Ninh	2.94	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
486	1521011003	Nguyễn Hữu	Son	30/09/1997	Nam	Hà Nội	2.62	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
487	1521050177	Đỗ Bá	Son	17/07/1997	Nam	Hà Nội	2.37	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
488	1521050189	Đổng Thị Linh	Tâm	01/11/1997	Nữ	Thái Bình	2.66	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
489	1521050050	Ngô Thế	Thắng	30/10/1997	Nam	Hà Nội	2.44	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
490	1521050247	Võ Thị	Thương	08/08/1997	Nữ	Hà Tĩnh	2.96	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
491	1521050126	Trương Thị	Thủy	03/11/1997	Nữ	Nam Định	2.50	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
492	1521050308	Vũ Thanh	Tùng	19/03/1997	Nam	Hà Nội	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
493	1521050510	Trần Công	Tương	24/10/1997	Nam	Ninh Bình	2.32	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1

Handwritten signature

494	1521050235	Tạ Thị	Tuyết	17/12/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.32	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
495	1521050011	Nguyễn Thị	Xuân	03/01/1997	Nữ	Hà Nội	2.79	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT60_1
496	1521050183	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/04/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.73	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
497	1521050052	Vân Minh	Anh	08/03/1997	Nam	Thanh Hóa	2.54	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
498	1521050524	Lê Thị Ngọc	Ánh	25/08/1997	Nữ	Thái Bình	3.52	Giỏi	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
499	1521050267	Hồ Sỹ	Cường	29/04/1995	Nam	Nghệ An	2.63	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
500	1521050182	Hoàng Danh	Cường	05/09/1997	Nam	Nghệ An	2.77	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
501	1521050072	Nguyễn Đức	Cường	09/10/1997	Nam	Thanh Hóa	2.53	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
502	1521050205	Lê Đình	Đông	05/06/1997	Nam	Thanh Hóa	2.58	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
503	1521050269	Nguyễn Văn	Dương	11/05/1997	Nam	Thái Bình	2.43	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
504	1521050277	Nguyễn Thủy	Dương	08/05/1997	Nam	Hà Nội	2.76	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
505	1521050009	Nguyễn Công	Hậu	09/03/1996	Nam	Hà Nội	3.00	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
506	1521050373	Nguyễn Văn	Hiện	18/11/1997	Nam	Thái Bình	2.35	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
507	1521050071	Nguyễn Ngọc	Hoài	10/11/1997	Nam	Hà Nội	2.85	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
508	1521050130	Phạm Tiến	Hùng	13/10/1996	Nam	Quảng Ninh	2.36	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
509	1521050238	Mai Sỹ	Hùng	10/06/1997	Nam	Thanh Hóa	2.20	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2

Handwritten signature

510	1521050533	Đinh Mạnh	Hùng	15/04/1997	Nam	Ninh Bình	2.44	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
511	1521050263	Trình Quang	Hưng	23/07/1997	Nam	Thanh Hóa	2.34	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
512	1521050312	Phạm Trung	Kiên	06/03/1997	Nam	Thái Bình	2.60	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
513	1521050299	Nguyễn Gia	Linh	27/04/1997	Nam	Hà Nội	3.13	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
514	1521050111	Nguyễn Việt	Linh	13/12/1997	Nam	Hà Nội	2.17	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
515	1521050540	Ngô Quang	Minh	26/08/1997	Nam	Hải Phòng	2.89	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
516	1521050215	Nguyễn Thị	Phuong	29/10/1997	Nữ	Nam Định	2.64	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
517	1521050213	Nguyễn Văn	Quân	07/05/1997	Nam	Hà Nội	2.67	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
518	1521050226	Nguyễn Đăng	Thăng	27/09/1997	Nam	Hải Dương	2.76	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
519	1521050549	Phùng Chí	Thành	02/07/1997	Nam	Hà Nội	2.45	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
520	1521050252	Tạ Quang	Thinh	12/01/1996	Nam	Cao Bằng	2.75	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
521	1521050136	Đào Quyết	Tiến	10/09/1997	Nam	Hà Nam	2.31	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
522	1521050032	Cao Khánh	Toàn	16/09/1997	Nam	Hà Nam	2.74	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
523	1521050553	Trần Văn	Tôn	03/04/1997	Nam	Nghệ An	3.65	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
524	1521050127	Đỗ Hữu	Trường	16/11/1997	Nam	Hà Nội	2.62	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM60_2
525	1521050061	Kiều Việt	Anh	08/05/1997	Nam	Hà Nội	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1

Handwritten signature/initials

526	1521050228	Ngô Ngọc	Anh	08/06/1997	Nam	Hà Nội	3.12	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
527	1521070180	Nguyễn Tiến	Bảo	02/02/1997	Nam	Hà Nội	3.09	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
528	1521050192	Đào Mạnh	Dũng	13/10/1997	Nam	Hà Nội	2.74	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
529	1521050078	Đặng Ngọc	Duy	17/11/1997	Nam	Nam Định	2.50	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
530	1521050099	Ngô Thị	Giang	14/03/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.82	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
531	1521050370	Phùng Thị	Hào	04/10/1997	Nữ	Hà Nội	2.90	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
532	1521050375	Nguyễn Việt	Hiếu	03/08/1997	Nam	Gia Lai	3.13	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
533	1521050185	Nghiêm Hữu	Hoàng	29/03/1997	Nam	Hà Nội	2.62	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
534	1521050224	Lê Mạnh	Hùng	20/09/1996	Nam	Hà Nội	2.65	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
535	1521050389	Trần Đức	Hùng	15/10/1995	Nam	Thanh Hóa	2.78	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
536	1521050216	Nguyễn Quang	Huy	21/10/1997	Nam	Hà Nội	2.64	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
537	1521050405	Hà Đức	Kiên	12/05/1997	Nam	Hà Nội	2.41	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
538	1521050418	Lê Thị Thùy	Linh	15/07/1997	Nữ	Thanh Hóa	3.28	Giỏi	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
539	1521050544	Nguyễn Hương	Quỳnh	18/04/1997	Nữ	Bắc Ninh	2.83	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
540	1521050167	Trương Hoài	Son	16/08/1997	Nam	Hà Nội	2.51	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
541	1521050470	Nguyễn Thành	Tâm	15/11/1996	Nam	Quảng Ninh	2.64	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1



542	1521050234	Trần Thị Thu	Thảo	14/08/1997	Nữ	Hà Giang	2.40	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
543	1521050016	Nguyễn Thị Thu	Trang	08/02/1997	Nữ	Bắc Giang	2.79	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
544	1521050509	Đào Thị	Tươi	13/01/1997	Nữ	Thái Bình	2.60	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
545	1521050082	Hồ Thị	Yến	25/03/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.73	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM60_1
546	1521050109	Trần Tuấn	Anh	07/06/1997	Nam	Hung Yên	2.95	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học trực địa	DCCTTD60_1
547	1521050328	Lê Danh	Biên	15/09/1996	Nam	Nghệ An	2.35	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trực địa	DCCTTD60_1
548	1521050217	Nguyễn Trọng	Nghĩa	17/04/1997	Nam	Hà Nam	2.37	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trực địa	DCCTTD60_1
549	1521020012	Nguyễn Văn	Bắc	23/09/1997	Nam	Nghệ An	2.50	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
550	1521020357	Chu Thị Thùy	Châm	24/04/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
551	1521020055	Nguyễn Quang	Đại	13/02/1997	Nam	Hải Dương	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
552	1521020084	Phan Văn	Đăng	01/10/1997	Nam	Hà Tĩnh	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
553	1521020362	Dàm Xuân	Dạt	17/02/1997	Nam	Hà Nội	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
554	1521020158	Bé Ngọc	Đồng	20/11/1996	Nam	Cao Bằng	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
555	1521020161	Nguyễn Việt	Đức	27/08/1997	Nam	Ninh Bình	2.91	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
556	1521020029	Nguyễn Văn	Đức	08/01/1997	Nam	Thái Bình	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
557	1521020166	Lê Văn	Dũng	09/09/1996	Nam	Nghệ An	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1



558	1521020010	Bùi Việt	Dùng	26/08/1997	Nam	Thái Bình	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
559	1521020209	Nguyễn Hữu	Hòa	29/05/1997	Nam	Hà Nội	3.40	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
560	1524010093	Đàm Văn	Hoàng	28/09/1997	Nam	Hung Yên	2.62	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
561	1521020220	Hà Quang	Hưng	16/01/1997	Nam	Hà Nội	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
562	1521020035	Nguyễn Mai	Hương	29/09/1997	Nữ	Hải Phòng	2.99	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
563	1521020235	Trần Linh	Khánh	20/09/1997	Nam	Thanh Hóa	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
564	1521020103	Lý Đình	Long	05/05/1995	Nam	Đắk Lắk	2.66	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
565	1521020081	Phạm Thanh	Long	06/12/1997	Nam	Thanh Hóa	2.71	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
566	1521020253	Nguyễn Thọ	Lượng	06/05/1997	Nam	Thái Bình	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
567	1521020066	Ngô Thiên	Minh	14/06/1997	Nam	Bắc Ninh	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
568	1521020043	Trần Văn	Minh	16/05/1997	Nam	Nam Định	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
569	1521020007	Đỗ Trọng	Nghĩa	09/01/1997	Nam	Thái Bình	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
570	1521020104	Lâm Duy	Phan	30/11/1997	Nam	Cao Bằng	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
571	1521020120	Vũ Hồng	Quân	09/06/1997	Nam	Thái Bình	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
572	1521020283	Nguyễn Kim	Sang	15/04/1996	Nam	Nghệ An	3.10	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
573	1521020047	Nguyễn Thị Thu	Thảo	30/03/1997	Nữ	Phú Thọ	3.00	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1

Ms A

574	1521020308	Nguyễn Thị	Tho	28/05/1996	Nữ	Nam Định	2.65	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
575	1521020018	Nguyễn Anh	Tiến	17/12/1997	Nam	Thái Bình	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
576	1521020325	Nguyễn Quang	Trường	06/12/1997	Nam	Hải Phòng	2.58	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
577	1521020339	Trịnh Hữu	Tuấn	24/03/1994	Nam	Hà Nội	2.55	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
578	1521020022	Phạm Văn	Tuyền	21/06/1997	Nam	Nam Định	2.84	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
579	1521020072	Hà Đức	Việt	02/07/1997	Nam	Hà Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
580	1521020038	Nguyễn Đức	Việt	30/03/1997	Nam	Hà Nội	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
581	1521020075	Phạm Hải	Yến	04/08/1997	Nữ	Hà Nội	2.95	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa KT	DCDCCT60_1
582	1521020122	Lê Đồng	An	15/10/1997	Nam	Thanh Hóa	2.51	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
583	1521020077	Nguyễn Tuấn	Anh	14/02/1997	Nam	Nam Định	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
584	1521020152	Lê Quang	Đại	08/01/1997	Nam	Phú Thọ	2.53	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
585	1521020179	Lương Thành	Giang	01/11/1997	Nam	Thái Bình	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
586	1521020001	Nguyễn Thanh	Hải	04/01/1996	Nam	Hà Nội	2.56	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
587	1521020015	Đỗ Văn	Hoàng	16/07/1996	Nam	Lạng Sơn	2.64	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
588	1521020049	Trần Ngọc	Huân	29/08/1997	Nam	Hưng Yên	2.58	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
589	1521020094	Trần Quang	Hữu	01/08/1997	Nam	Nam Định	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1

18/11

590	1521020085	Trần Duy	Long	03/06/1997	Nam	Lào Cai	2.68	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
591	1521020071	Lê Hoàng	Son	10/05/1997	Nam	Hung Yên	2.72	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
592	1521020107	Công Đức	Tiên	27/04/1997	Nam	Thái Nguyên	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
593	1521020317	Lê Ngọc	Tình	10/09/1994	Nam	Thanh Hóa	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
594	1521020098	Dương Quốc	Trung	11/01/1997	Nam	Hà Tĩnh	2.75	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
595	1521020011	Bùi Văn	Tuấn	13/01/1997	Nam	Hà Nội	2.71	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
596	1521020096	Vũ Trọng	Xuyên	17/10/1997	Nam	Quảng Ninh	2.65	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
597	1521020042	Nguyễn Thị Kim	Huệ	13/07/1997	Nữ	Hà Nội	3.07	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_2
598	1521020017	Nguyễn Ngọc	Thảo	28/12/1997	Nữ	Hà Nội	3.20	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_2
599	1521020053	Nguyễn Ngọc	Trâm	01/01/1997	Nữ	Hòa Bình	2.71	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_2
600	1521020034	Trần Thanh	Tùng	13/03/1997	Nam	Hung Yên	2.59	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_2
601	1521020154	Đinh Văn	Đạt	09/11/1997	Nam	Nam Định	2.11	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-DCCCT	DCDCCTV60_1
602	1521020164	Đỗ Văn	Dũng	14/08/1997	Nam	Ninh Bình	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-DCCCT	DCDCCTV60_1
603	1521020009	Trần Đức	Dương	12/04/1997	Nam	Vinh Phúc	2.58	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-DCCCT	DCDCCTV60_1
604	1521020208	Đinh Xuân	Hòa	01/06/1997	Nam	Nam Định	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-DCCCT	DCDCCTV60_1
605	1521020079	Đổng Đăng	Khoa	18/01/1993	Nam	Hải Phòng	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-DCCCT	DCDCCTV60_1

Handwritten signature

606	1521020089	Đỗ Quang	Mạnh	14/06/1996	Nam	Son La	3.51	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn- ĐCCT	DCDCTV60_1
607	1521020068	Hà Trung	Minh	06/07/1997	Nam	Hà Nội	2.51	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn- ĐCCT	DCDCTV60_1
608	1521020027	Bùi Quang	Nhất	01/10/1997	Nam	Bắc Ninh	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn- ĐCCT	DCDCTV60_1
609	1521020326	Nguyễn Xuân	Trường	26/11/1997	Nam	Hà Nội	2.52	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn- ĐCCT	DCDCTV60_1
610	1521020003	Bùi Minh	Tuấn	03/06/1997	Nam	Hà Nội	3.14	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn- ĐCCT	DCDCTV60_1
611	1521020347	Dương Quốc	Việt	15/08/1997	Nam	Hà Nội	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn- ĐCCT	DCDCTV60_1
612	1521020352	Nguyễn Anh	Vũ	27/10/1997	Nam	Hà Nội	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn- ĐCCT	DCDCTV60_1
613	1521010235	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	23/07/1996	Nữ	Hà Nội	2.73	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
614	1521010124	Lê Văn	Cương	01/08/1997	Nam	Hà Nội	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
615	1521010142	Nguyễn Duy	Đại	09/05/1997	Nam	Thái Bình	3.11	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
616	1521010033	Bùi Mạnh	Đạt	04/05/1997	Nam	Hòa Bình	2.66	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
617	1521010107	Nguyễn Đình	Đức	23/06/1997	Nam	Hà Nội	3.72	Xuất sắc	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
618	1521010319	Nguyễn Trường	Giang	29/06/1997	Nam	Hà Nội	3.62	Xuất sắc	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
619	1521010004	Bùi Thị Thu	Hiền	10/04/1997	Nữ	Thái Bình	3.45	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
620	1521010234	Nguyễn Thị	Hoa	11/08/1997	Nữ	Nam Định	2.89	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
621	1521010029	Đặng Thị Thu	Hoài	04/11/1997	Nữ	Nam Định	3.38	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60

Handwritten signature

622	1521010219	Trần Văn	Hoàn	06/11/1997	Nam	Nam Định	2.77	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
623	1521010086	Dương Thị	Huệ	19/05/1997	Nữ	Nam Định	3.00	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
624	1521010201	Phạm Thanh	Hưng	21/02/1997	Nam	Nam Định	2.57	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
625	1521010325	Lê Thị Vũ	Linh	30/03/1997	Nữ	Quảng Nam	2.89	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
626	1521010286	Bùi Xuân	Lộc	29/01/1997	Nam	Nam Định	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
627	1521010218	Nguyễn Đức	Long	14/05/1997	Nam	Hải Dương	2.88	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
628	1521010318	Lê Thanh	Nhân	02/05/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.47	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
629	1521010254	Phạm Bảo	Quý	21/08/1997	Nam	Hải Phòng	2.59	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
630	1521010064	Phạm Thị Như	Quỳnh	30/05/1997	Nữ	Hải Dương	2.87	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
631	1521010017	Nguyễn Văn	Tuấn	04/04/1997	Nam	Thanh Hóa	2.59	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
632	1521010132	Phạm Văn	Tuấn	20/11/1997	Nam	Hải Phòng	2.77	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
633	1521010214	Cao Như	Ý	13/03/1997	Nam	Hải Dương	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC60
634	1521010157	Vũ Văn	An	04/02/1997	Nam	Thái Bình	2.60	Khả	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_1
635	1521011007	Trần Đăng	Đức	20/08/1997	Nam	Hà Nội	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_1
636	1521010207	Đỗ Thu	Hà	31/03/1997	Nữ	Hà Nội	3.71	Xuất sắc	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_1
637	1521010180	Phạm Nguyễn Văn	Hoàn	07/12/1997	Nam	Hà Nội	2.96	Khả	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_1

Handwritten signature

638	1521010117	Vũ Mạnh	Hưng	01/03/1994	Nam	Thái Bình	2.53	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_1
639	1521010223	Hoàng Quốc	Huy	03/01/1997	Nam	Hà Nội	2.56	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_1
640	1521010178	Nguyễn Đình	Huy	09/11/1997	Nam	Thái Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_1
641	1521010317	Chu Tuệ	Mẫn	09/11/1997	Nữ	Hà Nội	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_1
642	1521010220	Nguyễn Duy	Minh	20/11/1996	Nam	Thanh Hóa	3.68	Xuất sắc	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_1
643	1521010293	Lê Ngọc	Minh	14/02/1997	Nam	Thanh Hóa	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_1
644	1521010181	Kiều Hoàng	Mỹ	09/08/1996	Nữ	Hà Nội	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_1
645	1521010443	Trương Hoàng	Phuong	12/12/1997	Nam	Hà Nội	2.68	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_1
646	1521010225	Mai Huy	Tù	22/04/1997	Nam	Hải Dương	3.05	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_1
647	1521010300	Hoàng Văn	Tú	26/11/1997	Nam	Thái Bình	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_1
648	1521010127	Lê Văn	Tuyên	18/05/1995	Nam	Thanh Hóa	2.78	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_1
649	1521010326	Trần Thái	Dương	05/01/1997	Nam	Thái Bình	2.67	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_2
650	1521010125	Nguyễn Trường	Giang	21/08/1997	Nam	Hưng Yên	2.82	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_2
651	1521010146	Trần Minh	Hiếu	22/09/1997	Nam	Thái Bình	2.59	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_2
652	1521010049	Trần Trung	Kiên	12/11/1997	Nam	Thanh Hóa	2.54	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_2
653	1521010177	Bùi Thị Thanh	Lan	12/02/1997	Nữ	Hải Phòng	2.85	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_2

Handwritten signature

654	1521010151	Lê Văn	Linh	19/08/1997	Nam	Thái Bình	2.80	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_2
655	1521010253	Đỗ Duy	Phúc	22/01/1997	Nam	Hải Phòng	2.74	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_2
656	1521010265	Dương Văn	Thành	02/10/1996	Nam	Hà Tĩnh	3.38	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_2
657	1521010020	Nguyễn Thị	Thu	05/11/1996	Nữ	Yên Bái	2.80	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_2
658	1521010292	Chu Trung	Tiến	15/09/1996	Nam	Hà Nội	2.89	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_2
659	1521010281	Nguyễn Văn Quốc	Tuấn	14/08/1997	Nam	Nghệ An	2.91	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_2
660	1521010222	Lương Xuân	Tuấn	02/04/1997	Nam	Thanh Hóa	2.62	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV60_2
661	1521010206	Lê Văn	Khôi	29/03/1997	Nam	Hải Dương	2.84	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60
662	1521010116	Nguyễn Thế	Anh	11/03/1997	Nam	Hà Nội	3.50	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1
663	1521010210	Nguyễn Văn	Dũng	28/11/1995	Nam	Quảng Bình	3.13	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1
664	1521010010	Hoàng Phú Xuân	Hào	11/03/1997	Nam	Hà Nội	2.92	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1
665	1521010128	Lê Mạnh	Hậu	21/09/1997	Nam	Phú Thọ	3.31	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1
666	1521010190	Lê Quang	Huy	14/12/1997	Nam	Thái Nguyên	2.54	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1
667	1521020057	Vũ Đức	Huy	07/11/1997	Nam	Nam Định	2.75	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1
668	1521011008	Đào Duy	Khánh	15/03/1997	Nam	Hà Nội	2.55	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1
669	1521010024	Đỗ Gia	Lượng	07/07/1997	Nam	Hà Nội	2.83	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1

Handwritten signature

670	1521010079	Trần Mạnh	Tỉnh	30/09/1997	Nam	Nghe An	2.71	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1
671	1521010296	Đỗ Danh	Triệu	12/09/1997	Nam	Hưng Yên	2.87	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1
672	1521010111	Đỗ Ngọc	Tuyền	26/08/1997	Nam	Hà Nội	2.90	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1
673	1521011012	Trần Tuấn	Anh	07/10/1988	Nam	Hà Tĩnh	3.00	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
674	1521011104	Lê Quốc	Bao	06/07/1997	Nam	Đồng Tháp	2.64	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
675	1521011046	Ngô Hoàng Mạnh	Chiến	15/10/1995	Nam	Đồng Nai	2.71	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
676	1521011002	Hoàng Việt	Chung	20/07/1997	Nam	Nam Định	2.53	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
677	1521011024	Nguyễn Lương Thành	Đạt	10/02/1997	Nam	Kiên Giang	2.83	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
678	1521011078	Nguyễn Tấn	Đạt	03/01/1997	Nam	Tiền Giang	3.03	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
679	1521011083	Nguyễn Ngọc	Đinh	05/05/1997	Nam	Đồng Nai	2.66	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
680	1521011126	Phạm Hồng	Đức	02/09/1997	Nam	Nam Định	3.35	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
681	1521011089	Nguyễn Thị Hà	Giang	19/11/1997	Nữ	Quảng Ninh	3.03	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
682	1521011085	Phạm Sơn	Hà	20/08/1997	Nam	Thái Bình	3.58	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
683	1521011259	Nguyễn Hoàng	Hiệp	02/10/1996	Nam	Vũng Tàu	2.80	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
684	1521011144	Tăng Nguyễn Minh	Hiếu	20/09/1997	Nam	Đồng Nai	2.57	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
685	1521011262	Nguyễn Đình	Huy	14/06/1997	Nam	Bình Thuận	2.86	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT

28/08/2024

686	1521011264	Nguyễn Hoàng Tuấn	Khuon g	26/12/1993	Nam	TP Hồ Chí Minh	3.12	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
687	1521011059	Nguyễn Hồng Lâm	Lâm	20/10/1997	Nam	Bình Định	2.69	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
688	1521011080	Nguyễn Văn Luân	Luân	01/03/1994	Nam	Cần Thơ	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
689	1521011175	Nguyễn Đức Minh	Minh	02/02/1997	Nam	Đắc Lắc	2.84	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
690	1521011052	Nguyễn Trần Phú	Phú	08/09/1997	Nam	Bình Dương	2.53	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
691	1521011217	Trương Văn Thịnh	Thịnh	11/06/1997	Nam	Quảng Trị	3.12	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
692	1521011049	Huỳnh Việt Trường	Trường	21/07/1994	Nam	TP Hồ Chí Minh	2.60	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
693	1521011006	Phạm Quang Vũ	Vũ	11/11/1997	Nam	Hải Dương	2.62	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_1_VT
694	1521010237	Trần Thị Lan Anh	Anh	21/04/1997	Nữ	Nam Định	3.03	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
695	1521010171	Nguyễn Sỹ Bảo	Bảo	25/11/1996	Nam	Thái Bình	2.92	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
696	1521010272	Nguyễn Hữu Chiến	Chiến	14/06/1997	Nam	Thái Nguyên	2.90	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
697	1521010257	Đỗ Đức Đảo	Đảo	09/03/1997	Nam	Thái Bình	3.01	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
698	1521010048	Nguyễn Xuân Đức	Đức	29/09/1997	Nam	Ninh Bình	2.90	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
699	1521010164	Trần Mạnh Đức	Đức	19/02/1997	Nam	Nam Định	2.91	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
700	1521010251	Nguyễn Như Dũng	Dũng	25/02/1997	Nam	Thái Bình	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
701	1521010168	Vũ Tuấn Dương	Dương	06/11/1997	Nam	Hải Phòng	3.33	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2

Handwritten signature

702	1521010169	Phan Hồng	Duy	29/09/1997	Nam	Thái Bình	3.16	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
703	1521010306	Nguyễn Danh	Hiếu	23/10/1997	Nam	Hà Nội	3.00	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
704	1521010279	Đỗ Huy	Hoàng	20/08/1997	Nam	Thái Bình	2.82	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
705	1521010057	Nguyễn Lê	Khai	01/04/1997	Nam	Hà Nội	3.44	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
706	1521010138	Đào Đăng	Linh	24/12/1997	Nam	Hưng Yên	2.93	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
707	1521010195	Nguyễn Tuấn	Linh	06/06/1997	Nam	Bắc Giang	2.99	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
708	1521010035	Tô Hà	Long	02/09/1997	Nam	Thanh Hóa	2.62	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
709	1521010160	Đào Văn	Nam	10/11/1997	Nam	Thái Bình	2.71	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
710	1521010200	Nguyễn Hữu	Nghĩa	30/11/1997	Nam	Hải Dương	3.07	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
711	1521010105	Phạm Trung	Quý	21/08/1997	Nam	Hải Phòng	2.77	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
712	1521010016	Phan Trọng	Quý	27/09/1996	Nam	Nghệ An	2.61	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
713	1521010043	Nguyễn Văn	Sáng	01/12/1997	Nam	Vĩnh Phúc	2.81	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
714	1521010283	Nguyễn Hoàng	Son	02/01/1997	Nam	Quảng Ninh	2.92	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
715	1521010110	Phạm Đức	Thắng	15/05/1997	Nam	Hà Nội	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
716	1521010185	Vũ Đức	Thành	02/08/1997	Nam	Thanh Hóa	2.58	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
717	1521010192	Nguyễn Thế	Tiến	14/08/1997	Nam	Hà Nội	2.92	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2

718	1521010143	Phan Thê	Trung	18/03/1997	Nam	Vĩnh Phúc	3.45	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
719	1521010013	Lại Đình	Tú	18/07/1997	Nam	Hải Phòng	2.52	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
720	1521010090	Nguyễn Thanh	Tùng	08/10/1997	Nam	Thái Bình	3.38	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK60_2
721	1521010260	Nguyễn Tuấn	Anh	21/10/1997	Nam	Thái Bình	2.61	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
722	1521010213	Trịnh Quốc	Bảo	05/01/1998	Nam	Thanh Hóa	2.55	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
723	1521010187	Nguyễn Viết	Chiến	23/10/1997	Nam	Thái Bình	2.76	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
724	1521010256	Mai Anh	Công	11/07/1997	Nam	Thanh Hóa	2.70	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
725	1521010271	Đỗ Văn	Cường	09/05/1997	Nam	Ninh Bình	2.54	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
726	1521010289	Nguyễn Công	Cường	09/01/1997	Nam	Nghệ An	3.31	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
727	1521010120	Vũ Văn	Cường	26/09/1997	Nam	Ninh Bình	2.73	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
728	1521010245	Dương Hoàng	Diệp	06/05/1997	Nam	Nam Định	2.68	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
729	1521010003	Lê Trung	Đức	25/05/1997	Nam	Hà Nội	2.65	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
730	1521010028	Hoàng Anh	Dũng	20/08/1997	Nam	Thái Bình	2.87	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
731	1521010030	Trần Thành	Giang	12/11/1996	Nam	Nam Định	2.52	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
732	1521010060	Nguyễn Ngọc	Hải	15/07/1997	Nam	Quảng Ninh	3.12	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
733	1521010025	Nguyễn Viết	Hiếu	09/09/1997	Nam	Nam Định	2.58	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2

734	1521010065	Trần Minh	Hiếu	20/09/1997	Nam	Thanh Hóa	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
735	1521010098	Dương Văn	Hòa	23/03/1997	Nam	Hà Nội	2.95	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
736	1521010301	Nguyễn Huy	Hoàn	29/08/1997	Nam	Hải Phòng	2.54	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
737	1521010031	Nguyễn Duy	Học	20/02/1997	Nam	Hà Tây	2.69	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
738	1521010140	Trần Văn	Hùng	26/01/1997	Nam	Hà Tây	2.94	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
739	1521010093	Vũ Đức	Mạnh	25/07/1997	Nam	Nam Định	2.70	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
740	1521010131	Nguyễn Xuân	Quyết	09/04/1997	Nam	Hà Nội	2.88	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
741	1521010001	Đình Đức	Thiện	20/02/1997	Nam	Hung Yên	2.79	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
742	1521010184	Phan Đức	Thuận	31/01/1997	Nam	Vĩnh Phúc	3.03	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
743	1521019008	Nông Văn	Thuyết	28/11/1995	Nam	Lạng Sơn	2.54	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
744	1521010170	Nguyễn Minh	Tiến	22/05/1997	Nam	Hà Tây	3.06	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
745	1521010269	Nguyễn Văn	Xuân	07/02/1997	Nam	Nam Định	2.67	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT60_2
746	1521010442	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	17/11/1997	Nữ	Hải Dương	2.69	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKKLĐ60_2
747	1521010438	Nguyễn Tuấn	Anh	01/08/1997	Nam	Hải Phòng	2.34	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKKLĐ60_2
748	1521010430	Cao Thế	Anh	06/08/1997	Nam	Thanh Hóa	2.75	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKKLĐ60_2
749	1521010435	Lê Thị	Anh	25/06/1997	Nữ	Thanh Hóa	3.33	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKKLĐ60_2

750	1521010383	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/08/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.77	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
751	1521010398	Nguyễn Linh	Chi	26/07/1997	Nữ	Hà Nội	2.54	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
752	1521010386	Mã Văn	Chiến	28/07/1997	Nam	Thái Nguyên	3.02	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
753	1521010425	Nguyễn Cảnh	Công	07/04/1997	Nam	Nghệ An	2.90	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
754	1521010336	Nguyễn Thành	Đạt	19/06/1997	Nam	Hà Nội	2.59	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
755	1521010334	Trần Minh	Đức	22/09/1997	Nam	Hưng Yên	2.64	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
756	1521010389	Nguyễn Hữu	Đức	16/01/1997	Nam	Thanh Hóa	3.54	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
757	1521010384	Hoàng Kim	Dung	26/01/1997	Nữ	Hải Phòng	3.22	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
758	1521010363	Nguyễn Thị Trà	Giang	27/07/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.69	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
759	1521010420	Lê Khắc	Hải	13/09/1996	Nam	Thanh Hóa	3.16	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
760	1521010072	Nguyễn Khắc	Hải	16/06/1997	Nam	Hà Nội	2.77	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
761	1521010408	Nguyễn Xuân	Hiếu	03/12/1997	Nam	Thái Bình	2.55	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
762	1521010378	Trần Minh	Hiếu	11/08/1996	Nam	Nam Định	2.73	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
763	1521010364	Nguyễn Thị	Hoa	08/02/1997	Nữ	Hải Phòng	3.60	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
764	1521010434	Trần Minh	Hoàng	04/05/1997	Nam	Thái Bình	2.69	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
765	1521010427	Lê Văn	Hoàng	21/11/1997	Nam	Thanh Hóa	2.26	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2

766	1521010375	Nguyễn Văn	Khang	22/10/1996	Nam	Nam Đình	2.42	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2
767	1521010340	Hoàng Sơn	Lâm	23/05/1997	Nam	Thanh Hóa	2.63	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2
768	1521010335	Đỗ Văn	Lâm	29/08/1997	Nam	Bắc Giang	2.89	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2
769	1521010416	Đinh Thị	Linh	09/11/1997	Nữ	Thái Bình	2.66	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2
770	1521010404	Nguyễn Thành	Luân	01/06/1996	Nam	Phú Thọ	2.73	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2
771	1521010354	Phạm Thị	Mai	20/11/1997	Nữ	Hải Phòng	3.04	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2
772	1521010419	Đỗ Thị	Mến	06/10/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.58	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2
773	1521010366	Đinh Thị	My	10/03/1996	Nữ	Bắc Ninh	2.75	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2
774	1521010345	Phạm Thị	Ngân	22/02/1997	Nữ	Hải Phòng	3.02	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2
775	1521010330	Đinh Thị Tú	Oanh	06/12/1997	Nữ	Thái Nguyên	2.89	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2
776	1521010353	Đào Thị	Oanh	02/10/1997	Nữ	Thanh Hóa	3.16	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2
777	1521010377	Lê Hồng	Phong	10/09/1995	Nam	Phú Thọ	3.53	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2
778	1521010387	Hoàng Nhật	Phuong	10/09/1997	Nam	Hải Dương	2.65	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2
779	1521010388	Nguyễn Thị	Quên	05/06/1997	Nữ	Hải Dương	2.51	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2
780	1521010429	Nguyễn Tiến	Sáng	21/06/1997	Nam	Thanh Hóa	2.59	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2
781	1521010418	Phạm Văn	Sư	06/08/1997	Nam	Vĩnh Phúc	2.72	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLĐ60_2

782	1521010381	Dương Thị Hương	Thảo	28/10/1997	Nữ	Hà Nam	2.99	Khả	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
783	1521010352	Vũ Thị	Thu	01/01/1997	Nữ	Lào Cai	2.65	Khả	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
784	1521010371	Trần Văn	Thuận	13/07/1997	Nam	Thanh Hóa	2.75	Khả	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
785	1521010394	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	20/02/1997	Nữ	Hung Yên	2.71	Khả	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
786	1521010391	Nguyễn Thu	Trang	24/12/1996	Nữ	Thái Nguyên	2.55	Khả	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
787	1521010351	Nguyễn Văn	Tuân	19/09/1997	Nam	Thanh Hóa	2.56	Khả	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
788	1521010349	Trương Minh	Tuân	29/12/1997	Nam	Hà Nội	2.70	Khả	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
789	1521010145	Phạm Thị	Tươi	20/09/1997	Nữ	Hải Dương	2.48	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
790	1521010405	Phạm Hoàng	Việt	21/09/1996	Nam	Quảng Ninh	2.58	Khả	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
791	1521010332	Phạm Văn Long	Vũ	19/01/1997	Nam	Hà Nội	2.63	Khả	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
792	1521010401	Đỗ Thị Hải	Yến	09/04/1997	Nữ	Hải Phòng	3.01	Khả	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2
793	1521011001	Lê Trung Tuấn	Anh	19/05/1997	Nam	Thanh Hóa	2.73	Khả	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2_VT
794	1521011123	Phạm Văn	Định	05/04/1997	Nam	Bình Thuận	2.54	Khả	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2_VT
795	1521011041	Trần Vũ	Đông	20/09/1995	Nam	Bà Rịa- Vũng Tàu	2.68	Khả	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2_VT
796	1521011131	Hồ Hữu Hoàng	Duy	26/06/1997	Nam	Quảng Nam	3.08	Khả	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2_VT
797	1521011133	Huỳnh Minh	Giác	18/12/1997	Nam	Phú Yên	2.89	Khả	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL.D60_2_VT

798	1521011137	Phạm Tiến	Hải	03/04/1997	Nam	Bình Dương	2.80	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT
799	1521011055	Nguyễn Thị Thu	Hằng	12/10/1997	Nữ	Hà Nam	2.63	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT
800	1521011147	Nguyễn Thanh	Hòa	25/06/1997	Nam	Thái Bình	2.27	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT
801	1521011154	Nguyễn Đình	Hoàng	25/03/1997	Nam	Gia Lai	2.61	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT
802	1521011044	Nguyễn Văn	Hoàng	20/07/1997	Nam	Quang Bình	2.86	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT
803	1521011045	Lê Hữu	Hội	06/09/1994	Nam	Nghệ An	3.07	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT
804	1521011088	Phạm Thu	Huyền	31/08/1995	Nữ	Phú Yên	2.98	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT
805	1521011023	Nguyễn Phạm Quang	Khải	11/01/1997	Nam	Quảng Ngãi	2.74	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT
806	1521011086	Võ Thanh	Minh	14/04/1995	Nam	Phú Yên	2.61	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT
807	1521011182	Nguyễn Xuân	Nghĩa	20/05/1997	Nam	Thanh Hóa	2.76	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT
808	1521011183	Lê Thị Bích	Ngọc	06/11/1996	Nữ	Hưng Yên	2.66	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT
809	1521011184	Nguyễn Trung	Nguyễn	24/09/1997	Nam	Bình Định	2.90	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT
810	1521011197	Võ Hoài	Phúc	10/10/1997	Nam	Đồng Tháp	2.73	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT
811	1521011269	Trần Hà Thảo	Quỳnh	15/12/1997	Nữ	Khánh Hòa	2.61	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT
812	1521011200	Phạm Cẩm	Quỳnh	27/04/1996	Nữ	Vũng Tàu	2.76	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT
813	1521011058	Nguyễn Thành	Son	23/08/1997	Nam	Đồng Tháp	3.53	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD60_2_VT

814	1521011210	Nguyễn Văn	Tấn	26/05/1996	Nam	Đắk Lắk	2.56	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL D60_2_VT
815	1521011013	Trần Quang	Thanh	15/11/1997	Nam	Quảng Nam	2.60	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL D60_2_VT
816	1521011038	Trần Công	Thành	27/12/1997	Nam	Bình Phước	2.66	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL D60_2_VT
817	1521011016	Võ Thị Thanh	Thảo	02/07/1997	Nữ	Kon Tum	2.61	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL D60_2_VT
818	1521011216	Lê Chân	Thịnh	14/01/1996	Nam	Thanh Hóa	2.64	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL D60_2_VT
819	1521011227	Phạm Thị Hương	Trà	27/07/1996	Nữ	Khánh Hóa	2.58	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL D60_2_VT
820	1521011064	Trần Bình	Trọng	12/06/1997	Nam	Bình Định	2.92	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL D60_2_VT
821	1521011243	Mai Thanh	Tùng	13/03/1997	Nam	Bà Rịa- Vũng Tàu	3.02	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL D60_2_VT
822	1521010328	Nguyễn Thị Thái	Vân	17/03/1997	Nữ	Lâm Đồng	2.63	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL D60_2_VT
823	1521011248	Trần Thị Kim	Vi	10/01/1997	Nữ	Phú Yên	2.62	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL D60_2_VT
824	1521011056	Trần Thị	Xuân	07/04/1997	Nữ	Thanh Hóa	3.34	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL D60_2_VT
825	1521011075	Bùi Thị	Yến	25/06/1996	Nữ	Đắk Nông	2.86	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL D60_2_VT
826	1521010342	Vũ Thị	Trang	12/09/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.37	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKL D60A
827	1521010021	Nguyễn Thanh	Hải	02/09/1993	Nam	Hưng Yên	3.01	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKT B60_1
828	1521010074	Bùi Thành	Hiếu	25/01/1996	Nam	Nam Định	2.77	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKT B60_1
829	1521020056	Lê Đức	Hùng	08/05/1997	Nam	Thái Bình	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKT B60_1

Handwritten signature

830	1521010083	Nguyễn Quốc	Huy	02/10/1997	Nam	Hà Nội	2.68	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_1
831	1521010087	Lê Văn	Sang	16/10/1997	Nam	Nghệ An	2.56	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_1
832	1521010051	Phạm Văn	Tiến	08/01/1997	Nam	Nam Định	2.70	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_1
833	1521010179	Nguyễn Việt	Anh	10/02/1997	Nam	Hà Nội	2.64	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
834	1521010263	Nguyễn Quyền	Anh	09/07/1996	Nam	Thanh Hóa	2.51	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
835	1521010076	Ngô Văn	Đôn	15/08/1997	Nam	Thanh Hóa	2.62	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
836	1521019021	Đặng Quốc	Dùng	15/11/1997	Nam	Thanh Hóa	2.62	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
837	1521010100	Nguyễn Đăng	Hoàng	09/11/1997	Nam	Hà Nội	2.56	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
838	1521010186	Hồ Sỹ	Hùng	04/02/1997	Nam	Nghệ An	2.77	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
839	1521010313	Hồ Việt	Huy	11/11/1997	Nam	Hà Nội	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
840	1521010126	Nguyễn Trần Đức	Huy	25/07/1997	Nam	Quảng Ninh	2.56	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
841	1521010267	Trịnh Thị Thảo	Lý	20/04/1997	Nữ	Hải Dương	2.50	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
842	1521010239	Tô Thanh	Ngọc	17/09/1997	Nam	Hải Dương	2.55	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
843	1521010085	Đỗ Văn	Nguyễn	27/06/1996	Nam	Nam Định	2.51	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
844	1521010227	Phạm Hữu	Phước	02/07/1996	Nam	Thái Bình	2.68	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
845	1521010216	Trịnh Hồng	Son	04/01/1997	Nam	Thanh Hóa	2.78	Khả	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2

846	1521010009	Nguyễn Tiến	Thiên	23/09/1997	Nam	Hưng Yên	2.61	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
847	1521010089	Nguyễn Hoàng	Tín	18/02/1997	Nam	Đắc Lắc	3.11	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
848	1521010077	Hoàng Minh	Tuấn	12/01/1996	Nam	Thanh Hóa	2.56	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
849	1521010112	Hoàng Quốc	Việt	27/04/1997	Nam	Yên Bái	2.54	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB60_2
850	1624010229	Nguyễn Thị	Đào	23/06/1998	Nữ	Hà Nội	3.25	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61A
851	1624011034	Lê Văn	Duyệt	10/03/1998	Nam	Hải Phòng	3.28	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61A
852	1624010253	Trần Thị	Hạnh	04/01/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61A
853	1624010178	Trần Thị	Hiền	13/05/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61A
854	1624010276	Đoàn Thị	Hoa	13/04/1998	Nữ	Hà Nội	2.88	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61A
855	1624010051	Nguyễn Thu	Hương	25/12/1998	Nữ	Phú Thọ	3.33	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61A
856	1624010792	Trần Thị	Liên	27/06/1996	Nữ	Hà Nam	2.90	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61A
857	1624010100	Trần Thúy	Linh	06/12/1998	Nữ	Quảng Ninh	2.23	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61A
858	1624010310	Nguyễn Thủy	Linh	01/07/1998	Nữ	Lào Cai	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61A
859	1624010269	Phạm Thị	Nhung	20/10/1998	Nữ	Nam Định	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61A
860	1624010193	Trần Thị	Phượng	04/04/1998	Nữ	Nam Định	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61A
861	1624010318	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	06/07/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.50	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61A

Handwritten signature

862	1624010295	Nguyễn Thị	Thanh	16/06/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.65	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61A
863	1624010113	Đỗ Huyền	Trang	20/11/1998	Nữ	Hà Nội	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61A
864	1624010121	Dương Thị Ánh	Tuyết	06/11/1998	Nữ	Nam Định	2.77	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61A
865	1624010101	Trần Minh	Anh	11/01/1997	Nữ	Hà Nội	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
866	1624011036	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	16/09/1998	Nữ	Quảng Ninh	3.64	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
867	1624010060	Phạm Quý	Dương	08/04/1998	Nam	Lào Cai	2.84	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
868	1624010225	Phạm Thị	Hà	14/10/1998	Nữ	Hải Dương	2.88	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
869	1624010785	Ngô Thị	Hạnh	07/07/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.62	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
870	1624010031	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	24/05/1998	Nữ	Quảng Ninh	2.76	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
871	1624010086	Mai Thị	Huế	15/07/1998	Nữ	Nam Định	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
872	1624010106	Phạm Thị	Hương	26/01/1998	Nữ	Nam Định	3.08	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
873	1624010745	Nguyễn Thị	Hương	29/11/1998	Nữ	Thanh Hóa	3.51	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
874	1624010126	Vũ Đức	Kiên	31/08/1998	Nam	Hà Nội	2.11	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
875	1624011003	Nguyễn Thị Nguyệt	Linh	14/02/1998	Nữ	Quảng Ninh	2.86	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
876	1624010260	Nguyễn Thị	Quỳnh	20/12/1998	Nữ	Hà Nội	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
877	1624011046	Nguyễn Quang	Sáng	04/09/1998	Nam	Hà Nội	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B

Handwritten signature

878	1624010048	Đỗ Phương	Thảo	07/01/1998	Nữ	Hải Phòng	2.58	Khả	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
879	1624010015	Lý Thị Huyền	Trang	04/05/1997	Nữ	Hưng Yên	2.56	Khả	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
880	1624010093	Phạm Thị Thùy	Trang	24/07/1997	Nữ	Ninh Bình	3.08	Khả	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
881	1624010211	Phạm Văn	Tú	06/11/1998	Nam	Hưng Yên	2.56	Khả	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
882	1624010081	Nguyễn Thị	Tuyến	21/02/1998	Nữ	Hà Nội	3.00	Khả	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
883	1624010154	Nguyễn Thị Thanh	Vân	21/01/1998	Nữ	Hải Dương	2.51	Khả	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
884	1624010133	Nguyễn Công	Vương	01/11/1998	Nam	Vĩnh Phúc	3.12	Khả	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
885	1624010793	Trình Thị Hai	Yến	07/02/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.37	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61B
886	1624010305	Đinh Thị Lan	Anh	18/03/1998	Nữ	Nam Định	2.50	Khả	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61C
887	1624010070	Lê Thị Ngọc	Anh	27/11/1998	Nữ	Nam Định	2.56	Khả	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61C
888	1624010098	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	29/12/1998	Nữ	Quảng Ninh	2.61	Khả	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61C
889	1624010232	Vũ Thị	Hồng	16/11/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.62	Khả	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61C
890	1624010049	Nguyễn Thị	Hương	25/05/1998	Nữ	Bắc Ninh	2.58	Khả	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61C
891	1624010280	Đặng Thị	Huyền	25/11/1998	Nữ	Hải Dương	2.90	Khả	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61C
892	1624010161	Vũ Thị Khánh	Lý	02/08/1998	Nữ	Hà Nội	3.06	Khả	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61C
893	1624010102	Trần Thị Kim	Ngân	06/04/1998	Nữ	Nghệ An	2.66	Khả	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61C

Handwritten signature

894	1624010169	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	10/05/1998	Nữ	Hà Tĩnh	2.46	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61C
895	1624010062	Phạm Thị Minh	Phuong	19/11/1998	Nữ	Thái Bình	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61C
896	1624010136	Cao Thị	Phuong	05/05/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.75	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61C
897	1624010016	Phạm Thị Hoài	Thu	08/11/1998	Nữ	Yên Bái	3.06	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61C
898	1624010175	Cung Minh Tuấn	Việt	02/04/1998	Nam	Hà Nội	2.10	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61C
899	1624010273	Lỗ Thị Minh	Yến	14/06/1998	Nữ	Hà Nội	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61C
900	1624011040	Đoàn Phương	Anh	08/09/1998	Nữ	Hà Nội	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
901	1624010044	Phạm Văn	Giang	27/11/1998	Nam	Hải Phòng	3.02	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
902	1624010796	Đặng Thị Thu	Hà	03/11/1998	Nữ	Bắc Giang	2.63	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
903	1624010274	Nguyễn Thị	Hào	17/07/1998	Nữ	Bắc Ninh	2.68	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
904	1624010172	Nguyễn Thị	Hoa	19/11/1998	Nữ	Hải Dương	2.68	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
905	1624010090	Lê Thị	Hoài	01/01/1998	Nữ	Vĩnh Phúc	3.03	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
906	1624010791	Hoàng Phi	Hùng	18/02/1998	Nam	Hà Nội	2.45	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
907	1624010177	Nguyễn Thị Thu	Huyền	25/03/1998	Nữ	Thái Bình	2.47	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
908	1624010282	Phạm Ngọc	Khánh	27/08/1998	Nữ	Phú Thọ	2.57	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
909	1624010298	Phạm Thị	Lan	06/06/1998	Nữ	Thái Bình	2.30	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D

Handwritten signature

910	1624010142	Lục Lan	Linh	01/03/1998	Nữ	Lào Cai	3.03	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
911	1624010013	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	17/12/1998	Nữ	Hải Phòng	3.01	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
912	1624010234	Trần Thị Hương	Ly	29/05/1998	Nữ	Thái Bình	2.70	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
913	1624010306	Dương Thị Kiều	Oanh	19/08/1998	Nữ	Nam Định	2.68	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
914	1624010227	Ngô Thị Minh	Phuong	07/03/1998	Nữ	Bắc Ninh	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
915	1624010315	Nguyễn Cao	Quý	22/12/1998	Nam	Hải Phòng	2.63	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
916	1624010103	Nguyễn Hoa	Quỳnh	03/09/1998	Nữ	Hà Nội	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
917	1624010741	Nguyễn Thị Phương	Thanh	03/11/1998	Nữ	Quảng Ninh	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
918	1624010112	Phạm Thị Tích	Thiên	31/05/1998	Nữ	Thái Bình	2.70	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
919	1624010018	Trần Thị	Thịnh	13/11/1996	Nữ	Bắc Giang	3.12	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
920	1624010151	Phạm Thị Hồng	Thom	16/01/1998	Nữ	Ninh Bình	2.28	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
921	1624011021	Trần Thị Thanh	Thư	01/03/1998	Nữ	Thái Bình	3.05	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
922	1624010200	Hoàng Thị	Trang	28/06/1996	Nữ	Hà Nội	3.34	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
923	1624010084	Nguyễn Thuý	Trang	23/06/1998	Nữ	Hà Nội	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
924	1624010023	Phạm Thị Tố	Uyên	05/09/1998	Nữ	Thái Nguyên	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
925	1624010014	Nguyễn Thị	Xuân	12/01/1998	Nữ	Hà Nam	3.46	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D

926	1624010773	Chữ Thị Thanh	Xuân	13/04/1998	Nữ	Hà Nội	2.63	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	ĐCKTKD61D
927	1624010943	Lê Thị Vân	Anh	08/08/1998	Nữ	Hà Nội	2.44	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_61_1
928	1624010383	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	11/03/1998	Nữ	Hà Nội	3.12	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_61_1
929	1624010431	Bùi Thị Vân	Anh	25/07/1998	Nữ	Thái Bình	2.79	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_61_1
930	1624010944	Nguyễn Thị Mai	Anh	14/06/1997	Nữ	Thái Bình	3.28	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_61_1
931	1624010564	Phạm Thị Vân	Anh	24/10/1998	Nữ	Hải Dương	3.03	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_61_1
932	1624010608	Nguyễn Thị Thanh	Bình	02/09/1998	Nữ	Lào Cai	2.83	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_61_1
933	1624010505	Lưu Thị	Bưởi	21/05/1998	Nữ	Thái Bình	3.19	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_61_1
934	1624010362	Nguyễn Thị	Dung	01/05/1998	Nữ	Hà Nội	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_61_1
935	1621010103	Nguyễn Thị Hà	Giang	20/08/1998	Nữ	Kiên Giang	3.59	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_61_1
936	1624010602	Trần Thị	Hằng	01/12/1998	Nữ	Ninh Bình	3.35	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_61_1
937	1624010435	Trần Thị	Hằng	19/09/1998	Nữ	Bắc Ninh	2.50	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_61_1
938	1624010344	Hà Thị Hồng	Hạnh	03/03/1998	Nữ	Vĩnh Phúc	3.06	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_61_1
939	1624010590	Bùi Thị	Hiền	28/07/1998	Nữ	Hải Dương	2.76	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_61_1
940	1624010616	Nghiêm Thị	Hoài	18/06/1998	Nữ	Hà Nội	2.54	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_61_1
941	1624010368	Nguyễn Thị	Huệ	03/03/1998	Nữ	Hà Nội	2.82	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_61_1

942	1624010867	Phí Thị Lan	Hương	23/10/1998	Nữ	Thái Bình	3.34	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
943	1624010859	Nguyễn Thị	Hương	15/11/1998	Nữ	Vĩnh Phúc	3.11	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
944	1624010442	Bùi Thị	Huyền	07/12/1998	Nữ	Hải Dương	2.74	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
945	1624010530	Lưu Thị Thanh	Huyền	21/09/1998	Nữ	Hà Nội	2.73	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
946	1624010946	Nguyễn Hồng	Liên	11/06/1998	Nữ	Hà Nội	2.77	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
947	1624010517	Đinh Thị	Linh	27/06/1998	Nữ	Hà Nội	2.90	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
948	1624010901	Đỗ Thị	Lý	02/10/1998	Nữ	Hà Nội	2.96	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
949	1624010913	Nguyễn Thị	Mai	01/05/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.80	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
950	1624010399	Nguyễn Thị Thanh	Mai	19/01/1998	Nữ	Vĩnh Phúc	3.24	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
951	1624010653	Phạm Thị	Nga	11/12/1998	Nữ	Hà Nam	2.54	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
952	1624010369	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	19/07/1998	Nữ	Thái Bình	3.09	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
953	1624010545	Nguyễn Thị	Ngân	05/10/1998	Nữ	Hà Nội	2.83	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
954	1624010370	Nguyễn Thị	Nhật	02/02/1999	Nữ	Hà Nội	3.00	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
955	1624010903	Vũ Thị	Quý	02/03/1998	Nữ	Thái Bình	2.93	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
956	1624010366	Vũ Thị Thanh	Thảo	28/07/1998	Nữ	Hà Nam	3.01	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
957	1624010526	Nguyễn Thị	Thoa	03/02/1998	Nữ	Vĩnh Phúc	2.85	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1

958	1624010607	Võ Thị	Thu	04/09/1998	Nữ	Hà Nội	2.85	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
959	1624010629	Nguyễn Thị	Thư	12/03/1998	Nữ	Hà Nội	3.01	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
960	1624010965	Nguyễn Thị	Thương	05/04/1998	Nữ	Thái Nguyên	3.06	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
961	1624010581	Chu Thị Thu	Thúy	25/08/1998	Nữ	Hà Nam	3.25	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
962	1624010503	Trần Thị Thu	Thúy	14/12/1998	Nữ	Hung Yên	3.32	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
963	1624010906	Vũ Thị	Thúy	22/12/1998	Nữ	Nam Định	3.11	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
964	1624010441	Đinh Thùy	Tiên	30/10/1998	Nữ	Hà Nam	3.50	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
965	1624010491	Lại Thùy	Trang	06/12/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.65	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
966	1624010381	Phạm Thu	Uyên	13/02/1998	Nữ	Hà Nam	3.71	Xuất sắc	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
967	1624010589	Võ Thị	Vui	20/04/1998	Nữ	Hà Nội	2.83	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
968	1624010484	Đinh Thị Như	Yến	26/08/1998	Nữ	Hà Nam	3.03	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
969	1624010569	Phạm Thị	Yến	03/05/1998	Nữ	Nam Định	2.70	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
970	1624010915	Trịnh Thị	Yến	02/03/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
971	1624010963	Đặng Thu	Anh	24/01/1998	Nữ	Hà Nội	2.83	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
972	1624010705	Nguyễn Thị	Anh	10/05/1998	Nữ	Hải Dương	2.56	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
973	1624010408	Lê Hà	Anh	02/06/1998	Nữ	Hà Nội	2.59	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2

Handwritten signature

974	1624010333	Nguyễn Phương	Anh	27/09/1998	Nữ	Phú Thọ	3.09	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
975	1624010670	Nguyễn Thị Mai	Anh	19/01/1998	Nữ	Hà Tĩnh	2.98	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
976	1624010645	Nguyễn Thị Lan	Anh	22/11/1998	Nữ	Nam Định	3.03	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
977	1624010440	Nguyễn Phương	Anh	24/12/1998	Nữ	Hà Nội	2.81	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
978	1624010967	Phạm Thị Ngọc	Ánh	17/06/1998	Nữ	Hà Nam	2.63	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
979	1624010104	Lương Thị Quỳnh	Châu	13/07/1998	Nữ	Hà Nội	2.72	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
980	1624010469	Lê Khánh	Chi	22/08/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.66	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
981	1624010951	Vũ Thị Lan	Chi	18/02/1998	Nữ	Hải Dương	2.75	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
982	1624010522	Nguyễn Thị	Chinh	03/05/1998	Nữ	Hà Nam	3.00	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
983	1624010968	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	30/08/1998	Nữ	Thái Bình	2.66	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
984	1624010921	Vũ Thị	Đào	19/09/1998	Nữ	Nam Định	2.85	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
985	1624010908	Vũ Thùy	Dung	23/08/1998	Nữ	Hà Nội	3.01	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
986	1624010556	Đặng Thùy	Dung	06/09/1998	Nữ	Hòa Bình	2.63	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
987	1624010657	Đặng Thùy	Dương	18/10/1998	Nữ	Lào Cai	2.91	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
988	1624010675	Vũ Thu	Duyên	02/05/1998	Nữ	Nam Định	2.81	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
989	1624010658	Lại Thị	Duyên	04/08/1998	Nữ	Thái Bình	2.91	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2

990	1624010573	Lương Thị	Giang	02/09/1998	Nữ	Hà Nội	3.33	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
991	1624010619	Vũ Thị Linh	Giang	01/05/1998	Nữ	Phú Thọ	2.56	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
992	1624010688	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/10/1998	Nữ	Hà Nội	2.68	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
993	1624010980	Đỗ Thị	Hà	16/06/1998	Nữ	Hà Nam	2.54	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
994	1624010334	Nguyễn Thị	Hà	24/02/1998	Nữ	Hải Duong	3.56	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
995	1624010140	Lê Thị	Hằng	26/06/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.63	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
996	1624010560	Nguyễn Thị Lê	Hằng	20/04/1998	Nữ	Hà Nội	2.64	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
997	1624010932	Lê Thu	Hằng	16/09/1998	Nữ	Hà Nội	3.55	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
998	1624010729	Bùi Thị	Hằng	03/03/1998	Nữ	Thái Bình	2.63	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
999	1624010487	Trần Thị Thanh	Hằng	07/09/1998	Nữ	Nam Định	2.45	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1000	1624010862	Nguyễn Thu	Hằng	29/03/1998	Nữ	Hà Nội	3.11	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1001	1624010508	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	11/05/1998	Nữ	Hà Nội	3.16	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1002	1621080705	Đoàn Thị	Hạnh	13/12/1998	Nữ	Thái Bình	2.91	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1003	1624010510	Nguyễn Thị	Hạnh	20/06/1998	Nữ	Bắc Giang	2.65	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1004	1624010352	Bùi Thị	Hậu	20/02/1998	Nữ	Thái Bình	3.25	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1005	1624010610	Bùi Thu	Hiền	11/02/1998	Nữ	Thái Bình	3.24	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2

1006	1624010436	Đỗ Thị	Hiền	01/12/1998	Nữ	Lào Cai	3.23	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1007	1624010730	Đinh Thị	Hiền	30/10/1998	Nữ	Thái Bình	2.88	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1008	1624010916	Đinh Thị	Hiền	07/10/1998	Nữ	Ninh Bình	2.74	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1009	1624010572	Bùi Thị Thu	Hiền	14/12/1998	Nữ	Hà Nội	2.16	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1010	1624010386	Đinh Thị	Hoa	20/11/1998	Nữ	Tuyên Quang	3.36	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1011	1624010685	Nguyễn Thị	Hòa	11/03/1998	Nữ	Bắc Ninh	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1012	1624010682	Trình Thị	Hoài	10/10/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.63	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1013	1624010948	Đinh Thị	Huê	29/01/1998	Nữ	Ninh Bình	2.82	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1014	1624010392	Nguyễn Thế	Hùng	12/10/1997	Nam	TT - Huế	3.04	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1015	1624010693	Cần Thị Thu	Hương	03/11/1998	Nữ	Hà Nội	2.70	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1016	1624010391	Nguyễn Thị	Hương	31/10/1998	Nữ	Quảng Ninh	3.01	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1017	1624010415	Phạm Linh	Hương	30/05/1998	Nữ	Hà Nội	2.45	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1018	1624010641	Trình Thị Mai	Hương	13/03/1998	Nữ	Quảng Ninh	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1019	1624010523	Hoàng Thị	Hương	06/05/1998	Nữ	Hà Nam	3.06	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1020	1624010899	Phạm Thị Thanh	Huyền	03/06/1998	Nữ	Hà Nội	2.64	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1021	1624010355	Trần Thị	Huyền	08/07/1998	Nữ	Hải Dương	2.54	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2

Handwritten signature

1022	1624010950	Đỗ Thị Thu	Huỳnh	01/12/1998	Nữ	Hà Nội	3.00	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1023	1624010618	Bùi Thu	Huỳnh	23/02/1998	Nữ	Thái Bình	2.81	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1024	1624010499	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	05/12/1998	Nữ	Nam Định	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1025	1624010531	Nguyễn Thị	Lan	19/11/1998	Nữ	Nam Định	3.00	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1026	1624010550	Tổng Thị Ngọc	Lan	26/02/1998	Nữ	Quảng Ninh	2.54	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1027	1624010635	Đỗ Thị Ngọc	Lan	29/10/1998	Nữ	Thái Bình	3.05	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1028	1624010576	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/05/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1029	1624010883	Lâm Thị Mỹ	Linh	15/08/1998	Nữ	Nam Định	2.36	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1030	1624010506	Nguyễn Thị Phương	Linh	16/04/1998	Nữ	Hà Nội	2.91	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1031	1624010427	Trần Thị Kiều	Loan	27/10/1997	Nữ	Nghệ An	3.12	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1032	1624010448	Nguyễn Thị	Loan	21/11/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.64	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1033	1624010382	Nguyễn Thị	Loan	22/04/1998	Nữ	Hà Nội	3.06	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1034	1624010466	Phạm Đình	Lộc	22/05/1998	Nam	Nghệ An	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1035	1624010414	Phạm Thị	Lộc	13/05/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1036	1624010978	Phạm Lưu	Lý	22/10/1998	Nữ	Tuyên Quang	2.31	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1037	1624010650	Trương Thị	Mai	25/02/1998	Nữ	Hải Dương	3.05	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2

1038	1624010490	Nguyễn Hoa	Mai	14/10/1998	Nữ	Quảng Ninh	2.88	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1039	1624010889	Đào Thị Kim	Miền	04/06/1998	Nữ	Hải Dương	2.50	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1040	1621020056	Lê Thị Thúy	Nga	02/07/1998	Nữ	Cao Bằng	2.59	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1041	1624010541	Bùi Thị	Ngân	01/12/1998	Nữ	Hải Phòng	3.01	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1042	1624010409	Lê Thị	Ngọc	11/12/1998	Nữ	Thanh Hóa	3.44	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1043	1624010587	Nguyễn Thị	Ngọc	01/05/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.61	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1044	1624010649	Lê Ánh	Nguyệt	21/10/1998	Nữ	Quảng Ninh	2.53	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1045	1624010840	Phạm Thị Thu	Nguyệt	15/06/1998	Nữ	Ninh Bình	2.74	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1046	1624010412	Nguyễn Thị	Nhan	07/01/1998	Nữ	Hà Nội	3.25	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1047	1624010737	Lê Hồng	Nhung	02/11/1998	Nữ	Hà Nội	2.85	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1048	1624010595	Nguyễn Thị	Ninh	11/12/1998	Nữ	Vĩnh Phúc	2.67	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1049	1624010496	Trịnh Thị Kim	Oanh	18/05/1998	Nữ	Thái Bình	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1050	1624010866	Nguyễn Thu	Phương	27/09/1998	Nữ	Hà Nội	3.06	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1051	1624010731	Nguyễn Thị	Phương	28/08/1998	Nữ	Vĩnh Phúc	2.74	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1052	1624010690	Bùi Thị Thu	Phương	18/04/1998	Nữ	Hà Nội	3.10	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1053	1624010850	Nguyễn Thị	Phương	16/05/1998	Nữ	Nam Định	2.66	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2

Handwritten signature and initials

1054	1624010361	Hoàng Thị Lam	Phuong	08/06/1998	Nữ	Hải Dương	2.96	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1055	1624010710	Nguyễn Minh	Phuong	21/09/1998	Nữ	Hà Nội	3.21	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1056	1624010453	Lê Thị	Quỳnh	01/07/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.50	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1057	1624010722	Nguyễn Đức	Thắng	21/09/1998	Nam	Hà Nam	2.78	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1058	1624010938	Bùi Thị	Thảo	11/10/1998	Nữ	Thái Bình	3.03	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1059	1624010929	Phạm Thị	Thoa	03/11/1998	Nữ	Hà Nam	3.11	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1060	1624010701	Nguyễn Thị	Thoan	28/12/1998	Nữ	Thái Bình	2.53	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1061	1624010559	Trần Anh	Thư	07/07/1998	Nữ	Hà Nội	2.59	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1062	1624010438	Nguyễn Thị Yên	Thư	26/12/1998	Nữ	Hà Nội	3.41	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1063	1624010433	Đào Thị	Thương	01/01/1998	Nữ	Thái Bình	2.59	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1064	1624010459	Nguyễn Thị	Thúy	15/07/1998	Nữ	Hà Nội	3.19	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1065	1624010647	Lê Thị Thanh	Thúy	13/10/1998	Nữ	Bắc Ninh	2.80	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1066	1624010365	Lê Thị	Thúy	18/10/1998	Nữ	Thanh Hóa	3.47	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1067	1624010330	Phạm Thị Thu	Trà	10/08/1998	Nữ	Nghe An	3.35	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1068	1624010575	Lê Thị Thu	Trà	19/03/1998	Nữ	Hà Nội	2.77	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1069	1624010535	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/07/1998	Nữ	Hà Nam	2.81	Khả	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2

Handwritten signature

1070	1624010460	Nguyễn Thị Kiều	Trang	01/10/1998	Nữ	Thái Nguyên	2.88	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1071	1624010346	Trương Thị	Trang	28/10/1998	Nữ	Nam Định	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1072	1624010452	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/06/1998	Nữ	Quảng Ninh	2.80	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1073	1624010413	Nguyễn Thị	Trang	07/03/1998	Nữ	Hà Nội	3.01	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1074	1624010557	Phạm Thị Huyền	Trang	25/10/1998	Nữ	Ninh Bình	3.44	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1075	1624010475	Lê Thị	Trang	16/10/1998	Nữ	Hà Nội	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1076	1624010847	Trần Thu	Trang	14/02/1998	Nữ	Thái Bình	2.98	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1077	1624010514	Đặng Thùy	Trang	19/07/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.80	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1078	1624010337	Phạm Thị Kiều	Trang	26/09/1998	Nữ	Nam Định	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1079	1624010450	Sỹ Thị Kiều	Trình	15/06/1998	Nữ	Hà Nội	2.97	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1080	1624010561	Lương Minh	Tú	07/06/1998	Nam	Hà Nội	2.48	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1081	1624010656	Vàng Thị	Tươi	02/06/1998	Nữ	Lào Cai	2.38	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1082	1624010837	Nguyễn Văn	Vương	23/05/1998	Nam	Hà Nam	3.30	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1083	1624010401	Nguyễn Thị	Xuân	01/02/1998	Nữ	Nam Định	2.68	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1084	1624010518	Trần Thị Hoàng	Yến	26/12/1997	Nữ	Thái Nguyên	2.55	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1085	1624010577	Phạm Thị	Yến	09/12/1998	Nữ	Nam Định	2.47	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2

1086	1624010451	Phạm Thị	Yến	21/01/1998	Nữ	Hải Dương	2.73	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCMOKT61_2
1087	1624010986	Tăng Thị Ngọc	Bích	10/12/1998	Nữ	Hải Dương	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCMOKT61C
1088	1624010387	Nguyễn Thị Hoài	Thu	03/05/1998	Nữ	Nam Định	2.73	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCMOKT61D
1089	1521040145	Lê Xuân	An	26/06/1997	Nam	Nghe An	2.50	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1090	1521040156	Lê Việt	Anh	04/09/1997	Nam	Hà Giang	2.52	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1091	1521040071	Trịnh Quốc	Chiến	03/10/1997	Nam	Lào Cai	2.74	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1092	1521040006	Trần Duy	Duân	16/08/1996	Nam	Hưng Yên	2.63	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1093	1521040053	Nguyễn Cảnh	Duy	29/09/1997	Nam	Hải Dương	2.53	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1094	1521040061	Nguyễn Văn	Hiên	23/10/1997	Nam	Hưng Yên	2.50	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1095	1521049001	Nguyễn Văn	Hòa	29/03/1996	Nam	Lào Cai	2.79	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1096	1521040161	Đỗ Danh	Hoàng	10/01/1997	Nam	Bắc Ninh	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1097	1521040098	Trần Trung	Kiên	05/07/1997	Nam	Quảng Ninh	2.53	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1098	1521040045	Vũ Thị Thu	Lan	12/09/1997	Nữ	Thái Bình	2.67	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1099	1521040009	Nguyễn Văn	Lợi	08/11/1997	Nam	Nam Định	2.69	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1100	1521040261	Trần Hữu	Lực	12/08/1997	Nam	Nghe An	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1101	1521040096	Nguyễn Tiến	Mạnh	09/09/1997	Nam	Hưng Yên	2.59	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1

Handwritten signature

1102	1521040134	Vũ Văn	Mạnh	20/02/1997	Nam	Lào Cai	2.62	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1103	1521040343	Đinh Dũng	Minh	01/12/1997	Nam	Ninh Bình	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1104	1521040346	Dương Minh	Phượng	24/03/1997	Nam	Khánh Hòa	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1105	1521040036	Nguyễn Đức	Thắng	28/11/1996	Nam	Ninh Bình	2.50	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1106	1521040041	Đào Văn	Thành	12/08/1996	Nam	Hải Dương	2.69	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1107	1521040105	Nguyễn Quang	Thiện	09/08/1996	Nam	Lào Cai	2.76	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1108	1521040165	Đỗ Văn	Thiện	30/06/1997	Nam	Thái Bình	2.60	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1109	1521040310	Phan Văn	Thiện	19/11/1997	Nam	Nam Định	2.90	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1110	1521040175	Bùi Duy	Tỉnh	19/11/1996	Nam	Nghệ An	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1111	1521040056	Lưu Quang	Trung	29/11/1997	Nam	Thanh Hóa	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1112	1521040162	Nguyễn Đức	Tuấn	21/06/1997	Nam	Quảng Nam	2.82	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1113	1521040032	Lê Quốc	Việt	10/09/1997	Nam	Nghệ An	2.63	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
1114	1521011028	Nguyễn Đoàn Phương	Anh	03/09/1997	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	2.77	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1VT
1115	1521011109	Trần Duy	Bình	21/11/1997	Nam	Sóc Trăng	2.75	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1VT
1116	1521011042	Mai Thế	Đồng	20/03/1996	Nam	Gia Lai	2.82	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1VT
1117	1521011146	Ngô Vũ	Hòa	19/04/1997	Nam	Khánh Hòa	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1VT

Handwritten signature

1118	1521011034	Trần Văn	Hung	06/09/1997	Nam	Đắk Lắk	2.93	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1VT
1119	1521011265	Lê Thị Khánh	Linh	13/07/1997	Nữ	Bà Rịa Vũng Tàu	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1VT
1120	1521011169	Trần Nguyễn Ngọc	Luân	28/06/1997	Nam	Bình Định	2.51	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1VT
1121	1521011043	Trần Cao	Nguyễn	02/11/1995	Nam	Gia Lai	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1VT
1122	1521011196	Nguyễn Gia	Phúc	20/09/1997	Nam	Bình Thuận	2.72	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1VT
1123	1521011205	Vũ Hồng	Son	12/06/1997	Nam	Hà Giang	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1VT
1124	1521011087	Trần Quốc	Việt	18/08/1997	Nam	TP.Hồ Chí Minh	2.70	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1VT
1125	1521011253	Hồ Sỹ	Vượng	13/02/1997	Nam	Nghệ An	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1VT
1126	1521040197	Ngô Đình	Ban	06/12/1993	Nam	Hà Nội	3.27	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1127	1521040019	Trần Minh	Chiến	21/06/1997	Nam	Thái Bình	2.78	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1128	1521040153	Trịnh Tiến	Cường	21/04/1995	Nam	Quảng Ninh	3.01	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1129	1521041002	Nguyễn Văn	Cường	07/02/1997	Nam	Tuyên Quang	2.69	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1130	1521040097	Nguyễn Mạnh	Cường	15/08/1996	Nam	Quảng Ninh	2.52	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1131	1521040065	Phạm Văn	Cường	13/02/1997	Nam	Thái Bình	2.86	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1132	1521040211	Mai Văn	Đại	01/03/1996	Nam	Nam Định	2.68	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1133	1521040127	Phạm Hữu	Dang	30/08/1997	Nam	Thái Bình	2.78	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2

Handwritten signature

1134	1521040119	Nguyễn Hữu	Đông	26/12/1997	Nam	Nghệ An	2.85	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1135	1521040133	Đình Công	Duy	25/05/1997	Nam	Thái Bình	2.76	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1136	1521040079	Trần Minh	Hân	13/02/1997	Nam	Thái Bình	2.98	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1137	1521040237	Ngô Xuân	Hiệp	31/08/1997	Nam	Nam Định	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1138	1521040125	Nguyễn Văn	Hiệp	20/02/1997	Nam	Quảng Ninh	2.70	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1139	1521040241	Đào Văn	Hoan	25/05/1997	Nam	Nam Định	2.55	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1140	1521040176	Bùi Thế	Huy	28/09/1997	Nam	Hải Dương	2.67	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1141	1521040256	Nguyễn Văn	Khánh	19/03/1997	Nam	Ninh Bình	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1142	1521040043	Nguyễn Đức	Kiên	18/11/1997	Nam	Hải Dương	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1143	1521040060	Trần Đăng	Phong	07/11/1997	Nam	Hung Yên	2.96	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1144	1521040051	Đỗ Đình	Sảng	13/01/1996	Nam	Bắc Giang	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1145	1521040075	Nguyễn Văn	Son	08/03/1997	Nam	Hải Dương	2.66	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1146	1521040152	Lương Duy	Tân	28/01/1997	Nam	Quảng Ninh	3.20	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1147	1521040150	Nguyễn Minh	Thành	27/09/1997	Nam	Quảng Ninh	2.68	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1148	1521040311	Vũ Đình	Thiện	06/01/1997	Nam	Hung Yên	3.06	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2
1149	1521040083	Vũ Xuân	Tùng	28/09/1997	Nam	Thái Bình	2.69	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_2

Handwritten signature

1150	1521040100	Trần Minh	Tùng	05/01/1997	Nam	Thái Nguyên	2.60	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác mô	DCMOKT60_2
1151	1521040016	Trần Hoàng	Việt	28/02/1997	Nam	Quảng Ninh	2.52	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác mô	DCMOKT60_2
1152	1521040185	Trần Quang	Vinh	01/09/1997	Nam	Thái Bình	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Mô	Khai thác mô	DCMOKT60_2
1153	1521040168	Phạm Hoàng	Vinh	27/02/1995	Nam	Quảng Ninh	3.07	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác mô	DCMOKT60_2
1154	1521040131	Phạm Đức	Diệp	28/08/1997	Nam	Nam Định	2.61	Khá	Kỹ thuật Mô	Khai thác mô	DCMOKT60A
1155	1521040120	Lương Thị Lan	Anh	01/01/1997	Nữ	Lào Cai	2.73	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1156	1521040179	Nguyễn Hải	Bằng	12/10/1997	Nam	Lào Cai	2.78	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1157	1521040072	Nguyễn Hữu	Chiến	16/05/1997	Nam	Lào Cai	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1158	1521040126	Tổng Văn	Cường	12/02/1997	Nam	Hà Nội	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1159	1521040228	Phạm Tiến	Duyệt	21/10/1997	Nam	Thái Bình	2.91	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1160	1521040001	Bùi Thị Thu	Hà	28/08/1997	Nữ	Hà Nội	3.00	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1161	1521040240	Lý Như	Hoa	13/11/1996	Nữ	Lào Cai	3.14	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1162	1521040254	Nguyễn Xuân	Khải	06/12/1997	Nam	Thái Bình	2.79	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1163	1521040004	Nguyễn Duy	Long	22/02/1997	Nam	Lào Cai	2.58	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1164	1521040345	Triệu Thị	Minh	01/01/1997	Nữ	Hà Nội	2.82	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1165	1521040286	Hoàng Thị Bích	Phượng	18/09/1997	Nữ	Lào Cai	2.65	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1

28/10

1166	1521040046	Như Ngọc	Quý	30/05/1994	Nam	Lào Cai	2.68	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1167	1521040291	Đỗ Minh	Sáng	04/04/1996	Nam	Thái Bình	2.71	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1168	1521040031	Nguyễn Quang	Thành	25/10/1997	Nam	Lào Cai	2.60	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1169	1521040024	Nguyễn Thủy	Trang	22/04/1997	Nữ	Lào Cai	2.96	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1170	1521040081	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/09/1997	Nữ	Lào Cai	2.62	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1171	1521040319	Đặng Quang	Trung	01/09/1997	Nam	Lào Cai	3.25	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1172	1521040172	Nguyễn Thị Hải	Yến	28/04/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	2.71	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_1
1173	1521040055	Nguyễn Văn	Diệp	11/06/1995	Nam	Hải Dương	2.73	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_2
1174	1521040146	Phan Thị Thùy	Dương	14/08/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.74	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_2
1175	1521040184	Nguyễn Ngọc	Hải	05/01/1997	Nam	Nam Định	2.64	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_2
1176	1521040253	Hoàng Thu	Huyền	16/11/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.72	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_2
1177	1521040038	Nguyễn Thị	Huyền	25/11/1997	Nữ	Thái Bình	2.94	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_2
1178	1521040020	Nguyễn Thị	Liễu	24/07/1997	Nữ	Thái Bình	2.90	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_2
1179	1521040070	Trần Khánh	Lý	11/09/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.52	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_2
1180	1521040177	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/07/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.63	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_2
1181	1521040122	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	31/03/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.92	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_2

Handwritten signature

1182	1521040292	Bùi Hoàng	Son	05/04/1997	Nam	Quảng Ninh	2.93	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_2
1183	1521040124	Lê Hoài	Thu	07/03/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.92	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK60_2
1184	1521040135	Vì Văn	Chúc	23/06/1997	Nam	Lào Cai	2.74	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển -Luyện quặng kim loại	DCMOTL60_1
1185	1521040057	Nguyễn Trọng	Dạt	11/09/1997	Nam	Nam Định	2.59	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển -Luyện quặng kim loại	DCMOTL60_1
1186	1521040028	Trương Lập	Đông	17/11/1996	Nam	Quảng Ninh	2.85	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển -Luyện quặng kim loại	DCMOTL60_1
1187	1521040154	Nguyễn Trung	Huy	22/10/1997	Nam	Lào Cai	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển -Luyện quặng kim loại	DCMOTL60_1
1188	1521040276	Phạm Thị Hồng	Nhung	06/06/1997	Nữ	Thái Bình	2.84	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển -Luyện quặng kim loại	DCMOTL60_1
1189	1521040301	Trần Văn	Thái	21/02/1997	Nam	Quảng Ninh	2.54	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển -Luyện quặng kim loại	DCMOTL60_1
1190	1521080077	Ngô Thị Kim	Anh	21/01/1997	Nữ	Nghệ An	3.29	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1191	1521080095	Trịnh Ngọc Như	Ánh	16/08/1997	Nữ	Phú Thọ	3.72	Xuất sắc	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1192	1521080102	Vũ Minh	Châu	01/04/1997	Nam	Hà Nội	2.63	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1193	1521080111	Phạm Thị	Đào	16/01/1997	Nữ	Hà Nội	2.66	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1194	1521080007	Đặng Phương	Đông	13/10/1997	Nam	Hà Nội	2.60	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1195	1521080122	Nguyễn Văn	Dương	23/01/1997	Nam	Hà Nội	2.95	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1196	1521080134	Nguyễn Thị	Hằng	23/03/1997	Nữ	Hải Phòng	2.72	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1197	1521080343	Bùi Thị Thu	Hiền	13/03/1997	Nữ	Thái Bình	3.16	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1

18/8

1198	1521080144	Nguyễn Thế	Hiệp	20/08/1997	Nam	Bắc Kạn	3.06	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1199	1521080015	Trần Đức	Hiếu	15/06/1997	Nam	Hà Nội	2.70	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1200	1521080043	Đỗ Thị	Hương	08/03/1997	Nữ	Thanh Hóa	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1201	1521080348	Phạm Thị	Huyền	28/11/1997	Nữ	Quảng Bình	3.12	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1202	1521080036	Nguyễn Văn	Nam	16/08/1997	Nam	Thanh Hóa	3.07	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1203	1521080209	Nguyễn Hoài	Nam	24/11/1997	Nam	Hà Nội	2.61	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1204	1521080356	Nguyễn Thị Thanh	Nga	12/06/1997	Nữ	Hà Tĩnh	2.84	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1205	1521080066	Nguyễn Thị Thúy	Nga	06/01/1997	Nữ	Nam Định	2.85	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1206	1521080317	Vũ Thị Kim	Phượng	05/08/1996	Nữ	Thái Bình	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1207	1521080237	Đặng Thị	Tâm	30/05/1997	Nữ	Hưng Yên	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1208	1521080070	Hoàng Phương	Thảo	08/09/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.72	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1209	1521080324	Lê Thị Thùy	Trang	31/12/1997	Nữ	Thái Bình	3.20	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1210	1521080011	Phạm Thị Việt	Trình	14/11/1997	Nữ	Thái Bình	2.90	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1211	1521080292	Phạm Thị Hải	Yến	21/06/1997	Nữ	Hải Dương	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1212	1521080330	Nguyễn Thị	Yến	03/10/1996	Nữ	Vĩnh Phúc	2.79	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_1
1213	1521080123	Phạm Văn	Dương	18/10/1996	Nam	Hải Phòng	2.92	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2

1214	1521080342	Nguyễn Thị Mỹ	Hàng	22/08/1997	Nữ	Lào Cai	2.89	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1215	1521080147	Hoàng Văn	Hiếu	19/02/1997	Nam	Hà Nội	2.95	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1216	1521080346	Trần Thị	Hương	25/06/1997	Nữ	Nam Định	2.92	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1217	1521080067	Đỗ Bảo	Khánh	02/09/1997	Nam	Hà Nội	2.60	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1218	1521080180	Lê Trung	Kiên	18/11/1997	Nam	Quảng Ninh	2.57	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1219	1521080065	Đỗ Thị	Là	28/12/1997	Nữ	Bắc Ninh	2.61	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1220	1521080311	Hoàng Ngọc	Lan	15/11/1997	Nữ	Quảng Ninh	3.29	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1221	1521080354	Nguyễn Thị	Mận	16/06/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.74	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1222	1521080203	Phùng Quang	Minh	27/06/1997	Nam	Hưng Yên	2.57	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1223	1521080204	Phạm Thị	Nà	27/11/1997	Nữ	Nam Định	2.92	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1224	1521080037	Lê Anh	Phuong	19/01/1997	Nam	Quảng Ninh	2.76	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1225	1521080021	Nguyễn Minh	Quân	02/03/1997	Nam	Hà Nội	2.50	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1226	1521080249	Chu Thị	Thảo	16/09/1997	Nữ	Bắc Giang	2.72	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1227	1521080259	Trần Thị	Thương	24/10/1997	Nữ	Hải Dương	2.93	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1228	1521080014	Nguyễn Mạnh	Tiến	27/08/1995	Nam	Lào Cai	2.86	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1229	1521080075	Bùi Minh	Trang	29/07/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.73	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2

1230	1521080034	Nguyễn Đăng	Trung	12/11/1997	Nam	Thái Bình	2.51	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
1231	1521080076	Nguyễn Đức	Thắng	16/08/1997	Nam	Quảng Ninh	2.86	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60A
1232	1521080050	Nguyễn Thế	Dũng	22/03/1997	Nam	LB Nga	3.27	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_1
1233	1521080047	Nguyễn Hồng	Hạnh	07/07/1997	Nữ	Hà Nội	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_1
1234	1521080008	Nguyễn Minh	Hiếu	14/10/1997	Nam	Hà Nội	2.77	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_1
1235	1521080005	Chu Minh	Hiếu	05/07/1997	Nam	Thái Bình	2.87	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_1
1236	1521080020	Vũ Thanh	Hùng	03/07/1995	Nam	Thái Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_1
1237	1521080041	Phạm Đình	Mạnh	31/12/1997	Nam	Hà Nội	2.96	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_1
1238	1521080206	Đỗ Phương	Nam	09/11/1997	Nam	Quảng Ninh	2.54	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_1
1239	1521080054	Bùi Xuân	Quỳnh	10/06/1994	Nam	Hòa Bình	3.05	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_1
1240	1521080265	Bùi Công	Tiến	26/10/1997	Nam	Nghệ An	2.64	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_1
1241	1521080028	Phạm Thị Ngọc	Trang	11/03/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.71	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_1
1242	1521080078	Nguyễn Thị	Trình	01/08/1997	Nữ	Hà Tây	3.00	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_1
1243	1521080365	Phạm Thanh	Tùng	04/02/1997	Nam	Hà Giang	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_1
1244	1521080038	Trần Nguyễn Mai	Anh	06/02/1997	Nữ	Bắc Ninh	2.71	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_2
1245	1521080087	Hà Tú	Anh	09/02/1996	Nam	Hà Nội	2.59	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_2

Handwritten signature

1246	1521080068	Trương Thị Phương	Hoa	19/12/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.60	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_2
1247	1521080153	Mai Xuân	Hòa	19/05/1997	Nam	Thái Bình	2.57	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_2
1248	1521080064	Nguyễn Thị Thu	Hương	07/01/1996	Nữ	Thái Bình	3.16	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_2
1249	1521080072	Hoàng Bảo	Ngọc	25/10/1997	Nữ	Phú Thọ	3.13	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_2
1250	1521080217	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	28/07/1997	Nữ	Thái Bình	2.65	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_2
1251	1521080253	Nguyễn Thu	Thảo	05/06/1997	Nữ	Lào Cai	2.82	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_2
1252	1521080039	Trần Cao Hà	Trang	16/07/1997	Nữ	Hải Phòng	2.56	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_2
1253	1521039001	Đàm Quang	Trung	21/10/1996	Nam	Cao Bằng	2.59	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_2
1254	1521080002	Nguyễn Khắc	Trung	04/02/1997	Nam	Thanh Hóa	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_2
1255	1521080278	Nguyễn Anh	Tuấn	02/11/1997	Nam	Lào Cai	2.54	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_2
1256	1521080283	Vũ Thanh	Tùng	20/07/1996	Nam	Hà Nội	2.78	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_2
1257	1521030065	Phạm Phương	Anh	14/12/1997	Nữ	Hà Nội	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Bản đồ	DCTBDD60_2
1258	1521030082	Nguyễn Trung	Bắc	30/10/1997	Nam	Nam Định	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Bản đồ	DCTBDD60_2
1259	1521030470	Nguyễn Đình	Đức	25/10/1997	Nam	Hải Phòng	3.36	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Bản đồ	DCTBDD60_2
1260	1521030205	Đặng Trung	Dương	14/02/1997	Nam	Nam Định	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Bản đồ	DCTBDD60_2
1261	1521030035	Nguyễn Gia	Long	21/04/1997	Nam	Thái Bình	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Bản đồ	DCTBDD60_2

1262	1521030261	Nguyễn Bá	Long	16/05/1997	Nam	Thanh Hóa	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD60_2
1263	1521030025	Hoàng Đức	Lý	03/09/1997	Nam	Hà Nội	2.56	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD60_2
1264	1521030369	Bùi Hạnh Thảo	Phuong	23/10/1996	Nữ	Hà Nội	3.53	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD60_2
1265	1521030312	Nguyễn Đức	Thành	19/11/1997	Nam	Thanh Hóa	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD60_2
1266	1521030012	Trịnh Quốc	Trung	16/12/1996	Nam	Nam Định	3.00	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD60_2
1267	1521030338	Nguyễn Xuân	Trường	28/07/1996	Nam	Hà Nội	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD60_2
1268	1521030080	Đào Duy	Trường	09/02/1997	Nam	Hưng Yên	2.79	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD60_2
1269	1521030030	Phạm Thanh	Tùng	31/05/1995	Nam	Nam Định	2.76	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD60_2
1270	1521030346	Phạm Văn	Việt	16/01/1997	Nam	Thái Bình	3.55	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD60_2
1271	1521030001	Phùng Thị	Yến	09/07/1997	Nữ	Hà Nội	3.32	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD60_2
1272	1521030009	Phạm Minh	Đức	13/08/1997	Nam	Nam Định	2.74	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60
1273	1521030114	Phạm Xuân	An	17/06/1997	Nam	Thái Bình	3.04	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_1
1274	1521030219	Mai Công	Hiệp	22/05/1997	Nam	Hà Tây	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_1
1275	1521030093	Đinh Tiến	Mạnh	16/09/1996	Nam	Hà Nội	2.64	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_1
1276	1521030028	Lê Quang	Oai	22/04/1997	Nam	Thanh Hóa	2.69	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_1
1277	1521030068	Đỗ Hữu	Quân	27/12/1997	Nam	Hà Nội	2.82	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_1

W

1278	1521030313	Phan Thị Phương	Thảo	06/06/1996	Nữ	Son La	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_1
1279	1521030332	Nguyễn Bảo	Trung	09/05/1997	Nam	Son La	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_1
1280	1521030336	Lại Đức	Trường	24/05/1997	Nam	Hà Nội	3.31	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_1
1281	1521030016	Đào Thị	Ánh	27/01/1997	Nữ	Hà Nội	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
1282	1521030108	Nguyễn Trung	Đức	23/04/1995	Nam	Nghệ An	3.09	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
1283	1521030024	Trần Công	Hậu	10/04/1997	Nam	Hải Duong	3.08	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
1284	1521030096	Đặng Thị Hồng	Ngát	16/11/1997	Nữ	Thái Bình	2.90	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
1285	1521030280	Trần Thị Thúy	Nhi	28/06/1997	Nữ	Nghệ An	2.89	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
1286	1521030286	Nguyễn Thị Nhã	Phương	24/10/1997	Nữ	Hà Nội	3.08	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
1287	1521030287	Nguyễn Thị	Phương	07/02/1997	Nữ	Thái Bình	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
1288	1521030097	Lý Thị	Phương	16/10/1997	Nữ	Yên Bái	3.34	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
1289	1521030289	Nguyễn Hồng	Phượng	20/02/1997	Nữ	Hà Nội	3.06	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
1290	1521030319	Phạm Hồng	Thu	26/08/1997	Nữ	Thái Bình	2.83	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
1291	1521030328	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	12/03/1997	Nữ	Hà Tĩnh	3.45	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
1292	1521030342	Phùng Ngọc	Tuân	30/05/1997	Nam	Quảng Ninh	2.64	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
1293	1621030283	Lê Thị Lan	Anh	06/02/1998	Nữ	Hà Nội	2.73	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDD61A

1294	1621030225	Đỗ Việt	Anh	10/05/1998	Nam	Hà Nội	2.93	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61A
1295	1621030156	Trần Thị Ngọc	Ánh	10/11/1997	Nữ	Lào Cai	3.09	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61A
1296	1621030231	Nguyễn Thị	Trâm	11/08/1998	Nữ	Hà Nội	3.41	Giỏi	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61A
1297	1621030127	Phạm Thu	Trang	15/09/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.92	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61A
1298	1621030206	Phạm Thị Thùy	Dương	22/04/1998	Nữ	Quảng Trị	3.54	Giỏi	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61B
1299	1621030281	Nguyễn Thùy	Dương	21/05/1998	Nữ	Thái Bình	2.94	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61B
1300	1621030199	Lương Mỹ	Duyên	02/09/1998	Nữ	Thái Bình	2.95	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61B
1301	1621030178	Đinh Đức	Hiệp	14/10/1998	Nam	Hà Nội	2.91	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61B
1302	1621030728	Hoàng Quang	Huy	22/11/1998	Nam	Hà Nội	2.58	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61B
1303	1621030131	Trần Thị	Linh	22/11/1998	Nữ	Hà Nội	2.84	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61B
1304	1621030164	Vũ Mỹ	Linh	20/06/1998	Nữ	Hà Nội	3.23	Giỏi	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61B
1305	1621030190	Phạm Văn	Quang	03/03/1998	Nam	Hải Dương	3.19	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61B
1306	1621030266	Trần Quang	Thắng	23/04/1998	Nam	Hà Nam	2.86	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61B
1307	1621030214	Lê Ngọc	Tú	28/06/1998	Nam	Hà Nội	2.83	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61B
1308	1521030067	Nguyễn Thanh	Hải	04/11/1997	Nam	Thanh Hóa	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDITD_60_2
1309	1521030017	Lê Văn	Huy	25/04/1997	Nam	Bắc Ninh	2.85	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDITD_60_2

22/8/20

1310	1521030085	Nguyễn Văn	Huy	09/10/1997	Nam	Vinh Phúc	3.35	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_2
1311	1521030244	Nguyễn Quang	Khải	21/09/1997	Nam	Thái Bình	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_2
1312	1521030098	Phạm Văn	Vỹ	02/02/1996	Nam	Hải Phòng	2.90	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_2
1313	1521030011	Nguyễn Văn	Doanh	01/08/1997	Nam	Hải Dương	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_3
1314	1521030356	Tạ Thùy	Dương	30/09/1997	Nữ	Bắc Giang	3.18	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_3
1315	1521030355	Ngô Khánh	Dương	02/09/1997	Nữ	Nam Định	3.10	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_3
1316	1521030003	Bùi Ngọc	Bảo	20/08/1996	Nam	Nam Định	2.57	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô-Công trình	DCTDTM60_1
1317	1521030076	Nguyễn Mạnh	Lực	07/02/1997	Nam	Nam Định	2.66	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô-Công trình	DCTDTM60_1
1318	1521030049	Võ Hoài	Nam	07/01/1997	Nam	Nghệ An	2.53	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô-Công trình	DCTDTM60_1
1319	1521030236	Đoàn Ngọc	Huy	03/07/1997	Nam	Hung Yên	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô-Công trình	DCTDTM60_2
1320	1521030101	Hoàng Văn	Huy	15/12/1997	Nam	Nghệ An	2.99	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô-Công trình	DCTDTM60_2
1321	1521030298	Bùi Ngọc	Quỳnh	20/07/1997	Nam	Thái Bình	2.95	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô-Công trình	DCTDTM60_2
1322	1521070167	Lê Xuân Tuấn	Anh	30/08/1997	Nam	Hung Yên	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1323	1521070071	Nguyễn Thị Hồng	Châu	12/12/1997	Nữ	Thái Bình	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1324	1521070201	Nguyễn Kiên	Cường	16/10/1997	Nam	Hà Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1325	1521070203	Trịnh Đức	Cường	08/05/1997	Nam	Thái Bình	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2

100

1326	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/1997	Nam	Lào Cai	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1327	1521070207	Bùi Tuấn	Đạt	19/07/1997	Nam	Nam Định	2.60	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1328	1521070210	Trần Tiến	Đạt	21/09/1997	Nam	Nghệ An	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1329	1521070217	Lê Đình	Đức	15/09/1997	Nam	Hà Tĩnh	2.55	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1330	1521070435	Phí Mạnh	Dũng	15/09/1997	Nam	Thái Bình	2.71	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1331	1521070093	Đào Văn	Dũng	26/04/1996	Nam	Hà Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1332	1521070230	Vũ Văn	Dũng	01/10/1997	Nam	Hung Yên	2.61	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1333	1521070100	Đàm Xuân	Hiếu	13/08/1997	Nam	Quảng Ninh	2.55	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1334	1521070260	Nguyễn Việt	Hoàng	04/05/1997	Nam	Hà Tĩnh	2.68	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1335	1521070058	Nguyễn Văn	Hùng	10/01/1997	Nam	Hà Nội	2.52	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1336	1521070272	Trịnh Minh	Hùng	18/08/1997	Nam	Thái Bình	2.66	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1337	1521070155	Nguyễn Quang	Huy	06/10/1997	Nam	Ninh Bình	2.66	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1338	1521070286	Vũ Văn	Khánh	25/04/1997	Nam	Quảng Ninh	2.69	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1339	1521070293	Nguyễn Văn	Kiên	31/10/1997	Nam	Nam Định	2.63	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1340	1521070148	Nguyễn Ngọc	Kiên	22/09/1997	Nam	Hà Nội	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1341	1521070041	Vũ Văn	Kiệt	04/12/1997	Nam	Hung Yên	2.61	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2

1342	1521070030	Tô Tùng	Linh	23/02/1997	Nam	Quảng Ninh	2.58	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1343	1521070297	Vũ Thị	Loan	12/11/1997	Nữ	Thái Bình	2.99	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1344	1521070001	Nguyễn Hữu	Long	23/09/1997	Nam	Thái Nguyên	2.76	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1345	1521070077	Phạm Văn	Minh	10/01/1996	Nam	Hà Nội	2.68	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1346	1521070307	Nguyễn Lê Trà	Mỹ	26/02/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.85	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1347	1521070317	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	07/08/1997	Nam	Hà Nội	2.68	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1348	1521070318	Vũ Hoàng	Nghĩa	18/09/1997	Nam	Nam Định	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1349	1521070079	Đỗ Đức	Phú	05/03/1997	Nam	Nam Định	2.53	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1350	1521070038	Bùi Hoàng	Phúc	22/05/1997	Nam	Phú Thọ	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1351	1521070150	Vũ Văn	Phúc	25/02/1997	Nam	Hải Dương	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1352	1521070326	Trịnh Xuân	Phúc	15/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.62	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1353	1521070114	Nguyễn Văn	Quyết	23/04/1996	Nam	Hà Nội	2.70	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1354	1521070460	Lê Nguyệt	Quỳnh	31/01/1997	Nữ	Thái Nguyên	2.71	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1355	1521070337	Bùi Xuân	Son	05/06/1997	Nam	Hà Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1356	1521070111	Bùi Hữu	Thắng	14/03/1997	Nam	Thái Bình	2.71	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1357	1521070352	Nguyễn Đức	Thắng	20/08/1997	Nam	Hà Nội	2.73	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2

Handwritten signature

1358	1521070032	Bùi Đức	Thắng	30/12/1997	Nam	Quảng Ninh	2.59	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1359	1521070131	Bùi Văn	Thanh	03/01/1996	Nam	Thanh Hóa	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1360	1521070363	Trần Huy	Thành	20/11/1997	Nam	Hà Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1361	1521070365	Hoàng Văn	Thế	30/05/1997	Nam	Hà Nội	2.54	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1362	1521070371	Phan Quang	Thuận	16/12/1996	Nam	Hà Nội	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1363	1521070122	Nguyễn Hữu	Toàn	30/08/1997	Nam	Thái Bình	2.54	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1364	1521070379	Phạm Bá	Trong	01/09/1995	Nam	Thanh Hóa	2.66	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1365	1521070380	Đỗ Bảo	Trung	22/11/1997	Nam	Nam Định	3.38	Giỏi	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1366	1521070385	Ví Hồng	Trường	18/09/1997	Nam	Thái Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1367	1521070466	Trần Ngọc	Tú	15/02/1997	Nam	Nam Định	2.65	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1368	1521070084	Phạm Thành	Tuân	16/09/1997	Nam	Thái Bình	2.74	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1369	1521070391	Đặng Danh	Tuân	10/08/1997	Nam	Bắc Ninh	2.86	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1370	1521070394	Lê Đăng	Tuân	27/10/1996	Nam	Bình Phước	2.66	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1371	1521070403	Phạm Văn	Tuấn	22/10/1996	Nam	Ninh Binh	3.01	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1372	1521070049	Nguyễn Xuân	Tùng	06/12/1997	Nam	Tuyên Quang	2.50	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1373	1521070415	Nguyễn Cảnh	Vinh	28/03/1997	Nam	Nghệ An	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2

Handwritten signature

1374	1521070421	Bùi Công	Vương	26/10/1997	Nam	Nghe An	2.88	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC60_2
1375	1521070121	Lê Duy	Bình	06/05/1997	Nam	Hà Giang	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDH760_1
1376	1521070109	Nguyễn Văn	Đạt	15/07/1997	Nam	Nam Định	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDH760_1
1377	1521070232	Trần Thị Thùy	Dương	29/07/1997	Nữ	Gia Lai	3.18	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDH760_1
1378	1521070075	Phạm Bảo	Lộc	07/03/1997	Nam	Thái Bình	2.54	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDH760_1
1379	1521070319	Ngô Minh	Ngọc	10/01/1997	Nam	Bắc Ninh	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDH760_1
1380	1521070149	Nguyễn Hồng	Phong	14/02/1997	Nam	Ninh Bình	2.89	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDH760_1
1381	1521070324	Nguyễn Thị	Phú	20/05/1997	Nam	Bắc Ninh	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDH760_1
1382	1521070129	Trần Mạnh	Tiến	13/07/1994	Nam	Nam Định	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDH760_1
1383	1521070376	Vũ Văn	Tiến	05/12/1996	Nam	Hà Nội	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDH760_2
1384	1521070384	Trần Văn	Trường	29/04/1997	Nam	Nam Định	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDH760_2
1385	1521070393	Lê Công Anh	Tuấn	05/06/1997	Nam	Thái Bình	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDH760_2
1386	1521070068	Lê Trung	Tùng	02/06/1997	Nam	Hà Nội	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDH760_2
1387	1521070085	Nguyễn Xuân	Anh	01/02/1997	Nam	Vĩnh Phúc	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM60_1
1388	1521070115	Đào Văn	Chiều	15/06/1997	Nam	Thái Bình	2.67	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM60_1
1389	1521070031	Lương Huy	Du	31/07/1997	Nam	Hà Nội	2.63	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM60_1

18/8

1390	1521070063	Trần Văn	Dương	08/11/1997	Nam	Nam Định	2.58	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1
1391	1521070009	Phạm Thế	Duyệt	29/05/1997	Nam	Thái Bình	2.99	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1
1392	1521070025	Nguyễn Vũ	Hiếu	23/12/1997	Nam	Nam Định	2.72	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1
1393	1521070053	Đỗ Ngọc	Hiếu	14/07/1997	Nam	Lào Cai	2.80	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1
1394	1521070265	Nguyễn Mạnh	Hùng	08/08/1997	Nam	Nam Định	2.72	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1
1395	1521070004	Lý Văn	Hương	19/08/1997	Nam	Phú Thọ	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1
1396	1521070027	Vũ Văn	Lâm	06/10/1997	Nam	Nghệ An	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1
1397	1521070074	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21/04/1997	Nữ	Hà Nội	2.75	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1
1398	1521070300	Phạm Đức	Long	18/12/1997	Nam	Nghệ An	2.68	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1
1399	1521070091	Trần Thăng	Long	17/02/1997	Nam	Yên Bái	2.54	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1
1400	1521070304	Đỗ Văn	Minh	22/07/1997	Nam	Nam Định	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1
1401	1521070017	Phạm Hữu	Phong	27/09/1997	Nam	Hưng Yên	2.55	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1
1402	1521070036	Trần Văn	Phú	31/03/1997	Nam	Nam Định	2.65	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1
1403	1521070325	Trần Hồng	Phúc	25/02/1997	Nam	Hải Dương	2.93	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1
1404	1521070457	Bùi Thị	Phương	01/09/1997	Nữ	Nam Định	2.78	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1
1405	1521070050	Phan Thị	Phương	02/09/1997	Nữ	Nam Định	2.82	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXNDNM60_1

Handwritten signature/initials

1406	1521070043	Đỗ Thế	Triển	24/08/1997	Nam	Hà Nội	2.77	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	DCXDXNM60_1
1407	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/1997	Nam	Hà Nội	2.52	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXNM60_1
1408	1521070054	Nguyễn Ngọc	Bách	15/01/1996	Nam	Nam Định	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXNM60_1
1409	1521070097	Lê Minh	Công	22/11/1997	Nam	Quảng Ninh	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXNM60_1
1410	1521070014	Hà Ngọc	Đạt	24/08/1995	Nam	Thái Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXNM60_1
1411	1521070103	Nguyễn Trọng	Dũng	02/04/1996	Nam	Hải Dương	2.82	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXNM60_1
1412	1521070012	Hoàng Minh	Hiếu	26/07/1997	Nam	Thái Bình	2.83	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXNM60_1
1413	1521070254	Hoàng Văn	Hiệu	14/12/1997	Nam	Thanh Hóa	2.57	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXNM60_1
1414	1521070262	Nguyễn Duy	Huân	10/01/1997	Nam	Nam Định	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXNM60_1
1415	1521070119	Phạm Trung	Kiên	02/02/1996	Nam	Thái Bình	2.80	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXNM60_1
1416	1521070152	Vũ Hoàng	Mạnh	25/12/1997	Nam	Hà Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXNM60_1
1417	1521070005	Vũ Thành	Phong	08/04/1997	Nam	Hải Dương	2.18	Trung binh	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXNM60_1
1418	1521070367	Lê Văn	Thiện	02/09/1996	Nam	Ninh Bình	2.69	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXNM60_1
1419	1521070387	Mạc Văn	Tú	27/11/1997	Nam	Hải Dương	2.40	Trung binh	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXNM60_1
1420	1521070065	Đặng Thế	Tuyên	26/07/1996	Nam	Hà Nội	2.27	Trung binh	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXNM60_1
1421	1834010032	Trình Ngọc	Anh	20/02/1993	Nam	Quảng Ngãi	3.10	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6

Handwritten signature

1422	1834010001	Hồ Văn	Bài	15/01/1984	Nam	Quảng Ngãi	2.65	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1423	1834010002	Hoàng Thị Bảo	Chí	20/12/1993	Nữ	Quảng Ngãi	2.35	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1424	1834010037	Nguyễn Thị	Đến	13/12/1988	Nữ	Quảng Ngãi	3.19	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1425	1834010005	Phạm Văn	Đẹp	10/10/1990	Nam	Quảng Ngãi	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1426	1834010035	Đoàn Thị Mỹ	Dung	11/12/1982	Nữ	Quảng Ngãi	2.63	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1427	1834010036	Huỳnh Ngọc	Dương	20/01/1987	Nam	Quảng Ngãi	2.44	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1428	1834010009	Hồ Hương	Hoa	23/05/1988	Nữ	Quảng Ngãi	2.63	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1429	1834010039	Nguyễn Quang	Hoài	20/12/1977	Nam	Quảng Ngãi	3.12	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1430	1834010010	Lê Thị Mỹ	Hồng	25/10/1997	Nữ	Quảng Ngãi	2.73	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1431	1834010013	Nguyễn Thị	Hữu	18/07/1983	Nữ	Quảng Ngãi	2.93	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1432	1834010041	Võ Thị	Kiều	04/08/1985	Nữ	Quảng Ngãi	2.77	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1433	1834010043	Nguyễn Thị	Ngà	02/02/1986	Nữ	Quảng Ngãi	2.75	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1434	1834010016	Huỳnh Thị Hạnh	Nhân	03/10/1992	Nữ	Quảng Ngãi	2.92	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1435	1834010018	Nguyễn Xuân	Phương	05/09/1981	Nam	Quảng Ngãi	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1436	1834010045	Nguyễn Thị Hương	Sen	01/01/1989	Nữ	Quảng Ngãi	3.06	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1437	1834010019	Võ Thị	Sương	12/04/1989	Nữ	Quảng Ngãi	2.86	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6

1438	1834010020	Nguyễn Anh	Tài	10/03/1980	Nam	Quảng Ngãi	2.82	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1439	1834010023	Phạm Thị	Thắm	20/09/1985	Nữ	Bình Định	3.14	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1440	1834010047	Bùi Thị Kim	Thanh	03/11/1992	Nữ	Quảng Ngãi	2.70	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1441	1834010026	Nguyễn Thị Minh	Thư	25/05/1980	Nữ	Quảng Ngãi	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1442	1834010024	Nguyễn Thị Hòa	Thuận	26/09/1987	Nữ	Quê Nhơn	2.93	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1443	1834010025	Võ Thị Như	Thủy	10/09/1984	Nữ	Quảng Ngãi	3.02	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1444	1834010050	Trịnh Ngọc	Tiên	21/09/1984	Nam	Quảng Ngãi	2.70	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1445	1834010028	Lê Thị	Trâm	01/01/1981	Nữ	Dà Nẵng	2.96	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1446	1834010051	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	24/04/1986	Nữ	Quảng Ngãi	2.99	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1447	1834010027	Trần Thị Diệu	Trang	16/08/1982	Nữ	Quảng Ngãi	3.16	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1448	1834010030	Lê Thị Lệ	Trinh	10/10/1987	Nữ	Quảng Ngãi	2.46	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1449	1834010029	Bùi Thị Mai	Trinh	28/09/1988	Nữ	Quảng Ngãi	2.82	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1450	1834010054	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	23/12/1987	Nữ	Quảng Ngãi	2.97	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1451	1834010057	Trần Việt	Xuân	17/03/1977	Nam	Quảng Ngãi	3.16	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT63_6
1452	1831030001	Trần Vĩ	Dại	20/02/1994	Nam	Quảng Bình	2.99	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD63
1453	1831030003	Đới Xuân	San	21/04/1993	Nam	Nam Định	3.02	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD63

Handwritten signature

1454	1831030004	Đậu Xuân	Thảo	06/07/1995	Nam	Nghe An	3.59	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	LCTD63
1455	1831030006	Nguyễn Đức	Việt	07/10/1997	Nam	Thái Bình	3.09	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	LCTD63
1456	1421040301	Vũ Thị	Trang	13/09/1996	Nữ	Lào Cai	2.86	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1457	1524010087	Lê Thị	Trang	02/10/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.87	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
1458	1421020624	Vũ Thị Hồng	Trang	10/05/1995	Nữ	Thái Bình	3.04	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_1
1459	1421020378	Lâm Thị	Huê	07/07/1996	Nữ	Thái Nguyên	3.41	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
1460	1421080297	Cao Thị Phương	Nga	26/12/1995	Nữ	Hà Giang	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61A
1461	1621060946	Trần Tuấn	Hoàng	06/07/1998	Nam	Nam Định	3.36	Giỏi	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD61_1
1462	1621060008	Lê Đình	Nghĩa	14/08/1995	Nam	Quảng Bình	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD61_1
1463	1701044036	Nguyễn Quốc	Thái	25/10/1974	Nam	Quảng Ninh	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Tuyền khoáng	Tuyền khoáng	TCMOTK62B2CP2
1464	1741020002	Lại Hồng	Thanh	11/12/1969	Nam	Thanh Hóa	3.39	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	TCDDCC62B2HN
1465	1621060003	Nguyễn Huy	Hoàng	14/10/1995	Nam	Hà Nam	2.85	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD61D
1466	1621060927	Vũ Bá	Toàn	08/06/1996	Nam	Hải Dương	3.16	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD61_1
1467	1621060152	Đoàn Thị	Huyền	22/05/1997	Nữ	Hà Tĩnh	3.39	Giỏi	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD61_1
1468	1621060161	Nguyễn Sỹ	Tuấn	17/05/1998	Nam	Hà Tây	2.83	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD61_1
1469	1621060112	Trần Đức	Hai	30/06/1998	Nam	Hà Nội	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD61_1

Handwritten signature

1470	CTTT13210114	Bùi Trung	Đức	25/03/1995	Nam	Bắc Giang	2.74	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	TTK4
1471	CTTT13210158	Phạm Anh	Tú	14/06/1995	Nam	Hà Nội	2.83	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	TTK4
1472	CTTT14210136	Trần Ngọc	Hường	08/06/1996	Nam	Hà Nội	2.24	Trung bình	Kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	TTK5
1473	TTT1521019009	Âu Thị	Dung	10/09/1996	Nữ	Tuyên Quang	3.11	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	TTK6
1474	TTT1521090030	Phan Anh	Dũng	15/02/1997	Nam	Hà Nội	3.06	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	TTK6
1475	TTT1521090010	Phạm Thị	Huyền	03/10/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	3.13	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	TTK6
1476	TTT1521090014	Bùi Mai Phương	Thảo	01/12/1991	Nữ	Gia Lai	3.28	Giỏi	Kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	TTK6
1477	TTT1521011223	Bùi Thị Thu	Thùy	27/01/1997	Nữ	Bà Rịa - Vũng Tàu	2.95	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	TTK6
1478	TTT1521010092	Nguyễn Trung	Tiến	10/07/1997	Nam	Hà Nội	2.84	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	TTK6
1479	TTT1521090002	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	31/03/1997	Nữ	Nam Định	3.46	Giỏi	Kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	TTK6
1480	TTT1521010436	Phạm Ngọc	Son	03/06/1997	Nam	Quảng Ninh	2.74	Khá	Kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	TTK6
1481	TTT1521090011	Trần Mạnh	Duy	15/02/1997	Nam	Hà Nội	3.71	Xuất sắc	Kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	TTK6
1482	1541020001	Vũ Ngọc	Bách	12/03/1992	Nam	Hà Nam	2.86	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	TCDCDC60HN
1483	1541020006	Cao Tiến	Lợi	30/06/1989	Nam	Nghệ An	2.87	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	TCDCDC60HN
1484	1541020008	Hồ Trung	Thành	06/08/1991	Nam	Hà Tĩnh	2.91	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	TCDCDC60HN
1485	1641020002	Ngô Anh	Dũng	23/10/1992	Nam	Phú Thọ	2.65	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	TCDCDC61HN

28/8

1486	1641020001	Đào Quang	Hưng	07/09/1978	Nam	Thái Bình	3.32	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	TCDCDC61HN
1487	1641020003	Ngô Viết	Phương	09/08/1986	Nam	Vĩnh Phú	2.84	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	TCDCDC61HN
1488	1641020004	Nguyễn Văn	Thuần	15/11/1987	Nam	Thái Bình	2.78	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	TCDCDC61HN
1489	1641020006	Nguyễn Văn	Tới	16/06/1990	Nam	Thái Bình	2.80	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	TCDCDC61HN
1490	1541012001	Vũ Hùng	Anh	20/10/1993	Nam	Vũng Tàu	2.56	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	TCDDKKK60VT
1491	1541012005	Vy Tiểu	Bảo	08/03/1987	Nam	Thuận Hải	3.16	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	TCDDKKK60VT
1492	1541012006	Tào Văn	Cường	06/02/1983	Nam	Thanh Hóa	2.73	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	TCDDKKK60VT
1493	1541012008	Hàn Ngọc	Dự	13/12/1978	Nam	Hải Hưng	2.55	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	TCDDKKK60VT
1494	1541012017	Nguyễn Phi	Hùng	24/03/1984	Nam	Nghệ Tĩnh	2.59	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	TCDDKKK60VT
1495	1541012024	Đậu Hoàng	Long	14/12/1991	Nam	Hà Nội	2.95	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	TCDDKKK60VT
1496	1541012028	Vũ Văn	Nam	26/10/1994	Nam	Thái Bình	2.53	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	TCDDKKK60VT
1497	1541012035	Phạm Văn	Trung	05/09/1992	Nam	Hải Hưng	2.65	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	TCDDKKK60VT
1498	1541012036	Nguyễn Anh	Tuấn	06/07/1984	Nam	Hải Hưng	2.71	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	TCDDKKK60VT
1499	1541012011	Lương Đức	Giang	24/03/1987	Nam	Hà Sơn Bình	2.73	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	TCDDKKK60VT
1500	1541012022	Nguyễn Văn	Long	08/02/1988	Nam	Vũng Tàu	2.61	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	TCDDKKK60VT

Handwritten signature

Số: 992 a /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế “Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-MĐC ngày 28/03/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 58, 59, 60, 61, 62 trình độ đại học;
Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 25 sinh viên đại học - khóa 58, 59, 60, 61, 62 trình độ đại học các ngành đào tạo: Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Địa chất, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Tuyển khoáng, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Kế toán, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 100%

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - NĂM 2020 - (BỔ SUNG ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-MĐC ngày

tháng

năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TB TN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa học
1	1521020108	Lê Quang	Hải	08/06/1997	Nam	Hải Dương	2.61	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS60_2
2	1621060582	Nguyễn Việt	Anh	20/09/1998	Nam	Hưng Yên	2.55	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ chế tạo máy	DCCDTM61_2
3	1421060235	Lê Trọng	Tài	15/02/1996	Nam	Nam Hà	2.10	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD59_1
4	1341044035	Phạm Thanh	Tâm	05/04/1993	Nữ	Quảng Ninh	6.33	Trung bình khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	TCMOTK58CP
5	1624010137	Lê Thị	Thùy	26/02/1998	Nữ	Thanh Hóa	3.03	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD61D
6	1521030175	Trình Minh	Chiến	09/04/1997	Nam	Thái Bình	2.65	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_3
7	1521030121	Phạm Văn	Đại	29/06/1997	Nam	Thái Bình	2.57	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_3
8	1521030031	Nguyễn Tiến	Đạt	01/11/1997	Nam	Hải Dương	2.88	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_3
9	1521030192	Nguyễn Tiến	Đạt	15/12/1997	Nam	Thái Bình	2.80	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_3
10	1521030191	Lê Tiến	Đạt	04/03/1997	Nam	Hà Nội	2.76	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_3
11	1521030092	Nguyễn Văn	Hùng	20/02/1997	Nam	Nam Định	3.09	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_3
12	1521030075	Nguyễn Văn	Huy	16/08/1997	Nam	Thái Bình	2.95	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_3
13	1521030243	Nguyễn Văn	Huyền	06/01/1997	Nam	Hải Dương	2.68	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_3

428

14	1521030283	Lê Hồng	Phong	23/1/1997	Nam	Nam Định	2.96	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_3
15	1521030072	Trần Đình	Phúc	03/02/1997	Nam	Thái Bình	2.65	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_3
16	1521030007	Bùi Minh	Phương	05/01/1997	Nam	Hải Dương	2.79	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_60_3
17	1521020004L	Boualaphanh	CHANTHAVICHITH	15/12/1996	Nam	CHDCND Lào	2.65	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
18	1521020003L	Khonesavanh	INTHISONE	10/01/1993	Nam	CHDCND Lào	2.58	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
19	1521020002L	Phenglierm	SENSOUSIT	14/04/1995	Nam	CHDCND Lào	2.62	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
20	1521020001L	Souilphone	YANXANA	15/01/1997	Nam	CHDCND Lào	2.35	Trung binh	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_60_1
21	1521040002L	Khounserk	SIRISOMBATH	28/03/1992	Nam	CHDCND Lào	2.30	Trung binh	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
22	1521040001L	Banthahut	CHANTHIP	30/01/1994	Nam	CHDCND Lào	2.60	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT60_1
23	1621020800	Aekaxay	CHALERNXAY	28/08/1993	Nam	CHDCND Lào	2.36	Trung binh	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_61
24	1721040102	Phattaya	XAYSOMKHIT	12/08/1992	Nam	CHDCND Lào	2.78	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT62
25	1624010537	Phạm Thị Ngọc	Anh	03/03/1998	Nữ	Hà Nội	2.44	Trung binh	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2

Handwritten signature

Số: 1252 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế “Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-MĐC ngày 28/03/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 57, khóa 58, khóa 59, khóa 60 và cao đẳng - khóa 56;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng cho 27 sinh viên đại học - khóa 57, khóa 58, khóa 59, khóa 60 và cao đẳng - khóa 56 các ngành đào tạo: Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Kế toán, Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Dầu khí, Công nghệ thông tin và Công nghệ kỹ thuật mỏ (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - NĂM 2020 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số 432 /QĐ-MĐC ngày 30 tháng 11 năm 2020)

ST T	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TB TN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa học
1	1111040073	Hà Huy	Khánh	14/05/1993	Nam	Hà Tĩnh	6.0	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mố	CCMONM56A
2	1421050184	Nguyễn Duy	Thành	06/03/1995	Nam	Thái Binh	2.07	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCKT59_1
3	1321020456	Đỗ Mạnh	Dũng	17/10/1995	Nam	Nam Định	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-DKT	DCDCCT58_1
4	1321020087	Phạm Bá	Hải	21/08/1995	Nam	Hà Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-DKT	DCDCCT58_1
5	1521020390	Đặng Văn	Tuấn	01/08/1993	Nam	Nam Định	2.63	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-DKT	DCDCCT60_1
6	1421020025	Phạm Ngọc	Chung	20/08/1996	Nam	Thái Binh	2.54	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
7	1421020029	Hoàng Quang	Diệu	31/08/1996	Nam	Thái Binh	2.53	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
8	1421020357	Nguyễn Minh	Hiếu	26/07/1996	Nam	Hà Nội	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
9	1421020118	Phạm Công	Nguyễn	10/05/1996	Nam	Thái Binh	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
10	1421020149	Đông Thị Phương	Thảo	31/10/1996	Nữ	Thái Nguyên	2.63	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
11	1421020167	Lê Đức	Tôn	03/02/1996	Nam	Nam Định	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK59_2
12	1221020424	Lê Văn	Phúc	28/03/1994	Nam	Nam Định	2.10	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCCTV57A
13	1421020434	Lưu Quang	Linh	02/09/1996	Nam	Thanh Hóa	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCCTV59_1

Handwritten signature

14	1421020308	Nguyễn Tuấn	Đức	28/9/1996	Nam	Hung Yên	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV ~~59~~ _2
15	1521011112	Lê Minh	Chiến ✓	15/09/1996	Nam	Bình Thuận	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK ~~60~~ _1 VT
16	1324010042	Lê Thị Kim	Dung	16/09/1995	Nữ	Ninh Bình	2.76	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58G
17	1424010586	Lê Thu	Trang	11/03/1996	Nữ	Hà Nội	2.61	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_59_2
18	1624010420	Vũ Tiến	Dũng	24/11/1997	Nam	Quảng Ninh	3.25	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_61_2
19	1121040246	Nguyễn Văn	Thao	13/09/1993	Nam	Thái Bình	2.69	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT ~~56~~ D
20	1521040066	Nguyễn Vũ	Thành	18/09/1997	Nam	Quảng Ninh	2.72	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT ~~60~~ _2
21	1521040142	Đỗ Thị Huyền	Trang	02/03/1997	Nữ	Lào Cai	2.55	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOTK ~~60~~ _1
22	1521080229	Nguyễn Văn Hồng	Quang	08/02/1997	Nam	Hà Nội	2.53	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS ~~60~~ _1
23	1421030063	Trần Thanh	Hằng	21/05/1996	Nữ	Hà Nội	2.51	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC ~~59~~ _2
24	1321030992	Nguyễn Văn	Vương	08/08/1994	Nam	Thanh Hóa	2.57	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58B
25	1521070469	Nguyễn Quang	Vinh	11/03/1997	Nam	Nam Định	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT ~~60~~ _1
26	1321070030	Vũ Thị	Địu	26/06/1994	Nữ	Ninh Bình	2.62	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM ~~58~~ _1
27	1521070147	Nguyễn Văn	Bằng	06/06/1997	Nam	Nam Định	2.53	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM ~~60~~ _1

Chữ ký

Số: **56^a**/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **12** tháng **02** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 690/QĐ-MĐC ngày 25/5/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ-Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo Vừa làm vừa học trình độ đại học;

Xét kết quả học tập của sinh viên lớp Tuyển khoáng - khóa 59 hệ vừa làm vừa học;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 07 sinh viên lớp Tuyển khoáng - khóa 59 hệ vừa làm vừa học ngành đào tạo: Kỹ thuật Tuyển khoáng (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: **100%**

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 564/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 02 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa học
1	1441048012	Nguyễn Văn	Bái	10/04/1985	Nam	Nam Định	2.76	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	TCMOTK59HG
2	1441044019	Hoàng Đức	Cường	12/05/1990	Nam	Hải Dương	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	TCMOTK59CP
3	1441044021	Hoàng Văn	Dương	10/06/1991	Nam	Quảng Ninh	2.73	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	TCMOTK59CP
4	1441044023	Đặng Việt	Phuong	14/10/1989	Nam	Quảng Ninh	2.67	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	TCMOTK59CP
5	1441044025	Phạm Thị	Thom	14/06/1993	Nữ	Thái Bình	2.75	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	TCMOTK59CP
6	1441064033	Hoàng Văn	Thuật	26/06/1984	Nam	Thanh Hóa	3.07	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	TCMOTK59CP
7	1441044027	Trần Đăng	Trung	28/12/1990	Nam	Thái Bình	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	TCMOTK59CP

CS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

DANH SÁCH SV HỆ VLVH ĐÃ BVTN ĐỀ NGHỊ PHÒNG KHTC KIỂM
TRA TÌNH TRẠNG HỌC PHÍ ĐẾN 28/04/2020 ĐỂ CẤP BẰNG TỐT
NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ	Tên	Tên lớp	Khóa	Xác nhận		Ghi chú
						Hoàn thành	Chưa hoàn thành	
1	1241065024	Hoàng Tuấn	Vũ	TCCDCD57HG	57			
2	1341044035	Phạm Thanh	Tâm	TCMOTK58CP	58		X	
3	1341045014	Trương Quốc	Huy	TCMOTK58HG	58		X	
4	1341045015	Lê Quang	Huy	TCMOTK58HG	58		X	
5	1441048012	Nguyễn Văn	Bái	TCMOTK59CP	59	X		
6	1441044019	Hoàng Đức	Cường	TCMOTK59CP	59	X		Hoàn Gai
7	1441044021	Hoàng Văn	Dương	TCMOTK59CP	59	X		
8	1441044023	Đặng Việt	Phương	TCMOTK59CP	59	X		
9	1441044025	Phạm Thị	Thơm	TCMOTK59CP	59	X		
10	1441064033	Hoàng Văn	Thuật	TCMOTK59CP	59	X		
11	1441044027	Trần Đăng	Trung	TCMOTK59CP	59	X		B2 Tuyên không 61 CP

Hà Nội 28/04/2020

PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

29/4/2020

xác nhận 04 sinh viên đưa hoàn thành
học phí 3 07 sinh viên đã hoàn thành
học phí đến hết ngày 28/4/2020.

07 sinh viên đã hoàn thành học
phí đủ điều kiện cấp bằng tốt
nghệp. /.



Phạm.T.P. Chi



Phạm Tuấn Cường

Số: 55a /QĐ-MDC

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế “Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 53, khóa 57, khóa 58, khóa 59, khóa 60; Cao đẳng liên thông lên đại học - khóa 61 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 07 sinh viên đại học - khóa 53, khóa 57, khóa 58, khóa 59, khóa 60; Cao đẳng liên thông lên đại học - khóa 61 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Kỹ thuật Điện, Kỹ thuật Địa chất và Kỹ thuật Dầu khí (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2020 - ĐỢT 1

(Kèm theo Quyết định số 554 /QĐ-MĐC ngày 12 tháng 02 năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa
1	0821030189	Nguyễn Tuấn	Anh	26/04/1990	Nam	6,73	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTD TD53A
2	1631030001	Phạm Trí	An	20/8/1986	Nam	2,63	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTD TD61_1
3	1421020190	Trần Văn	Tùng	02/4/1995	Nam	2,39	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
4	1424010046	Lê Thị Thu	Hiền	18/10/1996	Nữ	3,30	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDK KK60_2
5	1421020541	Hoàng Hồng	Son	27/6/1995	Nam	2,61	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1
6	1321060068	Nguyễn Thành	Đạt	23/8/1995	Nam	2,18	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCDD DT58_1
7	1221030231	Hồ Viết Phong	Anh	23/7/1993	Nam	2,20	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTD DC57

Chữ ký

Số: 56a /QĐ-MDC

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MDC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế “Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 55 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 01 sinh viên đại học - khóa 55 hệ chính quy ngành đào tạo: Kế toán;

Sonethong BOODDAVONG, sinh ngày 16/9/1991; Nơi sinh: Lào;

Mã sinh viên: 1024010502; Điểm TBTN: 2,19; Xếp loại TN: Trung bình

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



Số: **156^a**/QĐ-MDC

Hà Nội, ngày **13** tháng **02** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MDC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế “Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 56, 57, 58, 59, 60; Cao đẳng - khóa 60, 61 và Liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 60, 61, 62 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học cho 160 sinh viên cao đẳng - khóa 60, 61; Đại học - khóa 56, 57, 58, 59, 60 và Liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 60, 61, 62 hệ chính quy ngành đào tạo: CN kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ thông tin, CN kỹ thuật địa chất, CN kỹ thuật trắc địa, Kỹ thuật Điện, Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Dầu khí, Kỹ thuật Địa vật lý, CN kỹ thuật hóa học, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Tuyển khoáng, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Quản lý đất đai, Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, DTDH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2020 - ĐỢT 1

(Kèm theo Quyết định số 156/QĐ-MĐC ngày 13 tháng 02 năm 2020)

ST T	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa
1	1511060018	Trần Đức	Cường	25/01/1997	Nam	Quảng Ninh	2.13	Trung bình	CN kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	CCCDCD60 ✓
2	1511060004	Nguyễn Việt	Đức	08/01/1997	Nam	Thái Bình	2.14	Trung bình	CN kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	CCCDCD60 ✓
3	1511060020	Hoàng Văn	Hưng	28/09/1997	Nam	Thái Bình	2.13	Trung bình	CN kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	CCCDCD60 ✓
4	1511060015	Lê Văn	Lợi	10/04/1997	Nam	Thanh Hóa	2.22	Trung bình	CN kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	CCCDCD60 ✓
5	1411050007	Lê Đình	Chi	30/08/1995	Nam	Thanh Hóa	2.00	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	CCCTCT59 ✓
6	1511020005	Nguyễn Trọng	Tòan	07/10/1997	Nam	Hải Dương	2.19	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC60 ✓
7	1614010035	Hà Thị Thúy	Hào	28/10/1998	Nữ	Thanh Hóa	2.45	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CCKTKT61 ✓
8	1614010019	Phạm Thu	Thào	16/07/1998	Nữ	Quảng Ninh	2.35	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CCKTKT61 ✓
9	1211030171	Ngô Công	Tinh	10/06/1994	Nam	Bắc Ninh	5.51	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTD57B ✓
10	1121060076	Nguyễn Xuân	Hưng	12/09/1993	Nam	Thái Bình	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT56 ✓
11	1121060154	Đỗ Quang	Trung	29/07/1993	Nam	LB Nga	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT56 ✓
12	1321060333	Nguyễn Minh	Tuấn	09/11/1995	Nam	Thanh Hóa	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT58_1 ✓
13	1221060260	Dương Quang	Hải	28/06/1994	Nam	Hà Nội	2.05	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT57 ✓

✓

14	1421060175	Bùi Anh	Minh	25/12/1996	Nam	Quảng Ninh	2.53	Khả	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
15	1421060185	Đỗ Phương	Nam	27/01/1996	Nam	Hà Nội	2.46	Trung binh	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
16	1421060612	Phạm Quang	Trưởng	28/11/1996	Nam	Nam Định	2.41	Trung binh	Kỹ thuật Điện	Hệ thống điện	DCCDHT59_1
17	1421060053	Trần Xuân	Dũng	17/07/1995	Nam	Hải Hưng	2.42	Trung binh	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mô	DCCDMT59_1
18	1421060091	Nguyễn Tuấn	Hải	03/10/1996	Nam	Quảng Ninh	2.29	Trung binh	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mô	DCCDMT59_2
19	1421060197	Bùi Hữu	Nguyễn	19/01/1996	Nam	Nghệ An	2.14	Trung binh	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mô	DCCDMT59_2
20	1421060226	Trần Thế	Sang	19/01/1995	Nam	Hà Nội	2.53	Khả	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và TB mô	DCCDMT59_2
21	1221011023	Đoàn Việt	Dũng	20/09/1994	Nam	Hà Tĩnh	2.19	Trung binh	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDHTD57VT
22	1321060133	Lâm Vũ	Hùng	14/01/1995	Nam	Nam Định	2.06	Trung binh	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDHTD58_1
23	1321060631	Lê Văn	Tiến	22/02/1994	Nam	Thanh Hóa	2.11	Trung binh	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDHTD58_1
24	1421060033	Phùng Văn	Chinh	29/11/1996	Nam	Quảng Ninh	2.95	Khả	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDHTD59_1
25	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/02/1996	Nam	Bắc Ninh	2.07	Trung binh	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDHTD59_1
26	1421020060	Bùi Trung	Hiếu	25/03/1996	Nam	Quảng Ninh	2.08	Trung binh	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDHTD59_1
27	1421060141	Nguyễn Ngọc	Hùng	24/01/1993	Nam	Hải Dương	2.23	Trung binh	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDHTD59_1
28	1421030112	Phí Ngọc	Kiểm	22/03/1995	Nam	Thái Bình	2.36	Trung binh	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDHTD59_1
29	1421060257	Nguyễn Văn	Thắng	26/07/1996	Nam	Bắc Giang	2.81	Khả	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDHTD59_1

30	1421060264	Lê Đức	Thịnh	09/05/1996	Nam	Thanh Hóa	2.12	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD59_1
31	1421030592	Phạm Duy	Trường	06/11/1995	Nam	Hải Dương	2.67	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD59_1
32	1421060308	Trương Ngọc	Tuyền	13/12/1996	Nam	Hà Nội	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD59_1
33	1421060643	Đặng Tuấn	Việt	10/09/1996	Nam	Hà Nội	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD59_1
34	1421011063	Nguyễn Kim	Dũng	02/03/1996	Nam	Hải Dương	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD59VT
35	1421011101	Bùi Đức	Hải	13/12/1996	Nam	Nam Định	2.50	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCD TD59VT
36	1321060098	Nguyễn Hoài	Hải	23/02/1995	Nam	Hà Nội	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy TD Thủy khí	DCCD TK58_1
37	1421060038	Nguyễn Văn	Công	29/01/1996	Nam	Hải Dương	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy TD Thủy khí	DCCD TK59_1
38	1421050168	Dương Xuân	Sơn	25/10/1995	Nam	Hà Nội	2.34	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học Địa chất	DCCD TC59_1
39	1421050214	Trần Thanh	Toàn	18/09/1996	Nam	Thái Bình	2.22	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học Địa chất	DCCD TC59_1
40	1321050019	Vũ Đức	Bình	14/04/1995	Nam	Thái Bình	2.08	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCD TK58_1
41	1421050092	Nguyễn Thị	Hương	12/11/1996	Nữ	Hà Nội	2.72	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCD TK59_1
42	1421050104	Lê Thị	Lê	18/04/1995	Nữ	Khánh Hòa	2.23	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCD TK59_1
43	1421050344	Trần Tiến	Đạt	31/07/1996	Nam	Hà Nội	2.19	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCD TM59_2
44	1421050129	Nguyễn Hải	Minh	04/10/1996	Nam	Vĩnh Phú	2.45	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCD TM59_2
45	1421050135	Nguyễn Thế	Nam	22/07/1996	Nam	Hà Nội	2.41	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCD TM59_2

46	1421050156	Đỗ Thị Bích	Phượng	05/07/1996	Nữ	Hà Nội	2.53	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
47	1421050163	Dương Thị Thúy	Quỳnh	17/06/1996	Nữ	Hưng Yên	2.66	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
48	1421050169	Nguyễn Ngọc	Son	07/10/1996	Nam	Hưng Yên	2.66	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
49	1421050222	Nguyễn Anh	Tú	23/06/1996	Nam	Hà Nội	2.51	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM59_2
50	1421050264	Nguyễn Tuấn	Anh	28/11/1996	Nam	Hà Nam	2.39	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học mô	DCCTMO59_1
51	1321050106	Bùi Quang	Khoa	19/12/1994	Nam	Thái Bình	2.43	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD58_1
52	1321050171	Lê Minh	Son	22/12/1995	Nam	Thanh Hóa	2.75	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD58_1
53	1321030524	Trần Nhật	Đức	24/11/1995	Nam	Hà Nội	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT58_1
54	1321020629	Phạm Tiến	Mạnh	26/04/1995	Nam	Bắc Giang	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT58_1
55	1321020644	Nguyễn Phương	Nam	10/06/1995	Nam	Hà Tây	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT58_1
56	1321020169	Nguyễn Văn	Quang	22/08/1994	Nam	Tuyên Quang	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT58_1
57	1421020248	Hoàng Văn	Chính	07/10/1996	Nam	Thanh Hóa	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT59_1
58	1421020080	Phạm Ngọc	Khai	17/12/1996	Nam	Nam Định	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT59_1
59	1421020122	Nguyễn Trọng	Phong	20/11/1996	Nam	Thanh Hóa	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT59_1
60	1421020595	Nguyễn Quốc	Thuần	14/11/1994	Nam	Nam Hà	2.11	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	DCDCCT59_1
61	1421020038	Phạm Văn	Đình	06/05/1996	Nam	Nam Định	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_1

Chữ ký

62	1421020033	Vũ Minh	Dự	25/02/1996	Nam	Thanh Hóa	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_59_4
63	1221020041	Nguyễn Phương	Diệp	02/08/1994	Nam	Hưng Yên	2.62	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57A
64	1221020045	Vũ Khắc	Đoàn	02/08/1994	Nam	Thái Bình	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK57
65	1421020466	Phùng Đức	Mạnh	28/01/1995	Nam	Hà Nội	2.64	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK59_2
66	1421010112	Hoàng Văn	Hiệp	01/04/1996	Nam	Nam Định	2.84	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCCDKV59_2
67	1321010161	Nguyễn Văn	Hoàng	12/09/1995	Nam	Hà Tĩnh	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCCDKKK58_2
68	1321010336	Trần Văn	Thắng	19/10/1995	Nam	Hải Phòng	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCCDKKK58_2
69	1321011061	Nguyễn Sung	Lâm	03/09/1995	Nam	Thái Bình	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCCDKKK58VT
70	1321011066	Nguyễn Văn	Linh	28/10/1995	Nam	Bình Phước	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCCDKKK58VT
71	1421050176	Phạm Thái	Tai	27/04/1996	Nam	Thái Bình	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCCDKKK59_1
72	1421011026	Võ Quang	Bửu	09/05/1994	Nam	Quảng Ngãi	2.60	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCCDKKK59VT
73	1421011083	Đậu Huỳnh	Đức	28/08/1996	Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCCDKKK59VT
74	1421011500	Phạm Văn	Hùng	03/10/1996	Nam	Hải Phòng	2.50	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCCDKKK59VT
75	1421011248	Đậu Xuân	Ngân	26/06/1996	Nam	Hà Tĩnh	2.52	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCCDKKK59VT
76	1421011349	Nguyễn Văn	Tiến	24/07/1996	Nam	Quảng Ngãi	3.21	Gioi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCCDKKK59VT
77	1421011402	Nguyễn Quang	Tuấn	31/01/1996	Nam	Thái Bình	2.54	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCCDKKK59VT

✓

78	1421011432	Bùi Sỹ	Xuân	28/07/1996	Nam	Thái Bình	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK59VT
79	1421010303	Ngô Thị Thom	Thảo	22/04/1996	Nữ	Bình Thuận	3.15	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59_2
80	1421011250	Trần Nhật	Ngheia	02/02/1996	Nam	Lâm Đồng	2.52	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
81	1421011290	Phạm Huy	Quỳnh	23/02/1996	Nam	Hung Yên	2.50	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
82	1421011294	Ngô Văn	Son	30/01/1996	Nam	Nghe An	2.47	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD59VT
83	1421010049	Trần Văn	Diễn	11/03/1996	Nam	Quảng Xương	2.54	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
84	1421010087	Phạm Minh	Dúc	27/07/1996	Nam	Thanh Hóa	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB59_2
85	1324010432	Bùi Đức	Cường	02/06/1995	Nam	Thái Bình	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTD58B
86	1424010169	Nguyễn Cao	Son	04/05/1996	Nam	Thái Nguyên	2.21	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTD59_3
87	1524010368	Vũ Thị	Anh	14/02/1997	Nữ	Bắc Ninh	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTKD60_3
88	1524010371	Trần Thị Ngọc	Ánh	06/10/1997	Nữ	Quảng Nam	2.60	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTKD60_3
89	1524010571	Nông Lâm Bảo	Châu	04/10/1997	Nữ	Cao Bằng	2.48	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTKD60_3
90	1421010199	Vũ Tiến	Mạnh	15/03/1995	Nam	Thái Bình	3.41	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTKD60_3
91	1524010479	Đinh Bảo	Ngọc	12/06/1997	Nam	Phú Thọ	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTKD60_3
92	1524010034	Đặng Thị	Thúy	30/08/1997	Nữ	Hà Tây	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTKD60_3
93	1524010532	Phạm Thị	Trâm	08/05/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCDKTKD60_3

✓

94	1524010071	Trần Văn	Tú	20/08/1997	Nam	Hà Nội	2.51	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	ĐCKTKD60_3
95	1524010366	Trần Thị Phương	Anh	01/11/1997	Nữ	Nam Định	2.89	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	ĐCKTKDD60_2
96	1524010105	Đỗ Thị Lan	Anh	16/01/1997	Nữ	Hà Nội	2.72	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	ĐCKTKDD60_2
97	1524010009	Trương Ngọc	Phú	12/05/1997	Nam	Nam Định	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	ĐCKTKDD60_2
98	1424010001	Dương Nhật	Anh	29/08/1996	Nam	Hà Nội	2.95	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_59_2
99	1524010204	Phạm Thị	Hồng	27/05/1997	Nữ	Quảng Ninh	2.66	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_1
100	1524010314	Nguyễn Thủy	Linh	13/07/1997	Nữ	Phú Thọ	2.59	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_1
101	1524010132	Đặng Bích	Phuong	04/06/1997	Nữ	Thái Bình	2.56	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_1
102	1524010180	Vũ Tuấn	Son	20/02/1997	Nam	Phú Thọ	2.53	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_1
103	1524010255	Nguyễn Thị	Thủy	27/01/1997	Nữ	Hà Nam	2.45	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_1
104	1524010256	Vũ Thùy	Duyên	21/12/1997	Nữ	Quảng Ninh	3.17	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_2
105	1424010049	Trịnh Thu	Hiền	17/09/1995	Nữ	Hung Yên	2.58	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	ĐCKTTC59_2
106	1524010130	Nguyễn Thị	Như	16/11/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.53	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	ĐCKTTC60_2
107	1221040048	Đỗ Trọng	Đại	12/10/1994	Nam	Ninh Bình	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
108	1221040054	Nguyễn Tiến	Đại	07/02/1994	Nam	Thái Nguyên	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
109	1421040073	Nguyễn Văn	Đô	30/09/1996	Nam	Bắc Giang	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2

110	1421011233	Phan Văn	Minh	05/03/1996	Nam	Đắk Lắk	2.74	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59VT
111	1421040423	Nguyễn Văn	Hội	16/08/1995	Nam	Nghệ An	2.85	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
112	1421040262	Nguyễn Thị Thu	Thảo	16/07/1995	Nữ	Lào Cai	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_1
113	1421040302	Vũ Thị Huyền	Trang	19/10/1996	Nữ	Quảng Ninh	2.63	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK59_2
114	1221080073	Nguyễn Thị	Thu	04/01/1993	Nữ	Hà Tây	2.87	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMOTDSS7
115	1421020609	Dương Ngọc	Tiến	27/01/1996	Nam	Hà Nội	2.63	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMOTDSS9_1
116	1421080310	Bùi Thị Hồng	Nhung	26/10/1996	Nữ	Hà Tây	2.67	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMOTKT59_1
117	1421080429	Nguyễn Tuấn	Vũ	31/10/1994	Nam	Hà Nội	2.54	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMOTKT59_2
118	1521080079	Hoàng Minh	Chinh	01/11/1996	Nam	Hà Nội	2.55	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMOTKT60_1
119	1521080013	Trịnh Thị Thu	Hằng	02/05/1997	Nữ	Hải Phòng	3.21	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMOTKT60_1
120	1521080069	Đặng Phương	Thảo	21/08/1996	Nữ	Hà Nội	3.07	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMOTKT60_1
121	1521080090	Nguyễn Thị Minh	Anh	23/08/1997	Nữ	Thanh Hóa	3.71	Xuất sắc	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMOTKT60_2
122	1521080084	Nguyễn Thị	Duyên	22/01/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.87	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMOTKT60_2
123	1521080003	Nguyễn Minh	Hiếu	15/02/1997	Nam	Phú Thọ	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMOTKT60_2
124	1521080352	Trịnh Thị	Loan	08/08/1997	Nữ	Thanh Hóa	3.04	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMOTKT60_2
125	1521080085	Lê Thị	Nhung	01/03/1997	Nữ	Thanh Hóa	2.90	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMOTKT60_2

✓

126	1521080010	Hoàng Thị Thu	Phương	28/06/1996	Nữ	Vĩnh Phúc	3.69	Xuất sắc	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_2
127	1521080290	Vũ Thị Yên	Yên	14/01/1997	Nữ	Hải Dương	2.74	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT60_2
128	1421030091	Hà Trọng Huy	Huy	30/05/1996	Nam	Hà Nội	2.79	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2
129	1321030193	Trần Trọng Siêu	Siêu	05/10/1992	Nam	Nghệ An	2.71	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
130	1521030206	Phạm Thị Thùy Dương	Dương	20/10/1997	Nữ	Quảng Ninh	3.2	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
131	1521030105	Lương Thị Hồng Hạnh	Hạnh	13/02/1997	Nữ	Quảng Ninh	3.32	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC60_2
132	1521030130	Nguyễn Thị Dung	Dung	01/08/1997	Nữ	Lào Cai	2.72	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD60
133	1521030410	Nguyễn Thị Hiền	Hiền	20/11/1996	Nữ	Nam Định	3.08	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD60
134	1621030264	Hồ Linh Chi	Chi	03/01/1998	Nữ	Gia Lai	3.24	Giỏi	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61
135	1621030285	Phạm Văn Đông	Đông	21/03/1998	Nam	Hà Nam	2.99	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61
136	1621030252	Nguyễn Thị Thu Ngân	Ngân	06/01/1998	Nữ	Hà Nội	3.05	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61
137	1621030192	Hoàng Minh Ngọc	Ngọc	05/07/1998	Nam	Nam Định	3.18	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61
138	1621030140	Phạm Thị Quỳnh	Quỳnh	13/08/1998	Nữ	Hà Tây	3.42	Giỏi	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61
139	1621030247	Lê Thị Kim Ngân	Ngân	03/07/1998	Nữ	Thái Bình	3.07	Khá	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	DCTDDDD61B
140	1321030462	Lê Đăng Cường	Cường	11/12/1994	Nam	Nghệ An	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
141	1421030571	Nguyễn Văn Thùy	Thùy	02/10/1996	Nam	Hà Nội	3.45	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_59_3

142	1521030064	Lương Tuấn	Anh	29/06/1997	Nam	Nam Định	2.69	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD60_3
143	1521030091	Tiểu Hoàng	Mạnh	17/11/1996	Nam	Hải Dương	3.32	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD60_3
144	1521030317	Lê Đình	Thông	10/11/1997	Nam	Hà Tĩnh	2.53	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD60_3
145	1521030347	Nguyễn Quang	Vinh	19/07/1997	Nam	Nghệ An	3.4	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD60_3
146	1421070173	Nguyễn Hiếu	Bình	21/04/1996	Nam	Hà Nội	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_2
147	1421070361	Nguyễn Tung	Linh	18/11/1996	Nam	Hà Nội	2.53	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	DCXDDC59_2
148	1421070145	Lý Thuât Trung	Hiếu	22/08/1996	Nam	Hà Nội	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDDHT59_2
149	1731060003	Tô Minh	Thái	26/11/1996	Nam	Hà Nội	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	LCCDDK62
150	1631060011	Nguyễn Đăng	Khoa	10/09/1994	Nam	Hà Nội	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	LCCDDT61
151	1631020067	Lương Văn	Bằng	14/05/1995	Nam	Tuyên Quang	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDDC61_1
152	1631020070	Phạm Công	Huân	21/12/1994	Nam	Tuyên Quang	2.70	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDDC61_1
153	1731030055	Lê Văn	Lượn	03/04/1996	Nam	Nam Định	3.01	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	LCTDDC62_2
154	1731030015	Nguyễn Trần	Tiến	02/02/1994	Nam	Hà Nam	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD62
155	1521080263	Lưu Thị Thu	Thùy	30/10/1997	Nữ	Nam Định	2.95	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_60_2
156	1531050009	Hà Văn	Tuấn	09/04/1994	Nam	Hà Nội	2.58	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	LCCTCT60
157	1421060573	Nguyễn Văn	Thành	06/06/1996	Nam	Quảng Ninh	2.53	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDDTD59_1

158	1614010705	Phạm Thị	Mai	14/03/1998	Nữ	Nam Định	2.57	Khả	Kế toán	Kế toán	CCKTKT61_2
159	1614010021	Đặng Thị	Mai	28/12/1998	Nữ	Hà Nội	2.35	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CCKTKT61
160	1121050089	Tổng Minh	Tân	18/03/1993	Nam	Quảng Ninh	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDSS6

Chữ ký

Số: **59** /QĐ-MDC

Hà Nội, ngày **15** tháng **02** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MDC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế “Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 55, khóa 60; Cao đẳng - khóa 57, khóa 58 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học cho 05 sinh viên đại học - khóa 55, khóa 60; Cao đẳng - khóa 57, khóa 58 hệ chính quy ngành đào tạo: Kế toán, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *leat*

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH_{MT}

HIỆU TRƯỞNG



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2020 - ĐỢT 1

(Kèm theo Quyết định số **59** /QĐ-MĐC ngày **15** tháng **02** năm 2020)

ST T	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã lớp, khóa
1	1314010019	Đỗ Thị	Hằng	11/1/1995	Nữ	2.40	Trung bình	Kế toán	Kế toán	CCCKTKT58
2	1211070117	Nguyễn Huệ	Trí	26/11/1994	Nam	5.81	Trung bình	CN kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng CT ngân và mo	CCXNDNM57B
3	1211070135	Phạm Mạnh	Tuyến	23/03/1994	Nam	5.84	Trung bình	CN kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng CT ngân và mo	CCXNDNM57B
4	1024010641	Vũ Thị	Xuân	8/7/1991	Nữ	3.06	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_55
5	1524010309	Nguyễn Huyền	Trang	17/02/1997	Nữ	2.24	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	ĐCKTKT_60_2

Chữ ký

Số: 1592 /QĐ-MDC

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MDC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế “Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-MDC ngày 28/03/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 61;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 02 sinh viên đại học - khóa 61 hệ chính quy ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh và Kế toán;

1. Ông Saiychai KHAMPHAJANTHONE, sinh ngày 05/05/1992; Nơi sinh: Lào;

Mã sinh viên: 1624010999; Điểm TBTN: 2,35; Xếp loại TN: Trung bình;

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh;

2. Bà Nguyễn Thùy Trang, sinh ngày 03/06/1998; Nơi sinh: Hà Nội;

Mã sinh viên: 1624011006; Điểm TBTN: 2,64; Xếp loại: Khá

Ngành đào tạo: Kế toán

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG